

XÂY DỰNG NIỀM TIN



MARMODOM
BUILDING MATERIALS

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN EAGLE GROUP S.A.



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN EAGLE GROUP S.A.





XÂY DỰNG NIỀM TIN

MARMODOM

MARMODOM là đơn vị sản xuất thuộc sở hữu của Tập đoàn EAGLE Hy Lạp, với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất vữa xây dựng chất lượng cao, với rất nhiều chủng loại sản phẩm liên tục mở rộng.

Việc sử dụng bột đá cẩm thạch trắng chất lượng cao và những nguyên vật liệu thô tuyệt vời khác tạo ra nền tảng vững chắc cho các sản phẩm của MARMODOM. Các sản phẩm của chúng tôi luôn có chất lượng đồng nhất, đã được chứng nhận và dán nhãn CE và ISO 9001, được đảm bảo bằng cách kết hợp việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kiểm soát chất lượng và kiểm tra liên tục.

Tất cả các công việc kiểm soát chất lượng, nghiên cứu và phát triển sản phẩm được thực hiện bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm trong phòng thí nghiệm đầy đủ trang thiết bị tiên tiến.

Mục tiêu của chúng tôi là nhằm cung cấp các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng và dịch vụ khách hàng tối ưu thông qua các sản phẩm chất lượng cao.

MARMODOM... Xây dựng Niềm tin!



Tập đoàn EAGLE SA.

Tập đoàn EAGLE Hy Lạp kết hợp sự kế thừa vững chắc trong các ngành công nghiệp đá cẩm thạch và đá tự nhiên màu trắng với việc áp dụng công nghệ sáng tạo và tinh thần tiên phong.

Với truyền thống lâu đời trong ngành công nghiệp đá cẩm thạch, chúng tôi được kế thừa tình yêu dành cho các loại đá tự nhiên và sự tôn trọng đối với tính chất của chúng. Những ưu tiên chính của chúng tôi là hiểu được các nhu cầu của quý khách, cung cấp các giải pháp tích hợp và cam kết mang lại kết quả có chất lượng cao. Linh hoạt trong các giải pháp được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu khách hàng thông qua kỹ thuật chuyên môn, thiết bị công nghệ tiên tiến và đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm của chúng tôi đóng vai trò đảm bảo cho kết quả thành công. Tập đoàn EAGLE cung cấp hàng loạt các loại vật liệu, trong đó có nhiều loại đá cẩm thạch trắng từ mỏ đá chủ yếu nằm ở miền Nam Châu Âu và từ khắp nơi trên thế giới.

Cung cấp các giải pháp tích hợp

Song song với các cơ sở chế biến đá cẩm thạch, tập đoàn chúng tôi duy trì một nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng MARMODOM, một nhà máy chế biến gỗ, một công ty vận tải, một cơ sở sửa chữa và bảo dưỡng xe, cũng như một bộ phận chăm sóc khách hàng. Văn phòng chúng tôi đặt tại Drama, Hy Lạp.

Văn phòng quan trọng đảm bảo sự lưu thông thông suốt của chuỗi cung ứng, mà không cần sự can thiệp từ bên ngoài, đảm bảo một quá trình giao hàng nhanh chóng và vô cùng ấn tượng cho các khách hàng của chúng tôi.

Đá cẩm thạch giúp ý tưởng của bạn cất cánh và EAGLE sẽ mang các ý tưởng này vươn xa thậm chí ngoài sự mong đợi của bạn.

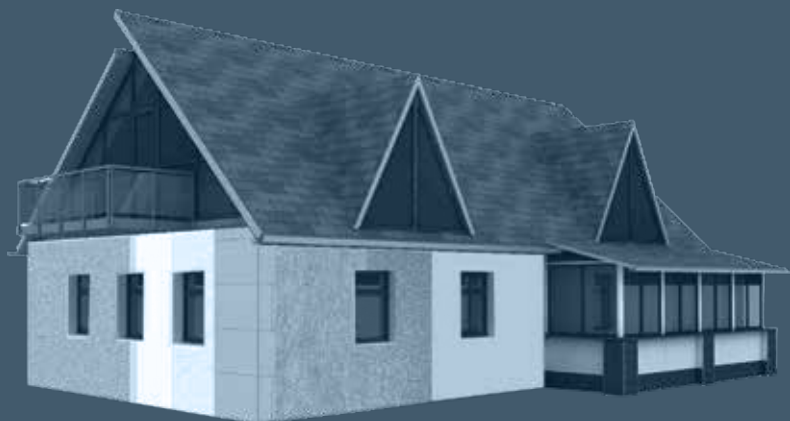




17

18

NHÓM Mục lục



01

Vữa khô trộn sẵn – Vữa khô 14

02

Vữa nhào phủ lớp ngoài cùng, sẵn sàng sử dụng 24

Chất tạo màu cho vữa / sáng bóng bề mặt

03

Keo dành cho tấm cách nhiệt30 (Kết dính & phủ)

Bột nhào acrylic dẻo có sợi gia cường
Kết dính có sợi gia cường
Kết dính không có sợi gia cường



04

Sản phẩm cách nhiệt bên ngoài được chứng nhận BIOPANOPLY 42

-BIOPANOPLY EPS
-BIOPANOPLY XPS
-BIOPANOPLY WOOL

Keo dành cho tấm cách nhiệt (kết dính bề mặt & phủ tấm cách nhiệt)

Tấm cách nhiệt
Gia cường hệ thống
Trát phủ sản phẩm hoàn thiện

05

Keo dán gạch 48

Keo dán gạch
Keo dán gạch đặc biệt
Bảng lựa chọn vật liệu phụ trợ cho keo dán gạch / chất phủ bề mặt

06

Keo chà ron 82

Kết dính
Nhựa epoxi
Vệ sinh

07



Sản phẩm chống nước 90

Vật liệu xử lý bề mặt trát

- A) Sản phẩm acrylic chống nước
- B) Sản phẩm chống nước hỗn hợp
- C) Sản phẩm chống nước polyurethane
- D) Sản phẩm chống nước kết dính



08

Nền sàn - Sàn nhà 102

- A) Nền sàn
- B) Sàn công nghiệp
- C) Thẩm thấu / véc ni

09

Sản phẩm làm sáng bóng bề mặt MARMOFINISH 110

Chuẩn bị bề mặt trát

Lớp dưới cùng

Lớp trên cùng

Véc ni bảo vệ

10

Thi công - Sửa chữa 120

- A) Sửa chữa – Phục hồi
- B) Vữa xây dựng
- C) Vữa lát đá cẩm thạch -
Lắp nóc

11

Vữa Stucco 128

Vữa nhựa kết dính stucco

12

Chất lỏng – Keo 132

- Nhựa xây dựng
- Nhựa acrylic
- Thay thế amiăng

13

Lớp lót 136

- A) Lớp lót không có lớp đệm
- B) Lớp lót có đệm cát thạch anh

14

Linh kiện 144



B

BIO PLASTER (25 kg, 5 kg)	25
Vữa dẻo acrylic trang trí, chống nước với nhiều màu sắc (màu trắng & các màu khác)	
BIOPANOPLY ACRYL (25 kg)	31
Keo dẻo có sợi gia cường dạng bột nhão dành cho tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)	
BIOPRIMER (17 kg, 4 kg) Vữa lót kết dính có cát thạch anh dành cho lớp lót	139
BOARD PRIMER (18 kg, 5 kg)	138
Vữa lót thấm thấu sâu, ổn định chống nước không có lớp đệm	

C

COLORFILL CLEAN (1 kg) Chất làm sạch đá tự nhiên và vữa trám trét	88
COLORFILL EPOXY PRO (10 kg, 5 kg, 3 kg)	86
Keo trét mạch có 2 thành phần nhựa dùng để trét mạch có chiều dày <= 6mm có sẵn với 6 màu lựa chọn	
COLORFILL PLATINUM (20 kg, 5 kg, 2 kg)	84
Keo trét mạch kết dính để trét mạch có chiều dày <= 6mm	
CORRO PROTECT (1 kg) Bảo vệ chống ăn mòn bê tông cốt thép	121

D

DB 2000 (20 kg) Keo dán gạch C2TE đặc biệt dành cho lớp móng dày (màu trắng)	78
DECOPLASTER (25 kg) Vữa phủ ngoài cùng (nhiều màu sắc)	21

E

EASY ROLL (25 kg, 5 kg)	26
Vữa lăn dẻo acrylic chống nước với nhiều màu sắc (màu trắng & các màu khác)	
ES G1 (20 kg) Keo dán gạch C1 màu xám)	50
ES W1 (20 kg, 5 kg) Keo dán gạch C1 (màu trắng)	49

F

FK 10G (20 kg) Keo dán gạch dẻo C1T (màu xám)	54
FK 10W (20 kg, 5 kg) Keo dán gạch dẻo C1T (màu trắng)	52
FL100 ST BASIC (25 kg) Keo không có sợi gia cường dành cho tấm cách nhiệt (kết dính)	40
FL100 ST BIOPANOPLY (25 kg)	32
Keo có sợi gia cường dành cho tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)	
FL100 ST STANDARD (25 kg)	38
Keo có sợi gia cường dành cho tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)	
FL100 ST THICK (25 kg).....	34
Keo có sợi gia cường dành cho tấm cách nhiệt, đặc biệt dành cho lớp móng dày và rộng (kết dính & phủ)	
FL100 ST WOOL (25 kg)	36
Keo có sợi gia cường dành cho tấm cách nhiệt và bông cách nhiệt (cách nhiệt & phủ)	
FLEXY 100 (20 kg) Keo dán gạch dẻo "FLEXY" C2TES1 (màu xám)	66
FLEXY 100G (20 kg) Keo dán gạch dẻo "FLEXY" C2TES1 (màu xám)	68
FLS 1000 (20 kg, 5 kg) Keo dán gạch dẻo "SUPER ELASTIC" C2TES1 (màu trắng).....	70
FLS 1000G (20 kg) Keo dán gạch dẻo "SUPER ELASTIC" C2TES1 (màu xám)	72
FLS 2000 (20 kg) Keo dán gạch dẻo "ULTRA ELASTIC" C2TES2 (màu trắng)	74

G

GM 1 (20 kg, 5 kg) Keo đá granite và cẩm thạch C2T (màu trắng)	60
GM 50 (40 kg) Vữa lót "phun".....	15
GS 100 L (40 kg) Vữa trát chính (màu xám).....	16
GS 100 L FIBRE REINFORCED (25 kg) Vữa trát chính có sợi gia cường (màu xám).....	17

M

MARMO COLOR Chất tạo màu cho vữa / làm sáng bóng bề mặt	29
MARMOCONTACT (20 kg, 5 kg, 1 kg) Vữa lót kết dính có cát thạch anh 141	
MARMO FLOW (18 kg, 5 kg, 1 kg) Thay thế amiăng	135
MARMO LATEX (18 kg, 5 kg, 1 kg) Nhựa xây dựng	133

MARMO PLUS (18 kg, 5 kg, 1 kg) Nhựa gia cường	134
MARMOCEM (25 kg) Vật liệu trám kín kết dính nhờ thẩm thấu một thành phần, có thể cọ rửa	97
MARMOCEM ELASTIK (25 kg, 7,5 kg)	100
Vật liệu trám kín kết dính siêu dẻo 2 thành phần, có thể cọ rửa	
MARMOCEM LAST (25 kg, 5 kg & 5 kg, 1 kg)	98
Vật liệu trám kín kết dính nhờ thẩm thấu 2 thành phần, có thể cọ rửa	
MARMOFINISH FW (25 kg) Vữa lớp dưới cùng làm sáng bóng bề mặt có sợi gia cường	114
MARMOFINISH FW EXTRA FINE (25 kg)	117
Lớp phủ siêu mỏng trên cùng làm sáng bóng bề mặt	
MARMOFINISH FW FINAL (25 kg) Lớp phủ mỏng trên cùng làm sáng bóng bề mặt	116
MARMOFINISH FW PASTE (25 kg) Bột nhào làm sáng bóng bề mặt	118
MARMOFIX 500 (20 kg) Keo dán gạch cường độ cao C2TE (màu trắng)	62
MARMOFIX 500G (20 kg) Keo dán gạch cường độ cao C2TE (màu xám)	64
MARMO FLEX PRIMER (5 kg, 1 kg) Lớp lót dẻo chống nước	92
MARMOFLEX ACRYL (15 kg, 5 kg, 1 kg) Màng chống nước có tính đàn hồi cao	93
MARMOFLEX PU W (13 kg, 4 kg) Màng chống nước polyurethane	94
MARMOFLEX HYBRID (13 kg, 4 kg) Màng chống nước hỗn hợp	96
MARMOFLOOR SL (25 kg) Xi măng tự láng phẳng nền sàn	105
MARMOPLASTER MOSAIC (25 kg, 5 kg)	28
Lớp trát acrylic dẻo trang trí kết hợp với màu sắc đá granite có sẵn với 12 lựa chọn	
MD 10 (25 kg) Bột dành cho cấu kiện xây gạch	124
MW 200 (40 kg) Vữa phủ một lớp (MONOCOUCHE) (màu trắng)	18
MW 200 FIBRE REINFORCED (25 kg, 5 kg) Vữa phủ có sợi gia cường một lớp (màu trắng)	19

P

PL 20 (20 kg) Keo dán gạch acrylic dẻo "PLUS" C2 (màu trắng)	56
POROBOND 50 (25 kg) Vữa kết dính bê tông xốp	125
PROTECTOR SHIELD ACRYL (5 kg, 1 kg)	107
Chất khuếch tán acrylic trong suốt mang tính chất bảo vệ	
PROTECTOR SHIELD GLOSS (5 kg, 1 kg)	108
Lớp phủ 2 thành phần polyurethane trong suốt	
PROTECTOR SHIELD MATT (5 kg, 1 kg)	109
Lớp phủ 2 thành phần polyurethane trong suốt	
PS PRIMER (20 kg, 5 kg, 1 kg) Vữa lót kết dính chống nước, cường độ cao có	140

Q

QF 100 INDUSTRIAL (25 kg) Chất làm cứng bề mặt sàn công nghiệp	106
---	------------

R

REFIXCEM (25 kg) Vữa sửa chữa có sợi gia cường, cường độ cao	122
REFIXFLOW (25 kg) Vữa sửa chữa cường độ cao, đổ khuôn	123
RG 200 FAST (20 kg, 5 kg) Keo dán gạch dính siêu nhanh cho mục đích đặc biệt C2FT (màu trắng)	76
ROOF CEM (20 kg) Vữa trám trét nóc mái nhà	127

S

VỮA SILICONE (25 kg, 5 kg)	27
Vữa dẻo trang trí, thẩm thấu hơi với nhiều màu sắc (màu trắng & các màu khác)	
SPATULA 100 (20 kg) Vữa nhựa kết dính stucco	130
SPATULA 300 (20 kg) Vữa nhựa kết dính stucco	131
STONEFIX 20 (25 kg) Vữa lát đá tự nhiên	126
SUPER BOND LỚP LÓT (20 kg, 5 kg, 1 kg) Vữa dành cho lớp lót cường độ cao không có lớp đệm	137

T

TC 500 FINE (25 kg) Vữa phủ lớp ngoài cùng (màu trắng)	20
TS 1 (40 kg) Xi măng tự láng phẳng nền sàn	104





MARMODOM

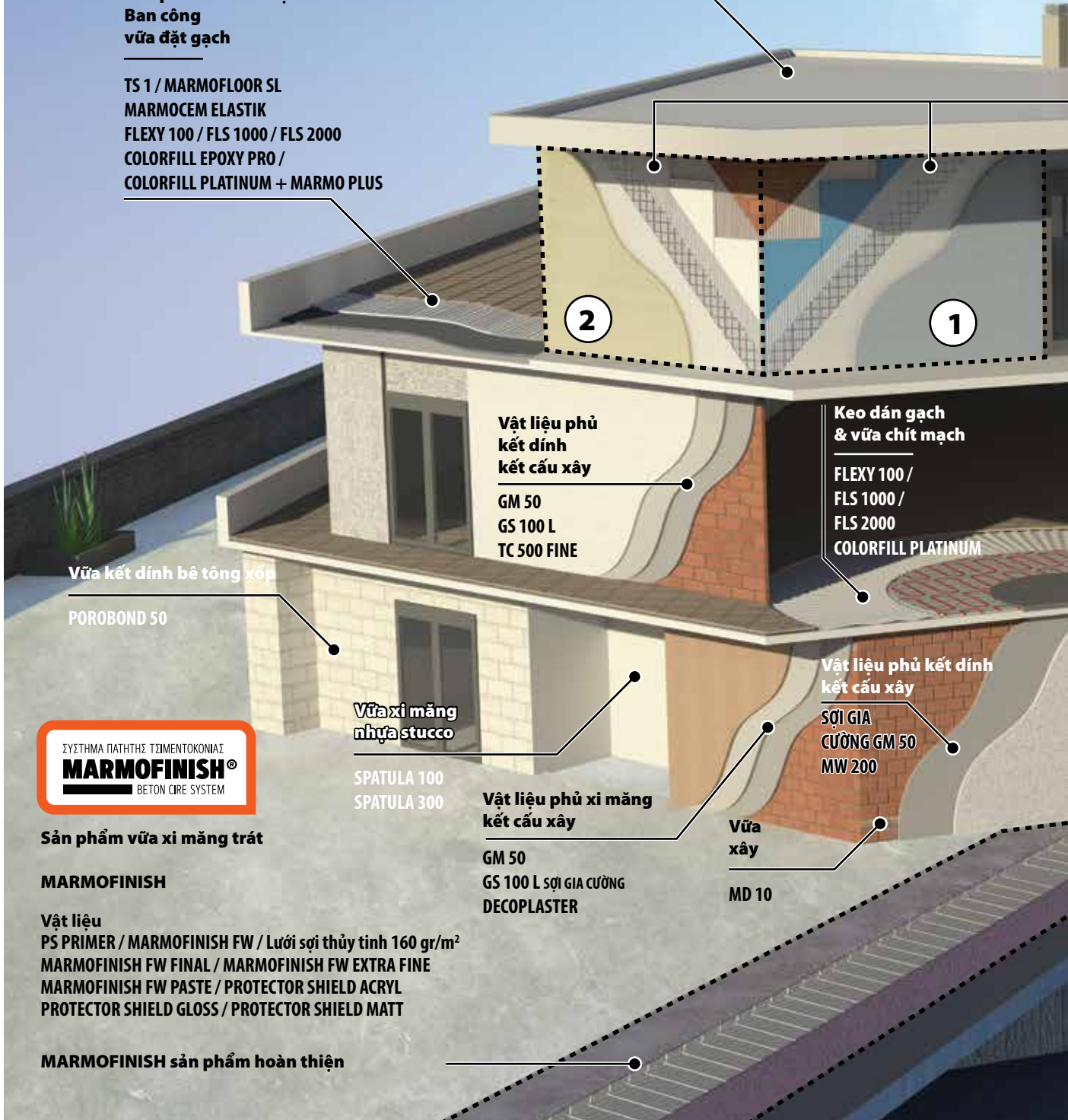
BUILDING MATERIALS

Các sản phẩm Cách nhiệt mái

MARMOFLEX PRIMER
MARMOFLEX Acryl /
MARMOFLEX Hybrid /
MARMOFLEX PU W

Sản phẩm cách nhiệt Ban công vữa đặt gạch

TS 1 / MARMOFLOOR SL
MARMOCEM ELASTIK
FLEXY 100 / FLS 1000 / FLS 2000
COLORFILL EPOXY PRO /
COLORFILL PLATINUM + MARMO PLUS



2

1

Vật liệu phủ kết dính kết cấu xây

GM 50
GS 100 L
TC 500 FINE

Keo dán gạch & vữa chít mạch

FLEXY 100 /
FLS 1000 /
FLS 2000
COLORFILL PLATINUM

Vữa kết dính bê tông xốp

POROBOND 50

Vữa xi măng nhựa stucco

SPATULA 100
SPATULA 300

Vật liệu phủ kết dính kết cấu xây

SỢI GIA
CƯỜNG GM 50
MW 200

Vật liệu phủ xi măng kết cấu xây

GM 50
GS 100 L SỢI GIA CƯỜNG
DECOPLASTER

Vữa xây

MD 10

ΣΥΣΤΗΜΑ ΠΑΤΗΤΗΣ ΤΣΙΜΕΝΤΟΚΟΜΙΑΣ
MARMOFINISH®
BETON CIRE SYSTEM

Sản phẩm vữa xi măng trát

MARMOFINISH

Vật liệu

PŚ PRIMER / MARMOFINISH FW / Lưới sợi thủy tinh 160 gr/m²
MARMOFINISH FW FINAL / MARMOFINISH FW EXTRA FINE
MARMOFINISH FW PASTE / PROTECTOR SHIELD ACRYL
PROTECTOR SHIELD GLOSS / PROTECTOR SHIELD MATT

MARMOFINISH sản phẩm hoàn thiện



Các sản phẩm được chứng nhận:
Cách nhiệt bên ngoài (ETICS)

BIOPANOPLY XPS ①
(polystyrene đùn)

BIOPANOPLY EPS ②
(graphite polystyrene mở rộng)

BIOPANOPLY WOOL ③
(sản phẩm bông khoáng cách nhiệt)

Vật liệu:

BIOPANOPLY ACRYL
FL100 ST BIOPANOPLY /
FL100 ST THICK /
FL100 ST WOOL /
FL100 ST STANDARD
BIOPRIMER
BIOPLASTER / EASYROLL /
SILICONE PLASTER /
MARMOPLASTER MOSAIC /
DECOPLASTER

2

3

Keo dán gạch
nhũ tương phủ
cốt thép

MARMOFIX 500 / FLEXY 100 / GM 1 /
FLS 1000 / FLS 2000

COLORFILL EPOXY PRO /
COLORFILL PLATINUM + MARMO PLUS

Vữa
đá cẩm thạch

STONEFIX 20

Vữa xi măng trát
phẳng

TS 1
MARMOFLOOR SL

Vật liệu trát trét
công trình ngầm
giếng bể

REFIXCEM
MARMOCEM LAST

Vật liệu bảo vệ
chống ăn mòn
bê tông cốt thép

CORRO PROTECT

Keo dán gạch
nhũ tương phủ
vật liệu keo trét mạch

FLS 1000 + MARMO PLUS /
FLS 2000
COLORFILL EPOXY PRO



Chứng nhận

Phòng thí nghiệm chuyên ngành của chúng tôi thực hiện kiểm tra lấy mẫu cơ lý liên tục hàng ngày trong các giai đoạn quan trọng nhất của quá trình sản xuất để đảm bảo chất lượng vững vàng của tất cả các sản phẩm của chúng tôi, được sản xuất tuân thủ theo các quy định của Liên minh Châu Âu.

Công ty chúng tôi và sản phẩm của mình được chứng nhận, đáp ứng tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015 về sản xuất, thiết kế và bán hàng. Các sản phẩm của chúng tôi được chứng nhận trên cơ sở các tiêu chuẩn hiện hành của Liên minh Châu Âu và gắn nhãn CE, chỉ ra rằng các sản phẩm đang để cập đến phù hợp với các quy định của Liên minh Châu Âu về sức khỏe, an toàn và bảo vệ môi trường được đưa ra thị trường và phân phối rộng khắp trên toàn thị trường Châu Âu, do đó đại diện cho "hộ chiếu" Châu Âu của mình.

Thủ tục cấp giấy chứng nhận CE bao gồm xác minh việc tuân thủ các hướng dẫn sản phẩm riêng một cách cụ thể, làm rõ các yêu cầu thiết kế, kiểm tra việc kiểm soát chất lượng sản xuất, sự phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, việc duy trì một hồ sơ kỹ thuật về sản phẩm và xác nhận của tất cả các nội dung để cập ở trên bởi một cơ quan độc lập, có chức năng giám sát và đánh giá hệ thống chất lượng tổng thể của công ty.





01

Vữa khô trộn sẵn – Vữa khô

Vữa lót "phun" GM 50 (40 kg)	15
Lớp vữa chính (màu xám) GS 100 L (40 kg)	16
GS 100 L FIBRE-REINFORCED (25 kg)	17
Vữa trát một lớp (màu trắng) MW 200 (40 kg)	18
MW 200 FIBRE-REINFORCED (25 kg, 5 kg)	19
Vữa trát lớp ngoài cùng TC 500 FINE (25 kg) (màu trắng).....	20
DECOPLASTER (25 kg) (nhiều màu)	21

LƯU Ý

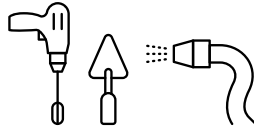
Không nên sử dụng vữa trộn sẵn trực tiếp lên tường thạch cao hoặc vữa thạch cao, trừ khi thuộc trách nhiệm của người sử dụng và đã trát trước một lớp lót acrylic.

Sử dụng quá lượng nước sẽ làm giảm chất lượng sản phẩm.

Vữa trộn sẵn có chứa xi măng, được xếp vào loại vật liệu có tính kích thích. Hãy đọc kỹ hướng dẫn an toàn và các biện pháp phòng ngừa có trong Bảng Chỉ dẫn An toàn Hóa chất của sản phẩm.

LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối với mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.



GM 50

Vữa "phun"
(PHUN) (màu xám)

GM 50 được sử dụng như lớp vữa (phun) đầu tiên, tăng cường độ bám dính của lớp vữa cơ sở hay lớp vữa chính tiếp theo. Được sử dụng trước khi trát cho các kết cấu xây bằng gạch, bê tông, bê tông xốp, cấu kiện xi măng, đá, tấm cách nhiệt, v.v... Ngoài ra còn có thể sử dụng cho nhiều công trình sửa chữa khác nhau. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất, phù hợp với các mục đích sử dụng bên trong và bên ngoài ngôi nhà. Mang lại cường độ cơ khí cao, độ bám dính tuyệt vời và khả năng chống ẩm và sương giá. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp vữa với xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nhuyển với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 998-1:2010 / CSIV, W2. Cỡ hạt <2,4 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 5,5 - 6,0 lít/bao) vào sản phẩm trong bao, sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm hoặc máy trộn xi măng truyền thống cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất.
- Có thể sử dụng thông thường (bằng tay) hoặc các thiết bị trát vữa hiện đại.
- Phải trát đều để che kín các kết cấu xây hoàn toàn và tạo mặt nhám. Nên tưới nước trong hai giai đoạn của hai mươi bốn giờ đầu tiên.

- Phải trát lớp vữa chính hay lớp vữa cơ sở sau hai hoặc ba ngày. Tùy theo điều kiện thời tiết mà khung thời gian cụ thể nên được kéo dài.
- Trong khi thi công thì nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 5 kg/m² phụ thuộc vào loại bề mặt và điều kiện bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 40 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn: EN 998-1:2010 / CS IV, W2, cỡ hạt <2,4 mm

01

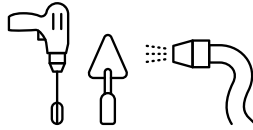
Vữa khô trộn sẵn – Vữa khô

Cỡ hạt	0,0-2,4 mm	Cường độ chịu nén	9,2 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.690 kg/m	Cường độ chịu uốn	3,5 N/mm ²
Lượng sử dụng	5,0 kg/m ²	Độ hút nước mao dẫn (C _m)	0,05 kg/m ² . min ^{0.5}
Độ bám dính	2,3 N/mm ²		



GS 100 L

Lớp vữa chính (màu xám)



GS 100 L được sử dụng như một lớp vữa chính cho các bề mặt trong nhà và ngoài trời. Dùng cho các kết cấu xây bằng gạch, bê tông, bê tông xốp, cấu kiện xi măng, đá, v.v... Ngoài ra còn phù hợp cho nhiều công trình sửa chữa khác nhau.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Mang lại cường độ cơ khí cao, độ bám dính tuyệt vời và khả năng chống ẩm và sương giá. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Vữa xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiến với cỡ hạt được chọn, vôi tôi và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 998-1:2010 / CSIII, W2. Cỡ hạt <2,4 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 8,0 lít/bao) và sử dụng máy trộn xi măng truyền thống hoặc các thiết bị trát vữa hiện đại. GS 100 L được trát bên ngoài lớp vữa "phun" (GM 50), bằng tay bằng cách sử dụng bay hoặc trực tiếp bằng cách sử dụng thiết bị trát vữa. Cũng có thể sử dụng trực tiếp trên bề mặt tường.
- Cần sử dụng các tấm lưới sợi thủy tinh để tránh các vết nứt và ứng suất cao giữa các loại bề mặt khác nhau, như bê tông, gạch, bê tông xốp, v.v... Đầu tiên trát vữa 1/3, sau đó đặt các tấm lưới sợi thủy tinh và cuối cùng trát 2/3 vữa còn lại. Sau khi trát, làm phẳng bề mặt bằng thước cân kim loại (bay). Nên tưới nước dưỡng ẩm trong hai ngày.
- Hãy sử dụng nẹp viền góc để bảo vệ các góc hờ khỏi bị hư hỏng và giữ bề mặt phẳng.
- GS 100 L được sử dụng như một lớp vữa chính để được phủ bằng lớp vữa trang trí TC 500 FINE, DECOPLASTER hay lớp vữa nhào như BIOPLASTER. Sau khi khô, xoa phẳng bằng cách sử dụng bàn xoa hoặc một miếng bọt biển ướt và cứng mang lại bề mặt

("trát nhẵn") hơi thô nhưng bằng phẳng, để được phủ lớp trát trang trí. GS 100 L phải khô hoàn toàn trước khi trát lớp vữa trang trí. Tùy theo mùa, cần ít nhất 2-3 ngày.

- Nếu lớp trát chính không được phủ bằng lớp vữa trang trí, nó có thể được chà nhám bằng tay, bằng cách xoa phẳng theo chuyển động có tính chu kỳ sử dụng bàn xoa với một miếng bọt biển ướt cứng. Để có kết quả tốt nhất, sau đó sử dụng bàn xoa với miếng bọt biển khô.
- Phải trát trong phạm vi nhiệt độ từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 13-14 kg/m² cho lớp trát có độ dày 1,0 cm, phụ thuộc vào loại bề mặt và điều kiện bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

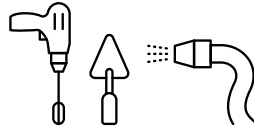
- Trong bao 40 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn: EN 998-1:2010 / CS III, W2, cỡ hạt <2,4 mm

Cỡ hạt	0,0-2,4 mm	Cường độ chịu nén	4,1 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.730 kg/m ³	Cường độ chịu uốn	1,7 N/mm ²
Lượng sử dụng	13-14 kg/m ²	Độ hút nước mao dẫn (C _m)	0,16 kg/m ² . min ^{0,5}
Độ bám dính	1,8 N/mm ²		





GS 100 L SỢI GIA CƯỜNG

Lớp vữa chính
(màu xám)



GS 100 có sợi gia cường được sử dụng như một lớp vữa chính cho các bề mặt trong nhà và ngoài trời. Dùng cho các kết cấu xây bằng gạch, bê tông, bê tông xốp, cấu kiện xi măng, đá, v.v... Ngoài ra còn phù hợp cho nhiều công trình sửa chữa khác nhau. Tính chất cơ học của nó, chẳng hạn như cường độ chịu uốn và chịu nén được cải thiện so với GS 100 L không có sợi gia cường, trong khi tính dễ thi công của nó vẫn không thay đổi. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Mang lại cường độ cơ khí cao, độ bám dính tuyệt vời và khả năng chống ẩm và sương giá. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Vữa xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cỡ hạt nghiền với cỡ hạt được chọn, vôi tôi, sợi propylene và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 998-1:2010 / CSIII, W2. Cỡ hạt <2,4 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 5,0 lít/bao) và sử dụng máy trộn xi măng truyền thống hoặc các thiết bị trát vữa hiện đại. GS 100 L có được trát bên ngoài lớp vữa "phun" (GM 50), bằng tay sử dụng bay hoặc trực tiếp bằng cách sử dụng thiết bị trát vữa. Cũng có thể sử dụng trực tiếp trên bề mặt tường.
- Cần sử dụng các tấm lưới sợi thủy tinh để tránh các vết nứt và ứng suất cao giữa các loại bề mặt khác nhau, như bê tông, gạch, bê tông xốp, v.v... Đầu tiên trát vữa 1/3, sau đó đặt các tấm lưới sợi thủy tinh và cuối cùng trát 2/3 vữa còn lại. Sau khi trát, làm phẳng bề mặt bằng thước cán kim loại (bay). Nên tưới nước dưỡng ẩm trong hai ngày.
- Hãy sử dụng nẹp viền góc để bảo vệ các góc hờ khỏi bị hư hỏng và giữ bề mặt phẳng.

- GS 100 có sợi gia cường được sử dụng như một lớp vữa chính để được phủ bằng lớp vữa trang trí TC 500 FINE, DECOPLASTER hay lớp vữa nhào như BIOPLASTER. Sau khi khô, xoa phẳng bằng cách sử dụng bàn xoa hoặc một miếng bọt biển ướt và cứng mang lại bề mặt ("trát nhẵn") hơi thô nhưng bằng phẳng, để được phủ lớp trát trang trí. GS 100 L phải khô hoàn toàn trước khi trát lớp vữa trang trí. Tùy theo mùa, cần ít nhất 2-3 ngày.
- Nếu lớp trát chính không được phủ bằng lớp vữa trang trí, nó có thể được chà nhám bằng tay, bằng cách xoa phẳng theo chuyển động có tính chu kỳ sử dụng bàn xoa với một miếng bọt biển ướt cứng. Để có kết quả tốt nhất, sau đó sử dụng bàn xoa với miếng bọt biển khô.
- Phải trát trong phạm vi nhiệt độ từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 13 -14 kg/m² phụ thuộc vào loại bề mặt và điều kiện bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

01

Vữa khô trộn sẵn – Vữa khô

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

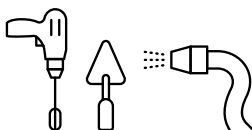
Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998 - 1:2010 / CS IV, W2, cỡ hạt <2,4 mm

Cỡ hạt	0,0-2,4 mm	Cường độ chịu nén	>4,1 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.730 kg/m ³	Cường độ chịu uốn	>1,7 N/mm ²
Lượng sử dụng	13-14 kg/m ²	Độ hút nước mao dẫn (C _m)	0,16 kg/m ² . min ^{0.5}
Độ bám dính	1,8 N/mm ²		



MW 200

Lớp trát một lớp (màu trắng)



MW 200 được sử dụng như lớp trát một lớp trên các bề mặt trong nhà và ngoài trời. Dùng cho các kết cấu xây bằng gạch, bê tông, bê tông xốp, cấu kiện xi măng, đá, v.v... Ngoài ra còn phù hợp cho nhiều công trình sửa chữa khác nhau.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Mang lại cường độ cơ khí cao, độ bám dính tuyệt vời và khả năng chống ẩm và sương giá. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cảm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, vôi tôi và keo đặc biệt.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 998-1:2010 / CS III, W2. Cỡ hạt <1,3 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 8,0 lít/bao) và sử dụng máy trộn xi măng truyền thống hoặc các thiết bị trát vữa hiện đại. MW 200 được trát bên ngoài lớp vữa "phun" (GM 50), bằng tay bằng cách sử dụng bay hoặc trực tiếp bằng cách sử dụng thiết bị trát vữa.
- Cần sử dụng các tấm lưới sợi thủy tinh để tránh các vết nứt và ứng suất cao giữa các loại bề mặt khác nhau, như bê tông, gạch, bê tông xốp, ván cách nhiệt, v.v... Đầu tiên trát vữa 1/3, sau đó đặt các tấm lưới sợi thủy tinh và cuối cùng trát 2/3 vữa còn lại.
- Sau khi trát, làm phẳng bề mặt bằng thước cán kim loại (bay). Hãy sử dụng nẹp viền góc để bảo vệ các góc hờ khỏi bị hư hỏng và giữ bề mặt phẳng.

- Sau khi lớp trát đạt tới mức độ yêu cầu (thời gian cần thiết tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, độ dày lớp trát và bề mặt), lớp trát được làm phẳng bằng tay, bằng cách xoa phẳng theo chuyển động có tính chu kỳ, sử dụng bàn xoa với một miếng bọt biển ướt và cứng. Để có kết quả tốt nhất, sau đó sử dụng bàn xoa với miếng bọt biển khô.
- Phải trát trong phạm vi nhiệt độ từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 12,0-13,0 kg/m² cho lớp trát có độ dày 1,0 cm, phụ thuộc vào loại bề mặt và điều kiện bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 40 kg trên tấm kê hàng hay hàng rời trong thùng chứa dung tích lớn.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

01

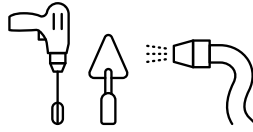
Vữa khô trộn sẵn – Vữa khô

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn: EN 998-1:2010 / CS III, W2, cỡ hạt <1,3 mm

Cỡ hạt	0,0-1,3 mm	Độ bám dính	1,9 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.610 kg/m ³	Cường độ chịu nén	5,5 N/mm ²
Lượng sử dụng	12,0-13,0 kg/m ²	Cường độ chịu uốn	2,4 N/mm ²
Độ dẫn nhiệt $\lambda_{10, \text{khô}}$	0,61 W/m-K	Độ hút nước mao dẫn (C _m)	0,14 kg/m ² . min ^{0,5}





MW 200 SỢI GIA CƯỜNG

**Lớp trát một lớp
(màu trắng)**

MW 200 có sợi gia cường được sử dụng như lớp trát một lớp trên các bề mặt trong nhà và ngoài trời. Dùng cho các kết cấu xây bằng gạch, bê tông, bê tông xốp, cấu kiện xi măng, đá, v.v... Ngoài ra còn phù hợp cho nhiều công trình sửa chữa khác nhau. Tính chất cơ học của nó chẳng hạn như cường độ chịu uốn và chịu nén được cải thiện so với MW 200 không có sợi gia cường, trong khi tính dễ thi công của nó vẫn không thay đổi.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Mang lại cường độ cơ khí cao, độ bám dính tuyệt vời và khả năng chống ẩm và sương giá. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiến với cỡ hạt được chọn, vôi tôi, sợi propylene và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 998-1:2010 / CSIII, W2. Cỡ hạt <1,3 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 5,0 lít/bao) và sử dụng máy trộn xi măng truyền thống hoặc các thiết bị trát vữa hiện đại. MW 200 có sợi gia cường được trát bên ngoài lớp vữa "phun" (GM 50) hoặc bằng tay bằng cách sử dụng bay hoặc trực tiếp bằng cách sử dụng thiết bị trát vữa.
- Cần sử dụng các tấm lưới sợi thủy tinh để tránh các vết nứt và ứng suất cao giữa các loại bề mặt khác nhau, như bê tông, gạch, bê tông xốp, ván cách nhiệt, v.v... Đầu tiên trát vữa 1/3, sau đó đặt các tấm lưới sợi thủy tinh và cuối cùng trát 2/3 vữa còn lại.
- Sau khi trát, làm phẳng bề mặt bằng thước cán kim loại (bay). Hãy sử dụng nẹp viền góc để bảo vệ các góc hở khỏi bị hư hỏng và giữ bề mặt phẳng.

- Sau khi lớp trát đạt tới mức độ yêu cầu (thời gian cần thiết tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, độ dày lớp trát và bề mặt), lớp trát được làm phẳng bằng tay, bằng cách xoa phẳng theo chuyển động có tính chu kỳ, sử dụng bàn xoa với một miếng bọt biển ướt và cứng. Để có kết quả tốt nhất, sau đó sử dụng bàn xoa với miếng bọt biển khô.
- Phải trát trong phạm vi nhiệt độ từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 12,0-13,0 kg/m² cho lớp trát có độ dày 1,0 cm, phụ thuộc vào loại bề mặt và điều kiện bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, 5 kg trên tấm kê hàng và bao trong thùng cát tông 4.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

01

Vữa khô trộn sẵn – Vữa khô

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

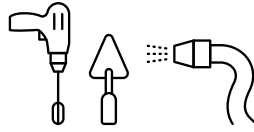
Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998 - 1:2010 / CS III, W2, grain size <1,3 mm

Cỡ hạt	0,0-1,3 mm	Độ bám dính	1,9 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.610 kg/m	Cường độ chịu nén	>5,5 N/mm ²
Lượng sử dụng	12,0-13.0 kg/m ²	Cường độ chịu uốn	>2,4 N/mm ²
Độ dẫn nhiệt $\lambda_{10, \text{khô}}$	0,61 W/m.K	Độ hút nước mao dẫn (C _m)	0,14 kg/m ² . min ^{0.5}



TC 500 FINE

Lớp phủ ngoài cùng
(màu trắng)



TC 500 FINE là một lớp trang trí mỏng được sử dụng như một lớp phủ ngoài cùng trên các bề mặt trong nhà và ngoài trời. Nó được phủ lên lớp vữa chính, không cần phải sơn hay trát lên bề mặt sau khi sử dụng nó. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, vôi tôi và keo đặc biệt.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 998-1:2010 / CSII, W0. Cỡ hạt <1,3 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 5,0 lít/bao) và sử dụng máy trộn xi măng truyền thống hoặc các thiết bị trát vữa hiện đại.
- TC 500 FINE được phủ lên lớp vữa chính, bằng cách sử dụng bàn xoa hay bay làm bằng thép không gỉ hoặc trực tiếp sử dụng thiết bị trát vữa. Lớp có chiều dày khoảng 3-4 mm, cũng có thể được phủ hai lớp, phủ lớp thứ hai trước khi lớp thứ nhất khô hoàn toàn. Tổng chiều dày lớp phủ không vượt quá 0,5 cm. Sử dụng bàn xoa kim loại hay cái bay để trát và hoàn thiện.

- Sau khi lớp trát đạt độ cứng theo yêu cầu (thời gian cần thiết tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, độ dày lớp trát và bề mặt), lớp trát được làm phẳng bằng tay, bằng cách xoa phẳng theo chuyển động có tính chu kỳ, sử dụng bàn xoa với một miếng bọt biển ướt và cứng. Để có kết quả tốt nhất, sau đó sử dụng bàn xoa với miếng bọt biển khô.
- Để có kết quả tối ưu, hoàn thiện bề mặt phải được thực hiện ngay sau khi trát vữa, như một công đoạn.
- Phải trát trong phạm vi nhiệt độ từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 5,0 kg/m² cho lớp trát có chiều dày 3 mm, phụ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

01

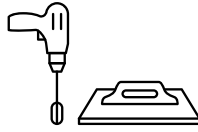
Vữa khô trộn sẵn – Vữa khô

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998-1:2010 / CSII, W0, cỡ hạt <1,3 mm

Cỡ hạt	0,0-1,3 mm	Cường độ chịu nén	≥3,0 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	~1.500 kg/m ³	Cường độ chịu uốn	≥1,0 N/mm ²
Lượng sử dụng	~5,0 kg/m ²	Độ hút nước mao dẫn (C _m)	~0,6 kg/m ² . min ^{0,5}
Độ bám dính	≥0,7 N/mm ²		





DECOPLASTER

Lớp phủ trang trí ngoài cùng, chống bám nước và nhiều màu sắc décor & grafiato

**Có nhiều cỡ hạt
DECOR FINE, DECOR STANDARD, GRAFIATO FINE, GRAFIATO STANDARD**

DECOPLASTER là lớp trang trí ngoài cùng trong thiết kế DÉCOR & GRAFIATO, được sử dụng chủ yếu cho các ứng dụng ngoài trời và cũng có thể sử dụng trong nhà. Được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ETAG 004 cho hệ thống cách nhiệt bên ngoài BIOPANOPLY của MARMODOM như lớp trang trí ngoài cùng trên tấm cách nhiệt ("keo/lưới"). Nó được phủ lên lớp vữa chính hoặc trên lớp trát một lớp, sau khi trát lên xong không cần phải sơn lên bề mặt nữa. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Mang lại những đặc trưng cơ học cao, độ bám dính tuyệt vời và khả năng chống ẩm và sương giá và tăng khả năng chống nứt. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



01

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp vữa với xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cỡ hạt nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998-1:2010 / CSII, W2, cỡ hạt: chuẩn < 2,4 mm, hạt mịn < 1,3 mm

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
 - Từ từ thêm nước sạch (khoảng 5,5 lít/bao) vào sản phẩm đóng trong bao, sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất.
 - Để tạo màu DECO-PLASTER, pha loãng chất tạo màu MARMOCOLOR với nước theo đúng quy cách rồi trộn vữa trắng với màu đã pha loãng.
 - Sản phẩm này được phủ lên lớp vữa chính hoặc lớp trát một lớp bằng bay chất liệu thép không gỉ. • Độ dày lớp phủ vào khoảng 3 mm cho cỡ hạt tiêu chuẩn và 1,5 mm cho cỡ đá mịn. Nhằm mục đích trang trí theo yêu cầu, hãy sử dụng bàn xoa kim loại hay cái bay để trang trí ngay sau khi trát DECOPLASTER.
 - Làm phẳng, mài bề mặt nên được thực hiện bằng cách sử dụng bàn xoa nhựa cứng hoặc một bàn xoa bằng xốp mà không tưới nước lớp trát.
- Bề mặt DÉCOR tốt nhất khi sử dụng bàn xoa nhỏ, và xoa đều tay theo chu kỳ.

Bề mặt GRAFIATO tốt nhất khi sử dụng bàn xoa nhỏ, và xoa đều tay theo chu kỳ và di chuyển thẳng về hướng mong muốn.

- Để có kết quả tối ưu, việc hoàn thiện bề mặt phải được thực hiện ngay sau khi trát vữa, như là chung một công đoạn.
- Phải trát trong phạm vi nhiệt độ từ +5 °C tới 35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

DECOR FINE	~ 2,5 - 3,5kg/m ²
DECOR STANDARD	~ 3,0 - 4,0kg/m ²
GRAFIATO FINE	~ 3,0 - 4,0kg/m ²
GRAFIATO STANDARD	~ 4,0 - 5,0kg/m ²

cho lớp trát có chiều dày 1,0 mm, phụ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Vữa khô trộn sẵn – Vữa khô

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998-1:2010 / CS II, W2

Cỡ hạt		Độ bám dính	1,6 N/mm ²
Tiêu chuẩn:	0,0-2,4 mm	Cường độ chịu nén	4,0 N/mm ²
Mịn:	0,0-1,3 mm		
Khối lượng thể tích khô rời	~1.700 kg/m	Cường độ chịu uốn	1,8 N/mm ²
Lượng sử dụng	~5 kg/m ²	Độ hút nước mao dẫn (C_m)	0,01 kg/m ² . min ^{0,5}





**Vữa nhão phủ lớp ngoài
cùng, sẵn sàng sử dụng**



DANH MỤC
MÀU SẮC SẴN
CÓ CỰC KỲ ĐA
DẠNG



Màu sắc biểu thị của nhiều loại cỡ hạt khác nhau của
BIOPLASTER và SILICONE PLASTER



DÉCOR
1 mm



DÉCOR
1,5 mm



DÉCOR
2 mm



GRAFIATO
1,5 mm



GRAFIATO
2,5 mm

Vữa nhào phủ lớp ngoài cùng, sẵn sàng sử dụng

BIOPLASTER (25 kg, 5 kg)..... 25
Vữa acrylic trang trí, chống nước với nhiều màu sắc.
Có sẵn các cỡ hạt: grafiato: 1,5 mm / 2,5 mm,
décor: 1,0 mm / 1,5 mm / 2,0 mm

EASYROLL (25 kg, 5 kg)..... 26
Vữa trát dẻo, chống bám nước, nhiều màu sắc, sử dụng linh hoạt

SILICONE PLASTER (25 kg, 5 kg) 27
Vữa dẻo trang trí màu, thẩm thấu hơi có chứa silic.
Có sẵn các cỡ hạt: grafiato: 1,5 mm / 2,5 mm
décor: 1,0 mm / 1,5 mm / 2,0 mm

MARMOPLASTER MOSAIC (25 kg, 5 kg) 28
Vữa trát acrylic, trang trí giống màu sắc đá granite.
có sẵn với tổ hợp 12 màu lựa chọn.

Chất tạo màu cho vữa / sáng bóng bề mặt

MARMO COLOR có 11 màu lựa chọn 29
Y1 Màu vàng be, Y2 Màu vàng nhạt, Y3 Màu vàng son,
B1 Màu nâu trắng đục, B2 Màu nâu nhạt, B3 Màu nâu cacao,
G Màu nâu đậm, GB Màu xám xanh, S Màu cam đất, S1 Màu hồng
nhạt, R1 Màu đỏ tươi

LƯU Ý

Để có kết quả tốt nhất, trước khi trát lớp bột nhào, phải sử dụng lớp lót BIORPIMER trong cùng sắc độ màu hoặc phối màu để chuẩn bị bề mặt.

LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối với mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.



BIOPLASTER

Vữa dẻo trang trí, chống nước
với nhiều màu sắc

CỠ HẠT GRAFIATO: 1,5 mm / 2,5 mm
DÉCOR cỡ hạt: 1,0 mm / 1,5 mm / 2,0 mm

BIOPLASTER là vữa acrylic nhão, nhiều màu sắc, trộn sẵn với kiểu dáng DÉCOR & GRAFIATO. Phù hợp với các mục đích sử dụng bên trong và bên ngoài ngôi nhà. Được chứng nhận phù hợp với Tiêu chuẩn ETAG 004 cho sản phẩm cách nhiệt bên ngoài BIOPANOPLY của MARMODOM như lớp trát trang trí ngoài cùng. Sử dụng như lớp trát ngoài cùng trên các bề mặt như lớp trát chính hay lớp trát một lớp, bê tông, tấm thạch cao, tấm bê tông, v.v... Lý tưởng như lớp phủ ngoài cùng trên các sản phẩm cách nhiệt bên ngoài. Đảm bảo chống bám nước hoàn toàn và nguy cơ bị nứt. Không cần sơn lên bề mặt đã trát.

Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Hỗn hợp nhựa acrylic có tính đàn hồi cao, đã cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, và keo đặc biệt.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...).
- Sử dụng bay kim loại phẳng để trộn đều và trát hỗn hợp. Độ dày bề mặt dao động trong khoảng 1,0 mm đến 3,5 mm và phụ thuộc vào cỡ hạt của sản phẩm và độ gồ ghề của bề mặt.
- Để có kết quả tối ưu, việc hoàn thiện bề mặt phải được thực hiện ngay sau khi trát vữa, như chung một công đoạn và không được tưới nước.
- Hoàn thiện bề mặt được thực hiện bằng cách sử dụng bàn xoa bằng nhựa cứng hoặc bàn xoa bằng xốp.
- Bề mặt DÉCOR tốt nhất khi sử dụng bàn xoa nhỏ, và xoa đều tay theo chu kỳ.

- Bề mặt GRAFIATO tốt nhất khi sử dụng bàn xoa nhỏ, và xoa đều tay theo chu kỳ, và sau đó di chuyển thẳng về hướng mong muốn.
- Thời gian xử lý chính xác phụ thuộc vào bề mặt và điều kiện môi trường.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

DECOR 1.0:	~ 2,0kg/m ²
DECOR 1.5:	~ 2,5kg/m ²
DECOR 2.0:	~ 3,0kg/m ²
GRAFIATO 1.5:	~ 2,5kg/m ²
GRAFIATO 2.5:	~ 3,5 kg/m ²

phụ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 25 kg và 5 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

02

Vữa nhão phủ lớp ngoài cùng,
sẵn sàng sử dụng

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

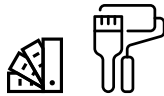
Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 15824:2010

Cỡ hạt		Độ bám dính	>1,0 MPa
DÉCOR 1.0:	< 1,0 mm	Độ hút nước	0,1 < W < 0,5 kg/m ² . h ^{0,5} (W2)
DÉCOR 1.5:	< 1,5 mm	Độ thấm hơi nước	s _d < 0,14m (V1)
DÉCOR 2.0:	< 2,0 mm		
GRAFIATO 1.5:	< 1,5 mm		
GRAFIATO 2.5:	< 2,5 mm		
Độ dẫn nhiệt λ _{10, khô}	0,65 W/m.K	Phản ứng với lửa	Loại B



EASYROLL

Vữa lăn acrylic, chống bám nước, nhiều màu sắc



EASYROLL là vữa dẻo, chống bám nước, nhiều màu sắc, và được trộn sẵn. Phù hợp với các mục đích sử dụng bên trong và bên ngoài ngôi nhà. Được chứng nhận phù hợp với Tiêu chuẩn ETAG 004 cho sản phẩm cách nhiệt bên ngoài BIOPANOPLY của MARMODOM như lớp trát trang trí ngoài cùng. Sử dụng như lớp trát ngoài cùng trên các bề mặt như lớp trát chính hay lớp trát một lớp, bê tông, tấm thạch cao, tấm bê tông, v.v... Lý tưởng để dùng làm lớp phủ ngoài cùng cho hệ thống cách nhiệt bên ngoài. Đảm bảo chống bám nước hoàn toàn và nguy cơ bị nứt. Không cần sơn lên bề mặt đã trát. Có lợi thế hơn so với những sản phẩm tương tự vì nó có thể được lăn lên như loại sơn thông thường. Ưu điểm chính bao gồm giảm lượng sử dụng và thời gian thi công, cũng như việc sản phẩm không cần hoàn thiện bề mặt.

Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Hỗn hợp nhựa acrylic có tính đàn hồi cao, đá cấp phối cầm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, và keo đặc biệt.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...).
- Sản phẩm được trộn đều và lăn hai lớp sử dụng con lăn sơn hay cọ sơn.
- Chỉ lăn lớp thứ hai sau khi lớp thứ nhất khô hoàn toàn.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

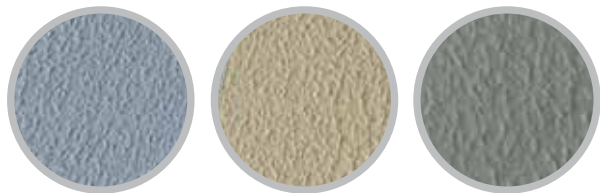
Sử dụng khoảng 1,5 kg/m², cho hai lớp, phụ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 25 kg và 5 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

02

Vữa nhào phủ lớp ngoài cùng, sẵn sàng sử dụng



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 15824:2009

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Độ hút nước (EN 1062-3:2008)	w<0,1 kg/m ² . h ^{0,5} (W3)
Trọng lượng riêng	1,6-1,7 kg/lt	Độ hút nước mao dẫn (EN 1015-18:2004)	C _m <0,1 kg/m ² . min ^{0,5}
Lượng sử dụng	~1,5 kg/m ² (cho cả hai lớp)	Độ thấm hơi nước (EN ISO 7783:2011)	0,14<S _d <1,4m (V2)
Độ bám dính (EN 1542:2002)	>3 MPa	Phản ứng với lửa (EN 13501-1:2007)	Loại C
Độ dẫn nhiệt λ _{10, khô} (EN 1745:2012)	0,62 W/m.K		





SILICONE PLASTER

Vữa dẻo trang trí màu,
thấm thấu hơi có chứa silic

CỠ HẠT GRAFIATO: 1,5 mm / 2,5 mm
Cỡ hạt DÉCOR: 1,0 mm / 1,5 mm / 2,0 mm

SILICONE PLASTER là vữa dẻo nhào, nhiều màu sắc, thấm thấu hơi, trộn sẵn, có chứa silic với kiểu dáng DÉCOR & GRAFIATO. Phù hợp với các mục đích sử dụng bên trong và bên ngoài ngôi nhà. Được chứng nhận phù hợp với Tiêu chuẩn ETAG 004 cho sản phẩm cách nhiệt bên ngoài BIOPANOPLY của MARMODOM như lớp trát trang trí ngoài cùng. Sử dụng như lớp trát ngoài cùng trên các bề mặt như lớp trát chính hay lớp trát một lớp, bê tông, tấm thạch cao, tấm bê tông, v.v... Lý tưởng để dùng làm lớp phủ ngoài cùng cho hệ thống cách nhiệt bên ngoài. Mang lại khả năng chống bám nước, thấm thấu hơi nước cao và bay hơi các bộ phận công trình, giảm thiểu hình thành nấm mốc. Giảm nguy cơ nứt. Không cần sơn lên bề mặt đã trát. Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Hỗn hợp nhựa acrylic có tính đàn hồi cao, với keo hữu cơ, đá cấp phối cấm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...)
- Sử dụng bay kim loại phẳng để trộn đều và trát hỗn hợp. Độ dày bề mặt dao động trong khoảng 1,0 mm đến 3,5 mm và phụ thuộc vào cỡ hạt của sản phẩm và độ gồ ghề của bề mặt.
- Để có kết quả tối ưu, việc hoàn thiện bề mặt phải được thực hiện ngay sau khi trát vữa, như chung một công đoạn và không được tưới nước.
- Hoàn thiện bề mặt được thực hiện bằng cách sử dụng bàn xoa bằng nhựa cứng hoặc bàn xoa bằng xốp.
- Bề mặt DÉCOR tốt nhất khi sử dụng bàn xoa nhỏ, và xoa đều tay theo chu kỳ.
- Bề mặt GRAFIATO tốt nhất khi sử dụng bàn xoa nhỏ, và xoa đều tay theo chu kỳ, và sau đó di chuyển thẳng về hướng mong muốn.

- Thời gian xử lý chính xác phụ thuộc vào bề mặt và điều kiện môi trường.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

DECOR 1.0:	~ 2,0kg/m ²
DECOR 1.5:	~ 2,5kg/m ²
DECOR 2.0:	~ 3,0kg/m ²
GRAFIATO 1.5:	~ 2,5kg/m ²
GRAFIATO 2.5:	~ 3,5 kg/m ²

phụ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 25 kg và 5 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

02

Vữa nhào phủ lớp ngoài cùng,
sẵn sàng sử dụng

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

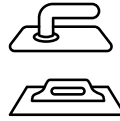
Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN: EN 15824:2009

Cỡ hạt		Độ dẫn nhiệt $\lambda_{10, khô}$	0,52 W/m.K
DÉCOR 1.0:	< 1,0 mm	Độ hút nước	0,1 < w < 0,5 kg/m ² .h ^{0,5} (W2)
DÉCOR 1.5:	< 1,5 mm		
DÉCOR 2.0:	< 2,0 mm	Độ hút nước mao dẫn	$C_m < 0,1 \text{ kg/m}^2 \cdot \text{min}^{0,5}$
GRAFIATO 1.5:	< 1,5 mm		
GRAFIATO 2.5:	< 2,5 mm		
Trọng lượng riêng	1,6-1,7 kg/lt	Độ thấm hơi nước	$s_d < 0,14m \text{ (V1)}$
Cường độ bám dính	1,55 MPa		



MARMOPLASTER MOSAIC

Lớp trát dẻo trang trí kết hợp với màu sắc giống đá granite có sẵn với tổ hợp 12 lựa chọn



MARMOPLASTER MOSAIC là vữa acrylic màu, sẵn sàng để sử dụng. Hình dáng giống như khảm, mang lại kết quả thẩm mỹ tuyệt vời và khác biệt. Phù hợp với các mục đích sử dụng bên trong và bên ngoài ngôi nhà. Được chứng nhận phù hợp với Tiêu chuẩn ETAG 004 cho sản phẩm cách nhiệt bên ngoài BIOPANOPLY của MARMODOM như lớp trát trang trí ngoài cùng. Sử dụng như lớp phủ ngoài cùng trên các bề mặt như lớp trát chính hay lớp trát một lớp, bê tông, tấm thạch cao, tấm bê tông, v.v... Lý tưởng như lớp phủ ngoài cùng trên các hệ thống cách nhiệt bên ngoài cũng như số lượng lớn các kiến trúc can thiệp. Đảm bảo chống bám nước hoàn toàn và nguy cơ bị nứt. Không cần sơn lên bề mặt đã trát. Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Hỗn hợp acrylic dẻo có tính đàn hồi cao, đã cấp phối màu với cỡ hạt được chọn, và keo đặc biệt.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 3,0 kg/m² phụ thuộc vào loại bề mặt trát.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...).
- Sử dụng bay kim loại phẳng để trộn đều và trát hỗn hợp. Hỗn hợp được trát bằng cách "ép" sử dụng bay theo cỡ hạt, nhờ đó sản phẩm được trải ra đồng đều.
- Sau khi vật liệu được trải rộng và vẫn còn ướt, xoa phẳng bề mặt bằng cách sử dụng cùng chiếc bay, luôn xoa theo cùng một hướng, không để lại khoảng trống.
- Chiều dày lớp vào khoảng 2 mm.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 25 kg và 5 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

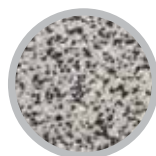
02

Vữa nhào phủ lớp ngoài cùng, sẵn sàng sử dụng

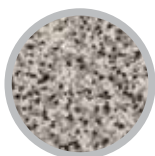
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN: EN 15824:2009

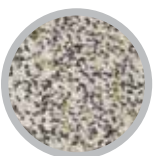
Cỡ hạt	0,0-2,7 mm	Độ hút nước	$w < 0,5 \text{ kg/m}^2 \cdot \text{h}^{0,5} \text{ (W2)}$
Trọng lượng riêng	1,6-1,7 kg/lt	Độ thấm hơi nước	$0,14 < s_d < 1,4 \text{ m (V2)}$
Độ bám dính	$> 0,6 \text{ MPa}$	Phản ứng với lửa	Loại C
Độ dẫn nhiệt $\lambda_{10, \text{khô}}$	0,37 W/m.K		



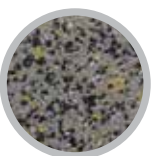
MP 101



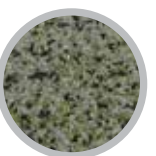
MP 105



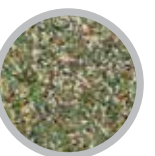
MP 109



MP 202



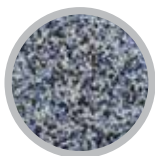
MP 206



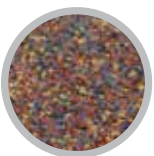
MP 210



MP 303



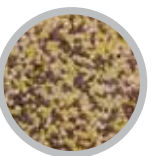
MP 307



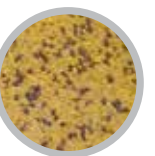
MP 311



MP 404



MP 408



MP 412





MARMO COLOR

Chất tạo màu cho vữa dẻo
và vữa kết dính

MARMO COLOR là chất tạo màu chất lượng cao ở dạng bột. Mỗi thùng tương ứng với 25 kg chất tạo màu trắng cho vữa hoặc vữa dẻo, để đạt được sắc độ màu sắc tương ứng với bảng màu MARMODOM. Chúng rất thích hợp cho với các sản phẩm trang trí màu trong nhà và ngoài trời như DECOPLASTER, BIOPLASTER, MARMOFINISH và các loại khác.

Các sản phẩm như MARMOFLOOR, MARMOFLEX, v.v... có thể được sơn ngoài phạm vi của bảng màu tiêu chuẩn sẽ thuộc trách nhiệm của người dùng.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Chất tạo màu vô cơ ở dạng bột.
- Có sẵn 11 màu sắc tùy chọn sắc độ màu
- Y1 Màu vàng be
- Y2 Màu vàng nhạt
- Y3 Màu vàng son
- B1 Màu nâu trắng đục
- B2 Màu nâu nhạt
- B3 Màu nâu Cacao
- G Màu xám đậm
- GB Màu xám xanh
- S Màu cam đất
- S1 Màu hồng nhạt
- R1 Màu đỏ tươi

SỬ DỤNG

Vữa kết dính, sản phẩm làm sáng bóng bề mặt, tự láng phẳng, v.v...:

- Từ từ thêm một lượng nước sạch nhất định vào sản phẩm tạo màu dạng bột, trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi hòa tan hoàn toàn. Rồi thêm vữa trắng cần tạo màu, rồi trộn đều cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất.
- Cũng có thể thực hiện trộn trên vữa ướt, bằng cách cẩn thận thêm chất tạo màu trong khi trộn liên tục, nhưng điều này đòi hỏi trộn trong thời gian lâu hơn và cẩn thận hơn.

Vữa nhào:

- Cần thêm một lượng nước ít nhất có thể vào chất tạo màu để tạo ra bột mịn.
- Bột được thêm vào vữa dẻo màu trắng và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm.
- Nhiệt độ trong khoảng +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

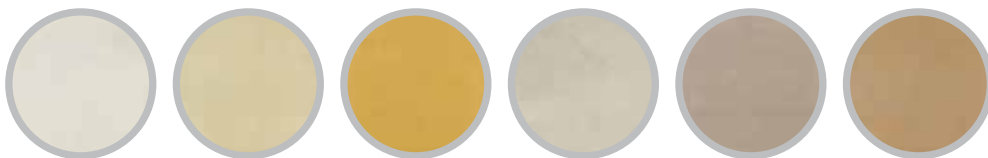
Tùy thuộc vào sắc độ màu mong muốn. Có thể thêm chất tạo màu để trộn nhằm đạt được sắc độ màu riêng.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

02

Bột nhào, sẵn sàng để sử dụng
Lớp phủ ngoài cùng



Y1 Màu vàng be Y2 Màu vàng nhạt Y3 Màu vàng son B1 Màu nâu trắng đục B2 Màu nâu nhạt B3 Màu nâu Cacao



G Màu xám đậm GB Màu xám xanh S Màu cam đất S1 Màu hồng nhạt R1 Màu đỏ tươi



03

Keo cách nhiệt

Keo có sợi gia cường nhão và dẻo (phủ) BIOPANOPLY ACRYL (25 kg)	31
Keo có sợi gia cường (kết dính & phủ) FL100 ST BIOPANOPLY (25 kg)	32
FL100 ST THICK (25 kg) cho chiều dày lớn	34
FL100 ST WOOL (25 kg) và bông cách nhiệt	36
FL100 ST STANDARD (25 kg)	38
Keo không có sợi gia cường (kết dính) FL100 ST BASIC (25 kg)	40

LƯU Ý

Không nên sử dụng keo kết dính trộn sẵn trực tiếp lên tường thạch cao hoặc vữa thạch cao, trừ khi thuộc trách nhiệm của người sử dụng và đã trát trước một lớp lót đều.

Sử dụng quá lượng nước sẽ làm giảm chất lượng sản phẩm.

Để có kết quả tốt hơn, tham khảo sản phẩm liên quan MARMO PLUS.

Keo kết dính trộn sẵn có chứa xi măng, được xếp vào loại có tính kích thích. Hãy đọc kỹ hướng dẫn an toàn và các biện pháp phòng ngừa có trong Bảng Chỉ dẫn An toàn Hóa chất của sản phẩm.

LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.



BIOPANOPLY ACRYL

**Keo acrylic
có sợi gia cường**

BIOPANOPLY ACRYL là keo dẻo có sợi gia cường, sẵn sàng để sử dụng. Được sử dụng để làm mịn bề mặt của tấm cách nhiệt, sau khi đặt và lắp đặt các tấm lưới sợi thủy tinh, trước khi trát tường lớp phủ ngoài cùng (bột nhào hữu cơ hoặc kết dính).

Đảm bảo cường độ chịu nén và chịu uốn cao, và khả năng chống chịu cao với những thay đổi về độ ẩm và nhiệt độ. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Hỗn hợp nhựa acrylic có tính đàn hồi cao, đã cấp phối cẩn thận nghiền với cỡ hạt được chọn, và keo đặc biệt.

SỬ DỤNG

- Bề mặt của tấm cách nhiệt phải sạch sẽ và khô ráo.
- Sản phẩm được trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm.
- Sử dụng bay có răng cưa (8-10mm) trát lên mặt ngoài của tấm cách nhiệt và khi nó vẫn còn ướt, đặt tấm lưới sợi thủy tinh trên bề mặt và trát kín bằng cách sử dụng chiếc bay phẳng.
- Sau ít nhất 2-3 ngày thì trát lớp phủ ngoài cùng mà không cần lớp lót.
- Hệ thống cách nhiệt hoàn tất bằng việc trát xong lớp ngoài cùng (màu trắng hoặc màu khác).

- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo kết dính, và trong vài giờ sau đó.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 3,5 -4,0 kg/m² phụ thuộc vào loại bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 25 kg trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

03

Keo cách nhiệt
(phủ)

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Độ hút nước	0,1 < W < 0,5 kg/m ² . h ^{0,5}
Trọng lượng riêng	1,7-1,8 kg/lít	Độ thấm hơi nước	S _d < 0,18m
Độ dẫn nhiệt λ _{10, khô}	0,40 W/m.K	Phản ứng với lửa	Loại C



FL100 ST BIOPANOPLY

Keo có sợi gia cường dành cho tấm cách nhiệt (màu trắng) C2E, W2, ETAG004/ETICS



Keo FL100ST BIOPANOPLY được sử dụng để kết dính tấm cách nhiệt vào bề mặt tường làm bằng gạch, bê tông xốp, bề mặt trát cũ, v.v... cũng có thể được sử dụng để lắp đặt các tấm lưới sợi thủy tinh lên bề mặt ngoài của tấm cách nhiệt, trước khi phủ lớp ngoài cùng. Được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ETAG 004 cho sản phẩm cách nhiệt bên ngoài BIOPANOPLY của MARMODOM như mục đích sử dụng nêu trên. Đảm bảo cường độ bám dính cao giữa tấm cách nhiệt và bề mặt, cũng như khả năng chống ẩm. Mang lại cường độ chịu nén và chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu tốt với sự thay đổi của thời tiết.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

03

Keo cách nhiệt
(Kết dính & phủ)

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cầm thạch nghiến với cỡ hạt được chọn, sợi propylene, chất dẻo và keo.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, EN 998-1 / C2E, W2, ETAG004/ETICS, cỡ hạt < 0,7 mm.

SỬ DỤNG

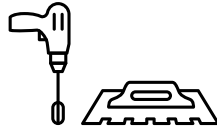
- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và không có tạp chất (vữa rơi, vữa, bụi bặm, dầu mỡ, v.v...).
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 6,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.

Độ bám dính của tấm cách nhiệt trên kết cấu xây

- Trát keo lên bề mặt tấm cách nhiệt bằng cách sử dụng bay có răng cưa (8-10 mm) trát lên toàn bộ bề mặt, hoặc bằng trát một phần khoảng 40% bề mặt (tại chu vi, bằng cách đặt 3-4 điểm đánh dấu ở giữa) sử dụng hỗn hợp dày khoảng 2 cm.
- 2-3 ngày (cần thời gian lâu hơn khi ở nhiệt độ thấp) sau khi lắp đặt tấm cách nhiệt, phải sử dụng các neo đặc biệt để cố định vị trí các tấm cách nhiệt.

Lắp đặt sợi thủy tinh

- Trát một lớp bám dính khoảng 3 mm lên mặt bên ngoài của tấm cách nhiệt và khi keo kết dính vẫn còn ướt, đặt tấm lưới sợi thủy tinh trên bề mặt và trát kín bằng cách sử dụng chiếc bay phẳng.
- Hệ thống cách nhiệt sẽ hoàn tất sau khi trát xong lớp ngoài cùng.
- Trong quá trình lắp đặt tấm cách nhiệt vào tường, nhiệt độ không nên thấp hơn +5 °C hoặc cao hơn +35 °C.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo kết dính, và trong vài giờ sau đó.
- Tất cả các công đoạn lắp đặt cách nhiệt nêu trên phải bắt đầu sau khi hoàn thành công tác trát vữa bên trong, trát các lớp phủ sàn, v.v... Cần một khoảng thời gian chờ ít nhất là 3-5 tuần sau khi hoàn thành những công đoạn này.



LƯỢNG SỬ DỤNG

Độ bám dính của tấm cách nhiệt: 4-5 kg/m² (chiều dày 1 cm / 40% bề mặt), phụ thuộc vào loại bề mặt và chất lượng kết cấu xây.

Độ gia cường của tấm lưới sợi thủy tinh: 4-5 kg/m² (chiều dày 3 mm / 100% bề mặt).

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, EN 998-1 / C2E, W2, ETAG004/ETICS. Cỡ hạt <0,7 mm

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20°C)	30 phút	
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Thời gian kết dính	≥0,5 N/mm ²	
Lượng sử dụng	4-5 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,8 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,1 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,4 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	≤ 0,2 kg/m ² ·min ^{0,5}		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,4 N/mm ²
Hệ số khuếch tán hơi nước (μ)	15/35			

03

Keo kết dính tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)



FL100 ST THICK

Keo có sợi gia cường dành cho lớp móng dày (màu trắng) C2TE, W2



03

Keo kết dính tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)

FL100 ST THICK là vữa kết dính được sử dụng để làm mịn bề mặt bên ngoài của tấm cách nhiệt và để lắp đặt các tấm lưới sợi thủy tinh, trước khi trát tường lớp phủ ngoài cùng. Thích hợp để kết dính tấm cách nhiệt vào bề mặt tường làm bằng gạch, bê tông xốp, bề mặt bê tông nhẵn, bề mặt trát cũ, v.v... Lợi thế của nó là có thể trát với chiều dày lớn (lên tới 20 mm) và có thể che phủ hoàn toàn những hổng hóc có thể bị gây ra trong khi lắp tấm cách nhiệt. Mang lại độ kết dính tốt, khả năng chống chịu tốt với sự thay đổi về độ ẩm và thời tiết.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cầm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, sợi propylene, chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, C2TE, cỡ hạt < 1,3 mm.

SỬ DỤNG

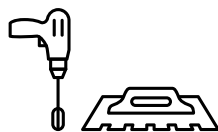
- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và không có tạp chất (vữa rơi, vữa, bụi bặm, dầu mỡ, v.v...).
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 6,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.

Độ bám dính của tấm cách nhiệt trên kết cấu xây

- Trát keo lên bề mặt tấm cách nhiệt bằng cách sử dụng bay có răng cưa (lên tới 20 mm) trát lên toàn bộ bề mặt, hoặc bằng trát một phần khoảng 40% bề mặt (tại chu vi, bằng cách đặt 3-4 điểm đánh dấu ở giữa) sử dụng hỗn hợp dày khoảng 20 cm.
- 2-3 ngày (cần thời gian lâu hơn khi ở nhiệt độ thấp) sau khi bám dính của tấm cách nhiệt, phải sử dụng các neo đặc biệt để cố định các tấm cách nhiệt.

Lắp đặt sợi thủy tinh

- Trát một lớp bám dính lên tới 20 mm lên mặt bên ngoài của tấm cách nhiệt và khi keo kết dính vẫn còn ướt, đặt tấm lưới sợi thủy tinh trên bề mặt và trát kín bằng cách sử dụng chiếc bay phẳng.
- Hệ thống cách nhiệt sẽ hoàn tất sau khi trát xong lớp ngoài cùng.
- Trong quá trình lắp đặt tấm cách nhiệt vào tường, nhiệt độ không nên thấp hơn +5 °C hoặc cao hơn +35 °C.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo kết dính, và trong vài giờ sau đó.
- Tất cả các công đoạn lắp đặt cách nhiệt nêu trên phải bắt đầu sau khi hoàn thành công tác trát vữa bên trong, trát các lớp phủ sàn, v.v... Cần một khoảng thời gian chờ ít nhất là 3-5 tuần sau khi hoàn thành những công đoạn này.



LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 12 -15 kg/m² cho một lớp có chiều dày 1 cm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, C2TE. Cỡ hạt <1,3 mm

Cỡ hạt	0,0-1,3 mm	Thời gian kết dính (20°C)	30 phút	
		Thời gian kết dính	≥0,5 N/mm ²	
Khối lượng thể tích khô rời	1.400 kg/m ³	Trượt	<0,5 mm	
Lượng sử dụng	10 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥2,7 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,4 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥2,8 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	≤ 0,2 kg/m ² .min ^{0,5}		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,5 N/mm ²
Hệ số khuếch tán hơi nước (μ)	15/35			

03

Keo kết dính tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)



FL100 ST WOOL

Keo có sợi gia cường dành cho tấm cách nhiệt làm bằng bông cách nhiệt (màu trắng) C2E, W2



Keo FL100 ST WOOL được sử dụng để kết dính tấm cách nhiệt vào bề mặt tường cũng như vào tường gạch, bê tông xốp, bề mặt trát cũ, v.v... cũng thế được sử dụng để đặt các tấm lưới sợi thủy tinh lên bề mặt ngoài của tấm cách nhiệt trước khi phủ lớp ngoài cùng.

Sản phẩm bề mặt dạng kem và đặc biệt dày đặc, và do đó rất độc đáo về tính dễ thi công và dễ sử dụng. Mang lại độ bám dính cao giữa tấm cách nhiệt và bề mặt, cũng như khả năng chống ẩm. Mang lại cường độ chịu nén và cường độ chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu với sự thay đổi thời tiết.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

03

Keo kết dính tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cầm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, sợi propylene, chất dẻo và keo.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, EN 998-1 / C2E, W2, cỡ hạt < 0,7 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và không có tạp chất (vữa rơi, vữa, bụi bặm, dầu mỡ, v.v...).
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 6,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.

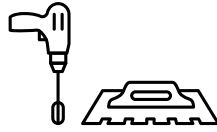
Bông cách nhiệt hay tấm cách nhiệt khác ép lên kết cấu xây

- Trát keo lên bề mặt tấm cách nhiệt bằng cách sử dụng bay có răng cưa (8-10 mm) trát lên toàn bộ bề mặt, hoặc bằng trát một phần khoảng 40% bề mặt (tại chu vi, bằng cách đặt 3-4 điểm đánh dấu ở giữa) sử dụng hỗn hợp dày khoảng 2 cm.
- 2-3 ngày (cần thời gian lâu hơn khi ở nhiệt độ thấp) sau khi lắp đặt tấm cách nhiệt, phải sử dụng các neo đặc biệt để cố định các tấm cách nhiệt.

Lắp đặt sợi thủy tinh

- Trát một lớp bám dính khoảng 3 mm lên mặt bên ngoài của tấm cách nhiệt và khi keo kết dính vẫn còn ướt, đặt tấm lưới sợi thủy tinh trên bề mặt và trát kín bằng cách sử dụng chiếc bay phẳng.
- Hệ thống cách nhiệt sẽ hoàn tất sau khi trát xong lớp ngoài cùng.
- Trong quá trình lắp đặt tấm cách nhiệt vào tường, nhiệt độ không nên thấp hơn +5 °C hoặc cao hơn +35 °C.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo kết dính, và trong vài giờ sau đó.
- Tất cả các công đoạn lắp đặt cách nhiệt nêu trên phải bắt đầu sau khi hoàn thành công tác trát vữa bên trong, trát các lớp phủ sàn, v.v... Cần một khoảng thời gian chờ ít nhất là 3-5 tuần sau khi hoàn thành những công đoạn này.





LƯỢNG SỬ DỤNG

Độ bám dính của tấm cách nhiệt: 4-5 kg/m² (chiều dày 1 cm / 40% bề mặt), phụ thuộc vào loại bề mặt và chất lượng kết cấu xây.

Độ gia cường của tấm lưới sợi thủy tinh: 4-5 kg/m² (chiều dày 3 mm / 100% bề mặt).

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, EN 998-1 / C2E, W2, cỡ hạt < 0,7 mm

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20°C)	30 phút
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Thời gian kết dính	≥0,5 N/mm ²
Lượng sử dụng	4-5 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo ≥2,4 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước ≥1,6 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao ≥2,7 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	≤ 0,2 kg/m ² ·min ^{0,5}		Trong điều kiện kết đông-xả đông ≥1,3 N/mm ²
Hệ số khuếch tán hơi nước (μ)	5/20		

03

Keo kết dính tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)



FL100 ST STANDARD

Keo có sợi gia cường dành cho tấm cách nhiệt (màu trắng) C2E, W2



Keo FL100ST BIOPANOPLY được sử dụng để kết dính tấm cách nhiệt vào bề mặt tường làm bằng gạch, bê tông xốp, bê tông nhẵn, bề mặt trát cũ, v.v... cũng có thể được sử dụng để lắp đặt các tấm lưới sợi thủy tinh lên bề mặt ngoài của tấm cách nhiệt, trước khi phủ lớp ngoài cùng.

Đảm bảo cường độ bám dính cao giữa tấm cách nhiệt và bề mặt, cũng như khả năng chống ẩm. Mang lại cường độ chịu nén và chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu tốt với sự thay đổi của thời tiết.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

03

Keo kết dính tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cầm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, sợi propylene, chất dẻo và keo.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004, EN 998-1 / C2E, W2. Cỡ hạt <0,7 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và không có tạp chất (vữa rơi, vữa, bụi bặm, dầu mỡ, v.v...).
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 6,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.

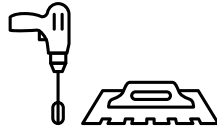
Độ bám dính của tấm cách nhiệt trên kết cấu xây

- Trát keo lên bề mặt tấm cách nhiệt bằng cách sử dụng bay có răng cưa (8-10 mm) trát lên toàn bộ bề mặt, hoặc bằng trát một phần khoảng 40% bề mặt (tại chu vi, bằng cách đặt 3-4 điểm đánh dấu ở giữa) sử dụng hỗn hợp dày khoảng 2 cm.
- 2-3 ngày (cần thời gian lâu hơn khi ở nhiệt độ thấp) sau khi lắp đặt tấm cách nhiệt, phải sử dụng các neo đặc biệt để cố định các tấm cách nhiệt.

Lắp đặt sợi thủy tinh

- Trát một lớp bám dính khoảng 3 mm lên mặt bên ngoài của tấm cách nhiệt và khi keo kết dính vẫn còn ướt, đặt tấm lưới sợi thủy tinh trên bề mặt và trát kín bằng cách sử dụng chiếc bay phẳng.
- Hệ thống cách nhiệt sẽ hoàn tất sau khi trát xong lớp ngoài cùng.
- Trong quá trình lắp đặt tấm cách nhiệt vào tường, nhiệt độ không nên thấp hơn +5 °C hoặc cao hơn +35 °C.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo kết dính, và trong vài giờ sau đó.

Tất cả các công đoạn lắp đặt cách nhiệt nêu trên phải bắt đầu sau khi hoàn thành công tác trát vữa bên trong, trát các lớp phủ sàn, v.v... Cần một khoảng thời gian chờ ít nhất là 3-5 tuần sau khi hoàn thành những công đoạn này.



LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 4-5 kg/m² (cho lớp trát có độ dày 1cm / 40% bề mặt) phụ thuộc vào loại bề mặt và điều kiện bề mặt trát.

Tấm lưới thủy tinh: 4-5 kg/m² (chiều dày 3 mm / 100% bề mặt).

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn: EN 12004, EN 998-1 / C2E, W2, cỡ hạt <0,7mm

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20°C)	30 phút
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Thời gian kết dính	≥0,5 N/mm ²
Lượng sử dụng	4-5 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo ≥1,8 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước ≥1,1 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao ≥1,3 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	≤ 0,2 kg/m ² ·min ^{0.5}		Trong điều kiện kết đông-xả đông ≥1,2 N/mm ²
Hệ số khuếch tán hơi nước (μ)	15/35		

03

Keo kết dính tấm cách nhiệt (kết dính & phủ)



FL100 ST BASIC

Keo dành cho tấm cách nhiệt (màu trắng) C2E, W2



Keo FL100ST BASIC được sử dụng để kết dính tấm cách nhiệt vào bề mặt tường làm bằng gạch, bê tông xốp, bê tông nhẵn, bề mặt trát cũ, v.v...

Đảm bảo cường độ bám dính cao giữa tấm cách nhiệt và bề mặt, cũng như khả năng chống ẩm. Mang lại cường độ chịu nén và chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu tốt với sự thay đổi của thời tiết.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

03

Keo kết dính tấm cách nhiệt (kết dính)

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004, EN 998-1 / C2E, W2. Cỡ hạt <0,7 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và không có tạp chất (vữa rơi, vữa, bụi bặm, dầu mỡ, v.v...).
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 6,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Trát keo lên bề mặt tấm cách nhiệt bằng cách sử dụng bay có răng cưa (8-10 mm) trát lên toàn bộ bề mặt, hoặc bằng trát một phần khoảng 40% bề mặt (tại chu vi, bằng cách đặt 3-4 điểm đánh dấu ở giữa) sử dụng hỗn hợp dày khoảng 2 cm.
- 2-3 ngày (cần thời gian lâu hơn khi ở nhiệt độ thấp) sau khi lắp đặt tấm cách nhiệt, phải sử dụng các neo đặc biệt để cố định các tấm cách nhiệt.
- Trong quá trình lắp đặt tấm cách nhiệt vào tường, nhiệt độ không nên thấp hơn +5 °C hoặc cao hơn +35 °C.

- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v... trong quá trình sử dụng keo, và trong vài giờ sau đó).
- Tất cả các công đoạn lắp đặt cách nhiệt nêu trên phải bắt đầu sau khi hoàn thành công tác trát vữa bên trong, trát các lớp phủ sàn, v.v... Cần một khoảng thời gian chờ ít nhất là 3-5 tuần sau khi hoàn thành những công đoạn này.

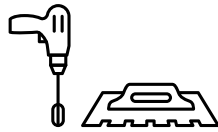
LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 4-5 kg/m² (cho lớp trát có độ dày 1cm / 40% bề mặt) phụ thuộc vào loại bề mặt và điều kiện bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn: EN 12004, EN 998-1 / C2E, W2, cỡ hạt <0,7mm

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20°C)	30 phút	
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Thời gian kết dính	≥0,5 N/mm ²	
Lượng sử dụng	4-5 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,3 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,1 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,2 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	≤ 0,2 kg/m ² .min ^{0,5}		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,2 N/mm ²
Hệ số khuếch tán hơi nước (μ)	15/35			

03

Keo kết dính tấm cách nhiệt (kết dính)





Sản phẩm cách nhiệt bên ngoài được chứng nhận BIOPANOPLY

- **BIOPANOPLY EPS**
- **BIOPANOPLY XPS**
- **BIOPANOPLY WOOL**

04

Một môi trường ổn định trong suốt mùa đông và mùa hè, giúp tiết kiệm năng lượng và tiền bạc!

Sản phẩm cách nhiệt bên ngoài được chứng nhận BIOPANOPLY với các vật liệu cách nhiệt thay thế XPS / EPS / ROCKWOOL. Một giải pháp lý tưởng để nâng cấp và xây dựng mới, dễ áp dụng trong các tòa nhà mới xây và đã qua sử dụng! Nâng cao thẩm mỹ và tính toàn vẹn, tăng tính hữu dụng của bề mặt trong nhà 5% (trong các tòa nhà mới xây), giúp giảm đáng kể mức tiêu thụ năng lượng làm mát - sưởi ấm và giúp giảm chi phí bảo trì, tiết kiệm lên đến 49%, đồng thời tăng giá trị tài sản! Đóng vai trò làm lớp bảo vệ lý tưởng cho các công trình xây dựng, đã được chứng nhận tuân theo chỉ thị của Châu Âu ETAG 004!







Sản phẩm cách nhiệt bên ngoài được chứng nhận BIOPANOPLY

- **BIOPANOPLY EPS**
- **BIOPANOPLY XPS**
- **BIOPANOPLY WOOL**

04



Các sản phẩm

Tấm cách nhiệt (kết dính vào bề mặt & phủ tấm cách nhiệt)

Keo có sợi gia cường nhào và dẻo (phủ)
BIOPANOPLY ACRYL (25 kg)

kết dính có sợi gia cường
(Kết dính & phủ)

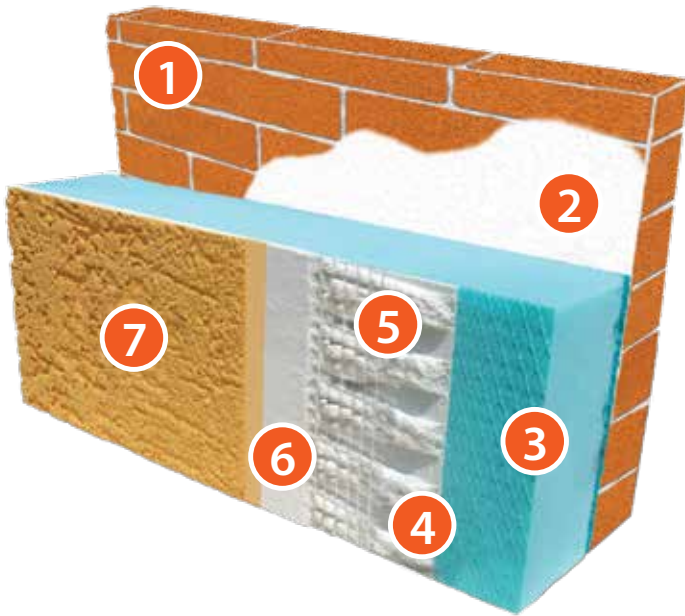
FL100 ST BIOPANOPLY (25 kg)
FL100ST THICK (25 kg) dành cho tăng chiều dày
FL100 ST WOOL (25 kg) dành cho bông cách nhiệt
FL100 ST STANDARD (25 kg)

Tấm cách nhiệt

Polystyrene mở rộng EPS /
Graphite polystyrene mở rộng EPS /
Polystyrene đùn XPS
Bông cách nhiệt WOOL

Gia cường hệ thống

Tấm lưới sợi thủy tinh PVC 160 gr/m²
Neo PVC với đinh có chiều dài 10 / 12 / 14 / 16 / 18 cm
hoặc dài hơn.
Nẹp viền góc PVC có lưới
Ống PVC đục lỗ



1. KẾT CẤU XÂY
2. FL100 ST BIOPANOPLY / STANDARD / WOOL / THICK
3. XPS / EPS / ROCKWOOL
4. FL100 ST BIOPANOPLY / BIOPANOPLY ACRYL / STANDARD / WOOL / THICK
5. SỢI THỦY TINH 160gr
6. BIOPRIMER
7. BIOPASTER / EASY ROLL / SILICONE PLASTER / MARMOPLASTER MOSAIC / DECOPLASTER



Trát phủ sản phẩm hoàn thiện

Lớp lót kết dính có vữa đệm cát thạch anh (có thể tạo màu)

BIOPRIMER (17 kg, 4 kg)

Vữa phủ nhào ngoài cùng, nhiều màu sắc để trang trí

Vữa dẻo trang trí, chống nước với nhiều màu sắc
Có sẵn các cỡ hạt: • grafiato 1,5 mm & 2,5 mm • décor 1,0mm & 1,5mm & 2,5mm

BIO PLASTER (25 kg, 5 kg)

Vữa trát dẻo, chống bám nước, nhiều màu sắc, sử dụng linh hoạt

EASY ROLL (25 kg, 5 kg)

Vữa dẻo trang trí màu, thẩm thấu hơi có chứa silic

Có sẵn các cỡ hạt: • grafiato 1,5 mm & 2,5 mm • décor 1,0mm & 1,5mm & 2,5mm

SILICONE PLASTER (25 kg, 5 kg)

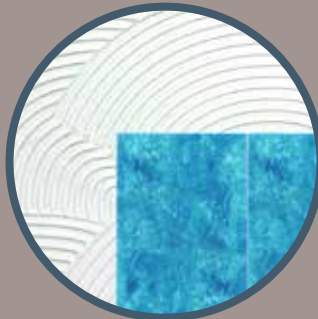
Lớp trát acrylic dẻo trang trí kết hợp với màu sắc đá granite có sẵn với 12 lựa chọn

MARMOPLASTER MOSAIC (25 kg, 5 kg)

Vữa kết dính

Có sẵn các cỡ hạt: • grafiato 1,5 mm & 2,5 mm • décor 1,5mm & 2,5mm

DECOPLASTER (25 kg)



Keo dán gạch





Keo dán gạch

Keo dán gạch:

ES W1 (20 kg, 5 kg)	49
Keo dán gạch C1 (màu trắng)	
ES G1 (20 kg)	50
Keo dán gạch C1 (màu xám)	
FK 10W (20 kg, 5 kg)	52
Keo dán gạch dẻo C1T (màu trắng)	
FK 10G (20 kg).....	54
Keo dán gạch dẻo C1T (màu xám)	
PL 20 (20 kg)	56
Keo dán gạch dẻo «PLUS» C2 (màu trắng)	
GM 1 (20 kg, 5 kg).....	60
Keo dán gạch granite & cẩm thạch C2T (màu trắng)	
MARMOFIX 500 (20 kg).....	62
Keo dán gạch cường độ cao C2TE (màu trắng)	
MARMOFIX 500G (20 kg)	64
Keo dán gạch cường độ cao C2TE (màu xám)	
FLEXY 100 (20 kg)	66
Keo dán gạch dẻo «FLEXY» C2TES1 (màu trắng)	
FLEXY 100G (20 kg).....	68
Keo dán gạch dẻo «FLEXY» C2TES1 (màu xám)	
FLS 1000 (20 kg / 5 kg).....	70
Keo dán gạch «SIÊU DẸO» C2TES1 (màu trắng)	
FLS 1000G (20 kg) GREY	72
Keo dán gạch «SIÊU DẸO» C2TES1 (màu xám)	
FLS 2000 (20 kg).....	74
Keo dán gạch «SIÊU DẸO» C2TES2 (màu trắng)	

Keo dán gạch đặc biệt:

RG 200 FAST (20 kg, 5 kg)	76
Keo dán gạch ninh kết nhanh C2FT (màu trắng)	
DB 2000 (20 kg)	78
Keo dán gạch thô C2TE (màu trắng)	

LƯU Ý

Không nên sử dụng keo kết dính trộn sẵn trực tiếp lên tường thạch cao hoặc vữa thạch cao, trừ khi thuộc trách nhiệm của người sử dụng và đã trát trước một lớp lót dẻo.

Sử dụng quá lượng nước sẽ làm giảm chất lượng sản phẩm.

Để có kết quả tốt hơn, tham khảo sản phẩm liên quan MARMO PLUS.

Keo kết dính trộn sẵn có chứa xi măng, được xếp vào loại có tính kích thích. Hãy đọc kỹ hướng dẫn an toàn và các biện pháp phòng ngừa có trong Bảng Chỉ dẫn An toàn Hóa chất của sản phẩm

Bề mặt bị lỗ chỗ nên được sơn lót với sơn lót dẻo.

LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.



ES W1

**Nhóm keo
(màu trắng): C1***

* Tham khảo giải thích ở trang 51

Keo ES W1 được sử dụng để lắp đặt gạch men có độ hút nước cao chủ yếu trên các bề mặt sàn không gian trong nhà. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông thông thường hoặc bê tông nhẹ, lớp phủ kết dính, v.v... Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cảm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004; được xếp vào loại keo kết dính C1 cho mục đích sử dụng trong nhà.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 20 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.

- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch có thể được thực hiện sau 24 giờ.

LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng. Trong bao nhựa, trong bao 5 kg, trong thùng cát tông.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

05

Keo dán gạch

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT: Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C1

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính		20 phút
		Thời gian kết dính		≥0,5 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,8 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,6 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,3 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Rất tốt		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,1 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Tốt			

⊗ CHÚ Ý: Keo ES W1 không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giếng có thể được di chuyển.
- Trong các vị trí lắp đặt thiết bị sưởi ấm dưới nền nhà (thì thay vào đó hãy sử dụng FLS 1000, FLS 2000 & FLEXY 100).



ES G1

Nhóm keo dán gạch (màu xám): C1



Keo ES W1 được sử dụng để lắp đặt gạch men có độ hút nước cao chủ yếu trên các bề mặt sàn trong nhà. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông thông thường hoặc bê tông nhẹ, lớp phủ kết dính, v.v... Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

05

Keo dán gạch

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004; được xếp vào loại keo kết dính C1 cho mục đích sử dụng trong nhà.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 20 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.

- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trít mạch có thể được thực hiện sau 24 giờ.

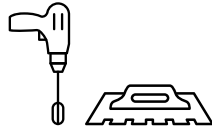
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 1** Loại 1: Keo thông thường (độ bám dính > 0,5 N/mm²)

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C1

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính		20 phút
		Thời gian kết dính		≥0,5 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,8 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,6 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,3 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Rất tốt		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,1 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Tốt			

⊗ CHÚ Ý: Keo ES G1 không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giăng có thể được di chuyển.
- Trong các vị trí lắp đặt thiết bị sưởi ấm dưới nền nhà (thì thay vào đó hãy sử dụng FLS 1000, FLS 2000 & FLEXY 100).

05

Keo dán gạch



FK 10W

Nhóm keo dán gạch dẻo (màu trắng): C1T



Keo FK 10W được sử dụng để lắp đặt gạch men và gạch đá tự nhiên chủ yếu trên các bề mặt trong nhà hoặc bề mặt được bảo vệ ở ngoài trời. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông hoặc bê tông nhẹ, lớp phủ kết dính, trên sàn nhà và trên tường.

Mang lại độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu tốt với sự thay đổi về độ ẩm. Tránh được những thay đổi có thể nhìn thấy từ bề mặt đá cẩm thạch trắng (và các vật liệu xây dựng khác) và cả phát triển của hiện tượng nở hoa vữa.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

05

Keo dán gạch

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004 / C1T.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 20 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.

- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

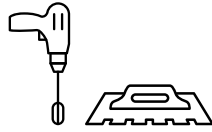
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg trên tấm kê hàng và trong thùng 5 kg.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 1** Loại 1: Keo thông thường (cường độ kết dính > 0,5 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C1T

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính		20 phút
		Thời gian kết dính		≥0,8 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trượt		0,3 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ (20°C)
	Tường		8-10 giờ (20°C)	
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,6 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,1 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,1 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,0 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Rất tốt			

⊗ CHÚ Ý: Keo FK 10W không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giằng có thể được di chuyển.
- Trong các vị trí lắp đặt thiết bị sưởi ấm dưới nền nhà (thì thay vào đó hãy sử dụng FLS 1000, FLS 2000 & FLEXY 100).

05

Keo dán gạch



FK 10G

Nhóm keo dán gạch (màu xám): C1T



Keo FK 10G được sử dụng để lắp đặt gạch men và gạch đá tự nhiên chủ yếu trên các bề mặt trong nhà hoặc bề mặt được bảo vệ ở ngoài trời. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông hoặc bê tông nhẹ, lớp phủ kết dính, trên sàn nhà và trên tường.

Mang lại độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu tốt với sự thay đổi về độ ẩm.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

05

Keo dán gạch

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004 / C1T.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 20 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

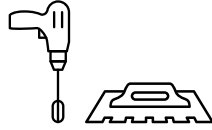
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 1** Loại 1: Keo thông thường (cường độ kết dính > 0,5 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C1T

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính		20 phút
		Thời gian kết dính		≥0,8 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trượt		0,3 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ (20°C)
Tường	8-10 giờ (20°C)			
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,6 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,1 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,1 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,0 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Rất tốt			

⊗ CHÚ Ý: Keo FK 10G không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giằng có thể được di chuyển.
- Trong các vị trí lắp đặt thiết bị sưởi ấm dưới nền nhà (thì thay vào đó hãy sử dụng FLS 1000, FLS 2000 & FLEXY 100).

05

Keo dán gạch



PL 20

Nhóm keo dán gạch dẻo "PLUS" (màu trắng): C2



Keo dán gạch PL 20 được sử dụng để đặt gạch men cho bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, chẳng như gạch, gạch men trang trí làm từ đá xây dựng tự nhiên trên sàn nhà và tường. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông hoặc bê tông nhẹ, lớp phủ kết dính, v.v...

Sản phẩm trộn sẵn mang lại chất lượng cao đồng nhất. Mang lại độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu tốt với sự thay đổi về độ ẩm. Tránh được những thay đổi có thể nhìn thấy từ bề mặt đá cẩm thạch trắng (và các vật liệu xây dựng khác) và cả phát triển của hiện tượng nở hoa vữa.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

05

Keo dán gạch

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 12004 / C2.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 20 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

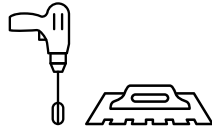
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2 Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C2

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính		20 phút
		Thời gian kết dính		≥1,4 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trit mạch	Sàn nhà	24 giờ (20°C)
			Tường	8-10 giờ (20°C)
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,5 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,3 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,1 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,0 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Rất tốt			

⊗ CHÚ Ý: Keo PL 20 không nên được sử dụng trong các trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giằng có thể được di chuyển.
- Trong các vị trí lắp đặt thiết bị sưởi ấm dưới nền nhà (thì thay vào đó hãy sử dụng FLS 1000, FLS 2000 & FLEXY 100).

05

Keo dán gạch



Keo dán gạch theo yêu cầu



GM 1

Nhóm keo đá cẩm thạch và đá granite (màu trắng): C2T



Keo GM 1 được sử dụng để lắp đặt đá cẩm thạch, đá granite, đá xây dựng tự nhiên cũng như bất kỳ chủng loại và kích cỡ gạch lát nào. Thích hợp cho các bề mặt trong nhà hoặc ngoài trời, trên sàn nhà hoặc tường.

Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính, bề mặt của các kết cấu nhẹ (cấu kiện bê tông xốp, tấm xi măng và tấm thạch cao, v.v...) và những nơi có nhiệt độ cao và cần chống ẩm (ban công, phòng tắm, v.v...), khu vực công cộng với lưu lượng xe hàng ngày cao và bất cứ nơi nào cần công trình xây dựng chất lượng cao. Sản phẩm trộn sẵn mang lại chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, và khả năng chống chịu tốt với những thay đổi về thời tiết và độ ẩm. Tránh được những thay đổi có thể nhìn thấy từ bề mặt đá cẩm thạch trắng (và các vật liệu xây dựng khác) và cả phát triển của hiện tượng nở hoa vữa.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

05

Keo dán gạch

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp vữa với xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 12004:2002, C2T.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 20 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

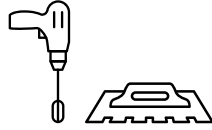
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg trên tấm kê hàng và trong thùng 5 kg.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- ngày sản xuất, trong các bao chưa mở.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C2T

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính		20 phút
		Thời gian kết dính		≥1,3 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trượt		0,1 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ (20°C)
Tường	8-10 giờ (20°C)			
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,9 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,4 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,2 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,3 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Tuyệt vời			

⊗ CHÚ Ý: Keo GM 1 không nên được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giăng có thể được di chuyển.
- Trong các vị trí lắp đặt thiết bị sưởi ấm dưới nền nhà (thì thay vào đó hãy sử dụng FLS 1000, FLS 2000 & FLEXY 100).

05

Keo dán gạch



MARMOFIX 500

Nhóm keo dán gạch có độ bền cao (màu trắng): C2TE



Keo dán gạch MARMOFIX 500 được sử dụng để đặt gạch và tấm kết cấu của bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, chẳng hạn như gốm hoặc vật liệu nhân tạo, cũng như lắp đặt đá xây dựng tự nhiên, v.v... phù hợp trên các bề mặt trong nhà hay ngoài trời, trên sàn nhà hoặc trên tường. Có thể sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính cũng như bề mặt của các kết cấu được làm từ vật liệu xây dựng nhẹ (bê tông xốp, tấm xi măng và tấm thạch cao, v.v...). Đảm bảo độ kết dính rất tốt và cường độ chịu nén và chịu uốn cao. Tránh được những thay đổi có thể nhìn thấy từ bề mặt đá cẩm thạch trắng (và các vật liệu xây dựng khác) và cả phát triển của hiện tượng nở hoa vữa.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

05

Keo dán gạch

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004; được xếp vào loại keo kết dính C2TE.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 30 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

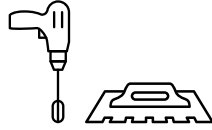
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo kết dính tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt
- E** Keo có thời gian kết dính dài

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C2TE

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính		20 phút
		Thời gian kết dính		≥1,3 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trượt		0,1 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ (20°C)
	Tường		8-10 giờ (20°C)	
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,9 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ		Chìm trong nước	≥1,4 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,2 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,3 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Tuyệt vời			

⊗ CHÚ Ý: Keo MARMOFIX 500 không nên được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giăng có thể được di chuyển.
- Trực tiếp trên bề mặt kim loại, trừ khi chúng có bảo vệ chống ăn mòn và được sơn lót dẻo.
- Trong các vị trí lắp đặt thiết bị sưởi ấm dưới nền nhà (thì thay vào đó hãy sử dụng FLS 1000, FLS 2000 & FLEXY 100).

05

Keo dán gạch



MARMOFIX 500G

**Nhóm keo dán gạch có độ bền cao
(màu xám): C2TE**



Keo dán gạch MARMOFIX 500G được sử dụng để đặt gạch và tấm kết cấu của bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, chẳng hạn như gốm hoặc vật liệu nhân tạo, cũng như Các lớp đặt đá xây dựng tự nhiên, v.v... phù hợp trên các bề mặt trong nhà hay ngoài trời, trên sàn nhà hoặc trên tường.

Có thể sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính cũng như bề mặt của các kết cấu được làm từ vật liệu xây dựng nhẹ (bê tông xốp, tấm xi măng, tấm thạch cao, v.v...).

Đảm bảo độ kết dính rất tốt và cường độ chịu nén và chịu uốn cao.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

05

Keo dán gạch

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004; được xếp vào loại keo kết dính C2TE.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 30 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

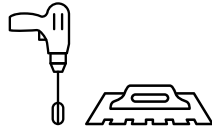
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt
- E** Keo có thời gian kết dính dài

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C2TE

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính		30 phút
		Thời gian kết dính		≥1,2 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trượt		<0,5 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ
			Tường	8-10 giờ
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²	Độ bám dính	Trong điều kiện khô ráo	≥1,7 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	3-4 giờ		Chìm trong nước	≥1,3 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	20 phút		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,3 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,2 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Tuyệt vời			

⊗ CHÚ Ý: Keo MARMOFIX 500 không nên được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giăng có thể được di chuyển.
- Trực tiếp trên bề mặt kim loại, trừ khi chúng có bảo vệ chống ăn mòn và được sơn lót dẻo.
- Trong các vị trí lắp đặt thiết bị sưởi ấm dưới nền nhà (thì thay vào đó hãy sử dụng FLS 1000, FLS 2000 & FLEXY 100).

05

Keo dán gạch



FLEXY 100

Nhóm keo dán gạch dẻo (màu trắng): C2TES1



Keo kết dính FLEXY 100 được sử dụng để đặt gạch và tấm kết cấu của bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, chẳng hạn như gốm hoặc vật liệu nhân tạo, cũng như lắp đặt đá xây dựng tự nhiên, v.v... trên sàn nhà và trên tường. Thích hợp cho các bề mặt trong nhà hoặc ngoài trời. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính, bề mặt của các kết cấu nhẹ (cấu kiện bê tông xốp, tấm xi măng và tấm thạch cao, v.v...) và những nơi có nhiệt độ cao với những thay đổi thường xuyên về độ ẩm và nhiệt độ (sàn được sưởi ấm, ban công, bồn tắm, v.v...).

Đảm bảo độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, và khả năng chống chịu tốt với những thay đổi về thời tiết và độ ẩm. Tránh được những thay đổi có thể nhìn thấy từ bề mặt đá cẩm thạch trắng (và các vật liệu xây dựng khác) và cả phát triển của hiện tượng nở hoa vữa.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

05

Keo dán gạch

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp vữa với xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN12004, EN12002 / C2TES1.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 30 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

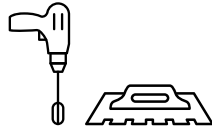
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg trên tấm kê hàng và trong thùng 5 kg.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt
- E** Keo có thời gian kết dính dài
- S1** Đàn hồi

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, EN 12002 / C2TES1

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20 °C)		30 phút
		Thời gian kết dính (EN 1346)		≥ 1,0 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời (EN 1015-10:1999)	1.300 kg/m ³	Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ (20 °C)
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²		Tường	8-10 giờ (20 °C)
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ	Độ bám dính (EN 1348)	Trong điều kiện khô ráo	≥ 1,7 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Chìm trong nước	≥ 1,1 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥ 1,2 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥ 1,1 N/mm ²
Độ dẻo (EN 12002)	≥ 4,6 mm			

⊗ CHÚ Ý: Keo FLEXY 100 không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giằng có thể được di chuyển.
- Trực tiếp trên bề mặt kim loại, trừ khi chúng có bảo vệ chống ăn mòn và được sơn lót dẻo.

05

Keo dán gạch



FLEXY 100G

Nhóm keo dán gạch đàn hồi (màu xám): C2TES1



Keo kết dính FLEXY 100 được sử dụng để đặt gạch và tấm kết cấu của bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, chẳng hạn như gốm hoặc vật liệu nhân tạo, cũng như lắp đặt đá xây dựng tự nhiên, v.v... trên sàn nhà và trên tường. Thích hợp cho các bề mặt trong nhà hoặc ngoài trời. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính, bề mặt của các kết cấu nhẹ (cấu kiện bê tông xốp, tấm xi măng và tấm thạch cao, v.v...) và những nơi có nhiệt độ cao với những thay đổi thường xuyên về độ ẩm và nhiệt độ (sàn được sưởi ấm, ban công, bồn tắm, v.v...).

Đảm bảo độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, và khả năng chống chịu tốt với những thay đổi về thời tiết và độ ẩm.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

05

Keo dán gạch

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN12004, EN12002 / C2TES1.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 30 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

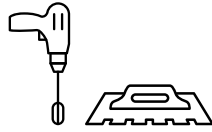
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt
- E** Keo có thời gian kết dính dài
- S1** Đàn hồi

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, EN 12002 / C2TES1

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20 °C)		30 phút
		Thời gian kết dính (EN 1346)		≥ 1,0 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời (EN 1015-10:1999)	1.300 kg/m ³	Trượt		≤ 0,1 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ (20 °C)
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²		Tường	8-10 giờ (20 °C)
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ	Độ bám dính (EN 1348)	Trong điều kiện khô ráo	≥ 1,7 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Chìm trong nước	≥ 1,1 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥ 1,2 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥ 1,1 N/mm ²
Độ dẻo (EN 12002)	≥ 2,5 mm			

⊗ CHÚ Ý: Keo FLEXY 100G không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trong gạch đá cẩm thạch lớn hoặc gạch đá tự nhiên khác trên giăng có thể được di chuyển.
- Trực tiếp trên bề mặt kim loại, trừ khi chúng có bảo vệ chống ăn mòn và được sơn lót dẻo.

05

Keo dán gạch



FLS 1000

Nhóm keo dán gạch dẻo "SUPER ELASTIC" (màu trắng): C2TES1



05

Keo dán gạch

Keo dán gạch FLS 1000 được sử dụng để đặt gạch và tấm kết cấu của bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, chẳng hạn như gốm hoặc vật liệu nhân tạo, cũng như lắp đặt đá xây dựng tự nhiên, v.v... trên sàn nhà và trên tường. Thích hợp cho các bề mặt trong nhà hoặc ngoài trời, trên sàn nhà hoặc tường.

Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính, trên các sàn đơn giản (đã được lát bằng gạch trang trí cũ hay gạch men cũ), trên các bề mặt của các kết cấu nhẹ (cấu kiện bê tông xốp, tấm xi măng và tấm thạch cao, v.v...) và những nơi có nhiệt độ cao với những thay đổi thường xuyên về độ ẩm và nhiệt độ (sàn được sưởi ấm, ban công, bồn tắm, v.v...) cũng như nơi yêu cầu chất lượng xây dựng cao.

Đảm bảo độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, và khả năng chống chịu tốt với những thay đổi về độ ẩm và nhiệt độ. Tránh được những thay đổi có thể nhìn thấy từ bề mặt đá cẩm thạch trắng (và các vật liệu xây dựng khác) và cả phát triển của hiện tượng nở hoa vữa.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004, EN 12002; được xếp vào loại keo kết dính C2TES1.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 30 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

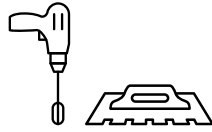
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg trên tấm kê hàng và trong thùng 5 kg.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt
- E** Keo có thời gian kết dính dài
- S1** Đàn hồi

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, EN 12002 / C2TES1

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20 °C)		30 phút
		Thời gian kết dính (EN 1346)		≥1,5 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời (EN 1015-10:1999)	1.300 kg/m ³	Trượt		≤0,1 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²		Tường	8-10 giờ
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ	Độ bám dính (EN 1348)	Trong điều kiện khô ráo	≥2,4 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Chìm trong nước	≥1,5 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥2,4 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,5 N/mm ²
Độ dẻo (EN 12002)	≥2,5 mm			

⊗ CHÚ Ý: Keo FLS 1000 không nên được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trực tiếp trên bề mặt kim loại, trừ khi chúng có bảo vệ chống ăn mòn và được sơn lót dẻo.

05

Keo dán gạch



FLS 1000G

Nhóm keo dán gạch dẻo "SUPER ELASTIC" (màu xám): C2TES1



05

Keo dán gạch

Keo dán gạch FLS 1000 được sử dụng để đặt gạch và tấm kết cấu của bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, chẳng hạn như gốm hoặc vật liệu nhân tạo, cũng như các lớp đặt đá xây dựng tự nhiên, v.v... phù hợp trên các bề mặt trong nhà hay ngoài trời, trên sàn nhà hoặc trên tường. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính, trên các sàn đơn giản (đã được lát bằng gạch trang trí cũ hay gạch men cũ), trên các bề mặt của các kết cấu nhẹ (cấu kiện bê tông xốp, tấm xi măng và tấm thạch cao, v.v...), trên những bề mặt kim loại, bể bơi, bể chứa nước, hay trên những bề mặt có độ ẩm cao, và trên sàn nhà hay tường có nhiệt độ cao với những thay đổi thường xuyên về nhiệt độ (sàn được sưởi ấm, ban công, bồn tắm, v.v...) cũng như nơi yêu cầu chất lượng xây dựng cao. Đảm bảo độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, và khả năng chống chịu tốt với những thay đổi về độ ẩm và nhiệt độ.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiến với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004, EN 12002; được xếp vào loại keo kết dính C2TES1.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 30 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trát mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trát mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

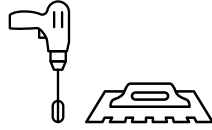
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt
- E** Keo có thời gian kết dính dài
- S1** Đàn hồi

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, EN 12002 / C2TES1

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20 °C)		30 phút	
		Thời gian kết dính (EN 1346)		≥1,5 N/mm ²	
Khối lượng thể tích khô rời (EN 1015-10:1999)	1.300 kg/m ³	Trượt			≤0,1 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ	
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²		Tường	8-10 giờ	
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ	Độ bám dính (EN 1348)	Trong điều kiện khô ráo	≥2,4 N/mm ²	
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Chìm trong nước	≥1,5 N/mm ²	
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥2,4 N/mm ²	
Sức kháng dung môi	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,5 N/mm ²	
Độ dẻo (EN 12002)	≥2,5 mm				

⊗ CHÚ Ý: Keo FLS 1000G không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trực tiếp trên bề mặt kim loại, trừ khi chúng có bảo vệ chống ăn mòn và được sơn lót dẻo.

05

Keo dán gạch



FLS 2000

Nhóm keo dán gạch và đá dẻo "ULTRA ELASTIC" (màu trắng): C2TES2



05

Keo dán gạch

Keo dán gạch FLS 2000 được sử dụng để đặt gạch và tấm kết cấu của bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào (đá cẩm thạch, đá granite, gạch men, v.v...) trên các bề mặt trong nhà hay ngoài trời, trên sàn nhà và trên tường. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính, trên các sàn đơn giản (đã được lát bằng gạch trang trí cũ hay gạch men cũ), trên các bề mặt của các kết cấu nhẹ (cấu kiện bê tông xốp, tấm xi măng và tấm thạch cao, v.v...), trên những bề mặt kim loại, bề bơn, bề chứa nước, hay trên những bề mặt có độ ẩm cao, và trên sàn nhà hay tường có nhiệt độ cao với những thay đổi thường xuyên về nhiệt độ, co-giãn hay rung lắc (sàn được sưởi ấm, ban công, bồn tắm, bề mặt kim loại, v.v...) cũng như nơi yêu cầu chất lượng xây dựng cao.

Đảm bảo độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, và khả năng chống chịu tốt với những thay đổi về độ ẩm và nhiệt độ. Tránh được những thay đổi có thể nhìn thấy từ bề mặt đá cẩm thạch trắng (và các vật liệu xây dựng khác) và cả phát triển của hiện tượng nở hoa vữa.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 12004, EN 12002 và được xếp vào loại keo C2TES2.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn") và đặt gạch trong vòng 30 phút.
- Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép chặt. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo kết dính, và trong vài giờ sau đó.
- Nhiệt độ sử dụng trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.
- Trít mạch sàn nhà nên được thực hiện sau 24 giờ và trít mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

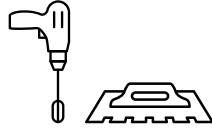
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt
- E** Keo có thời gian kết dính dài
- S2** Độ đàn hồi rất cao

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004, EN 12002 / C2TES2

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20 °C)		30 phút
		Thời gian kết dính (EN 1346)		≥1,5 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trượt		≤0,1 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²		Tường	8-10 giờ
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ	Độ bám dính (EN 1348)	Trong điều kiện khô ráo	≥1,3 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút		Chìm trong nước	≥1,3 N/mm ²
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,3 N/mm ²
Sức kháng dung môi	Tuyệt vời		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,3 N/mm ²
Độ dẻo	≥5,0 mm			

⊗ CHÚ Ý: Keo PL 2000 không được sử dụng trong các những trường hợp sau đây:

- Trục tiếp trên bề mặt kim loại, trừ khi chúng có bảo vệ chống ăn mòn và được sơn lót dẻo.

05

Keo dán gạch



RG 200 FAST

Nhóm keo dán gạch ninh kết nhanh
(màu trắng): C2FT



05

Keo dán gạch
Các ứng dụng đặc biệt

Keo dán gạch RG 200 FAST là keo dán gạch ninh kết nhanh được sử dụng khi cần có sự ninh kết nhanh và sử dụng không gian tức thì. Được sử dụng để đặt gạch và tấm kết cấu của bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, chẳng hạn như gốm hoặc vật liệu nhân tạo, đá cẩm thạch hay đá granite cũng như để lắp đặt đá xây dựng tự nhiên, v.v... phù hợp trên các bề mặt trong nhà hay ngoài trời, trên sàn nhà hoặc trên tường.

Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính, bề mặt của các kết cấu nhẹ (cấu kiện bê tông xốp, tấm xi măng và tấm thạch cao, v.v...) và những nơi có nhiệt độ cao và cần chống ẩm (ban công, phòng tắm, v.v...), khu vực công cộng với lưu lượng xe hàng ngày cao và bất cứ nơi nào cần công trình xây dựng chất lượng cao.

Sản phẩm trộn sẵn mang lại chất lượng cao đồng nhất. Mang lại độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu với sự thay đổi về nhiệt độ và độ ẩm.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp vữa với xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 12004 / C2FT.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép chặt.
- Lắp đặt gạch phải được thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật trong khoảng thời gian kết dính (tối đa 20 phút).
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

- Trít mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 3 giờ và trít mạch tường có thể được thực hiện sau 1 giờ.

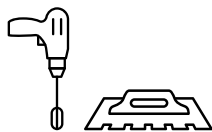
LƯỢNG SỬ DỤNG

2,0-4,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước gạch và bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg trên tấm kê hàng và trong thùng 5 kg.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- F** Keo ninh kết nhanh, sớm đạt cường độ cao
- T** Keo không trơn trượt

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C2FT

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Thời gian kết dính (20 °C)		20 phút
		Thời gian kết dính (EN 1346)		2,1 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.300 kg/m ³	Trượt		<0,5 mm
		Trít mạch	Sàn nhà	3 giờ (20°C)
Lượng sử dụng	2-4 kg/m ²		Tường	1 giờ (20°C)
Thời gian bảo quản (20°C)	1 giờ	Độ bám dính (28 ngày)	Trong điều kiện khô ráo	2,1 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	10 phút		Chìm trong nước	1,0 N/mm ²
Độ bám dính (6 giờ)	1,1 N/mm ²		Trong điều kiện nhiệt độ cao	1,4 N/mm ²
			Trong điều kiện kết đông-xả đông	1,1 N/mm ²

⊗ CHÚ Ý: Keo RG 200 FAST không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trực tiếp trên bề mặt kim loại, trừ khi chúng có bảo vệ chống ăn mòn và được sơn lót đều.

05

Keo dán gạch
Các ứng dụng đặc biệt



DB 2000

Nhóm keo dán gạch cho lớp móng dày (màu trắng): C2TE



05

Keo dán gạch đặc biệt

Keo dán gạch DB 2000 được sử dụng để đặt gạch của bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, chẳng hạn như gốm hoặc vật liệu nhân tạo, đá cẩm thạch hay đá granite cũng như để lắp đặt đá xây dựng tự nhiên, v.v... phù hợp trên các bề mặt trong nhà hay ngoài trời, trên sàn nhà hoặc trên tường. Sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông và lớp phủ kết dính, bề mặt của các kết cấu nhẹ và những nơi cần chống chịu với nhiệt độ và độ ẩm cao.

Mang lại độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu tốt với sự thay đổi về điều kiện môi trường và độ ẩm.

Lợi thế của nó là có thể trát với chiều dày lớn (lên tới 2 cm) cho gạch cỡ lớn và có thể che phủ hoàn toàn những hổng hóc trên bề mặt.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 12004 / C2TE.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm hay lên tới 20 mm) để trát keo ("trát nhẵn"). Để cố định ở vị trí mong muốn, gạch phải được đặt và ép trong vòng 30 phút. Giới hạn thời gian sử dụng cho keo đã được trát cho phép các điều chỉnh cần thiết, để đặt gạch vào vị trí cuối cùng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát keo.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng keo, và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

- Trít mạch sàn nhà có thể được thực hiện sau 24 giờ và trít mạch tường có thể được thực hiện sau 8 giờ.

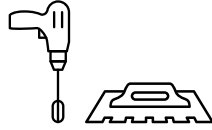
LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 12-15 kg/m² cho lớp trát có chiều dày 1 cm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





- C** Kết dính: Sản phẩm sẵn sàng để trộn, bao gồm dung dịch hóa cứng, chất độn và keo. Hòa trộn với nước hoặc chất lỏng khác ngay lập tức trước khi sử dụng.
- 2** Loại 2: Keo tăng cường (cường độ kết dính > 1 N/mm²)
- T** Keo không trơn trượt
- E** Keo có thời gian kết dính dài

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 12004 / C2TE

Cỡ hạt	0,0-1,3 mm	Thời gian kết dính (20 °C)		30 phút	
		Thời gian kết dính		≥1,0 N/mm ²	
Khối lượng thể tích khô rời	1.400 kg/m ³	Trượt		0,5 mm	
		Trít mạch	Sàn nhà	24 giờ (20°C)	
Tường	8-10 giờ (20°C)				
Lượng sử dụng	~10 kg/m ² /cm	Độ bám dính		Trong điều kiện khô ráo	≥1,8 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	4 giờ	Độ bám dính		Chìm trong nước	≥1,2 N/mm ²
		Độ bám dính		Trong điều kiện nhiệt độ cao	≥1,5 N/mm ²
		Độ bám dính		Trong điều kiện kết đông-xả đông	≥1,3 N/mm ²
Thời gian cho những điều chỉnh nhỏ	30 phút				

⊗ CHÚ Ý: Keo DB 2000 không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trực tiếp trên bề mặt kim loại, trừ khi chúng có bảo vệ chống ăn mòn và được sơn lót dẻo.

05

Keo dán gạch đặc biệt



Keo dán gạch: Khuyến nghị chung dành cho các ứng dụng phổ biến

Sử dụng trong nhà

KEO DÁN GẠCH mục đích sử dụng / bề mặt	ESW1 / ESG1 C1	FK10W / FK10G C1T	PL20 C2	GM1 C2T	MARMOFIX 500 / G C2TE	FLEXY 100 / G C2ES1	FLS 1000 / G C2TES1	FLS 2000 C2TES1
TƯỜNG								
Vữa kết dính		C/M/G		C/M/G/A	C/M/G/A		C/M/G/A	C/M/G/A
Màu acrylic		C/M/G B/PS/SB		C/M/G/A B/PS/SB	C/M/G/A B/PS/SB		C/M/G/A	C/M/G/A
vữa thạch cao		C/M/G B/PS/SB		C/M/G/A B/PS/SB	C/M/G/A B/PS/SB		C/M/G/A B/PS/SB	C/M/G/A B/PS/SB
tấm thạch cao				C/M/G/A B/PS/SB	C/M/G/A B/PS/SB		C/M/G/A B/PS/SB	C/M/G/A B/PS/SB
tấm xi măng				C/M/G/A B/PS/SB	C/M/G/A B/PS/SB		C/M/G/A	C/M/G/A
gạch cũ				C/M/G/A SB	C/M/G/A SB		C/M/G/A SB	C/M/G/A SB
bề mặt kim loại							C/M/G/A B/PS	C/M/G/A B/PS
bề mặt gỗ							C/M/G/A B/PS	C/M/G/A B/PS
SÀN NHÀ								
xi măng/ bê tông	C	C/M/G	C/M/G	C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A
sưởi ấm dưới sàn nhà						C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A
sàn lát đá mài			C/M/G SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB
gạch cũ				C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB
bề mặt kim loại						C/M/G/A PS (*)	C/M/G/A PS (*)	C/M/G/A PS (*)
bề mặt gỗ						C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS
BỒN TẮM								
xi măng/ bê tông				C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS
Vữa kết dính				C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS
tấm thạch cao				C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS
chống nước kết dính						C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS

Mục đích sử dụng ngoài trời

TƯỜNG								
xi măng				C/M/G/A	C/M/G/A		C/M/G/A	C/M/G/A
Vữa kết dính				C/M/G/A	C/M/G/A		C/M/G/A	C/M/G/A
Màu acrylic				C/M/G/A PS/SB	C/M/G/A PS/SB		C/M/G/A PS/SB	C/M/G/A PS/SB
bề mặt kim loại							C/M/G/A PS (*)	C/M/G/A PS (*)

Mục đích sử dụng ngoài trời

KEO DÁN GẠCH mục đích sử dụng / bề mặt	ESW1 / ESG1 C1	FK10W / FK10G C1T	PL20 C2	GM1 C2T	MARMOFIX 500 / G C2TE	FLEXY 100 / G C2ES1	FLS 1000 / G C2TES1	FLS 2000 C2TES1
SÀN NHÀ								
xi măng/ bê tông			C	C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A
bề mặt kim loại						C/M/G/A PS (*)	C/M/G/A PS (*)	C/M/G/A PS (*)
NGOÀI HIỀN/BAN CÔNG								
xi măng/ bê tông			C	C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A	C/M/G/A
sàn lát đá mài				C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB
gạch cũ				C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB	C/M/G/A SB
BỂ BƠI								
xi măng/ bê tông						C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS
chống nước kết dính						C/M/G/A PS	C/M/G/A PS	C/M/G/A PS

C: gạch men M: đá cẩm thạch G: đá granite A: đá nhân tạo
 B: BIOPRIMER PS: PS PRIMER SB: SUPER BOND PRIMER
 (*): Mài phẳng trước khi trát lớp lót /: Giải pháp thay thế

Chỉ dẫn / khuyến nghị chung

2500cm ² < bề mặt gạch < 5000 cm ²	→	Keo kết dính gạch S1
bề mặt gạch > 5000 cm ²	→	Keo dán gạch S2 (hay keo dán gạch S1 + MARMOPPLUS)

Keo dán gạch: Ứng dụng đặc biệt

BỀ MẶT KHÔNG PHẪNG		(chiều sâu tối đa < 2cm)	(chiều sâu tối đa > 2cm)
TƯỜNG			
Không cần sử dụng keo dán gạch đàn hồi	phương pháp sử dụng	xi măng	DB 2000 Thứ nhất: REFIXCEM Thứ hai: Keo phù hợp
		lớp trát	DB 2000 Thứ nhất: GS 100 L Thứ hai: Keo phù hợp
	thay thế phương pháp sử dụng	xi măng	Thứ nhất: REFIXCEM Thứ hai: FLS 1000
		lớp trát	Thứ nhất: GS 100 L Thứ hai: FLS 1000
SÀN NHÀ			
Không cần sử dụng keo dán gạch đàn hồi	phương pháp sử dụng	xi măng	DB 2000 Thứ nhất: REFIXCEM Thứ hai: Keo phù hợp
		bê tông	DB 2000 Thứ nhất: REFIXCEM Thứ hai: Keo phù hợp
	thay thế phương pháp sử dụng	xi măng	Thứ nhất: REFIXCEM Thứ hai: FLS 1000 / FLEXY 100
		bê tông	Thứ nhất: REFIXCEM Thứ hai: FLS 1000 / FLEXY 100

ỨNG DỤNG NHANH	SẢN PHẨM
SÀN NHÀ VÀ TƯỜNG	
xi măng	RG 200 FAST
lớp trát	RG 200 FAST
bê tông	RG 200 FAST



06

Keo chà ron

Kết dính:

COLORFILL PLATINUM (20 kg, 5 kg, 2 kg)..... 84
Keo chà ron chống nước để trét mạch có chiều dày lên
tới 6mm có 29 màu

Nhựa epoxy:

COLORFILL EPOXY PRO (10 kg, 5 kg, 3 kg)..... 86
Keo chà ron có 2 thành phần nhựa để trét mạch có chiều
dày 2 -12 mm có sẵn với 6 màu lựa chọn

Công tác vệ sinh:

COLORFILL CLEAN (1 kg) 88
Chất làm sạch đá tự nhiên và keo chà ron

LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.



COLORFILL PLATINUM

Keo chà ron kết dính chống nước (0-6 mm) có sẵn với 29 màu khác nhau



COLORFILL PLATINUM là keo chà ron kết dính chống nước để trét mạch có chiều dày lên tới 6mm. Phù hợp cho gạch với bất kỳ chủng loại và kích cỡ nào, cho mục đích sử dụng trong nhà hay ngoài trời, trên sàn nhà hoặc trên tường và được sản xuất theo bộ có 29 màu.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo độ bền cơ học cao và khả năng chống chịu cao với những thay đổi về độ ẩm và nhiệt độ. Đảm bảo tính dễ thi công, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cảm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân theo các tiêu chuẩn của Châu Âu: EN 13888:2002, CG2WA. Cỡ hạt <0,2 mm. Sản phẩm có khả năng chống chịu cao với ma sát.

SỬ DỤNG

- Mạch nối phải sạch sẽ và không có tạp chất và cần được tưới nước trước khi thi công.
- Trét mạch sàn nhà nên được thực hiện sau khi lát gạch 24 giờ bằng cách sử dụng keo và trét mạch tường có thể được thực hiện sau 8-10 giờ. Thời gian để cập ở trên dành cho các keo kết dính có thời gian ninh kết thông thường.
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 1,5 lít/bao) vào sản phẩm đóng trong bao (5kg) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại. Nếu bột ở trong thùng lâu hơn 15-20 phút, nó phải được khuấy lại. CHÚ Ý: Thêm nước vượt quá số lượng sẽ làm giảm mạnh cường độ của keo chà ron, đồng thời dẫn đến sự hình thành của hai màu sắc và hiện tượng phai màu.
- Trạng thái lỏng và độ kết dính chuẩn của COLORFILL PLATINUM (thêm lượng nước theo đúng quy định) giúp tăng độ thẩm thấu tức thì và hiệu quả của keo chà ron.

- Sử dụng bay dẹt để trét mạch và luôn di chuyển nghiêng với gạch.
- Những tạp chất trên bề mặt phải được lau sạch bằng miếng bọt biển ướt trong vòng 10-15 phút. (Thời gian tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường). Rửa lại bằng vải ướt, giúp mang lại hiệu quả mong muốn.
- Hoàn thiện bề mặt nên được thực hiện sau khi vữa đông cứng.
- Bề mặt sau khi chít mạch phải được bảo vệ khỏi nhiệt độ cao, băng đá, bụi bẩn, không khí, v.v... trong 12 giờ đầu tiên.
- Trong khi thi công thì nhiệt độ trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

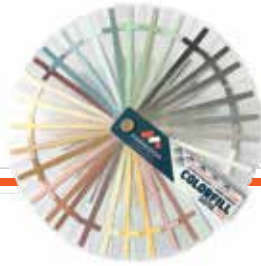
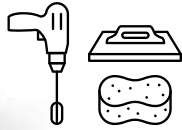
- Trong thùng 5 kg và 2 kg. • Trong bao 20 kg, đặt hàng yêu cầu.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Lượng sử dụng phụ thuộc vào kích thước gạch và chiều dày lớp vữa. Các ví dụ về đặc tính cụ thể được nêu trong bảng sau:

Lượng sử dụng keo chà ron (kg/m ²)						
Kích thước gạch (cm)	Chiều dày mạch nối (mm)					
	1	2	3	4	5	6
20x20x0,7	0,20	0,40	0,60	0,80	1,00	1,20
30x30x0,9	0,15	0,30	0,45	0,60	0,75	0,90
40x40x0,9	0,10	0,20	0,30	0,40	0,50	0,60
12x24x0,8	0,20	0,40	0,60	0,80	1,00	1,20





COLORFILL PLATINUM / VỮA TRÍT MẠCH 0-6 mm			
MÃ SỐ	TÊN	MÃ SỐ	TÊN
W	MÀU TRẮNG	B0	MÀU BE NHẠT
G0	MÀU NÂU SÁNG	B1	MÀU BE
G1	MÀU XÁM NHẠT	B2	MÀU BE SAHARA
G2	MÀU XÁM	B3	MÀU NÂU NHẠT
G3	MÀU NÂU ĐẬM	B4	MÀU NÂU
G4	MÀU XÁM ĐEN	BB1	MÀU KEM NHẠT
G5	MÀU ĐEN	BB2	MÀU CAMEL
GR1	MÀU XANH LÁ CÂY NHẠT	BB3	MÀU TERRACOTTA
GR2	MÀU XANH LÁ CÂY	BB4	MÀU SÔ CÔ LA
P0	MÀU XANH NHẠT	Y1	MÀU VÀNG NHẠT
P1	MÀU XANH NHẠT	Y2	MÀU ĐẤT SON NHẠT
BL1	MÀU XANH DA TRỜI NHẠT	Y3	MÀU ĐẤT SON VÀNG
BL2	MÀU XANH DA TRỜI	V1	MÀU HỒNG NHẠT
BL3	MÀU XANH DA TRỜI ĐẬM	V2	MÀU HỒNG
R1	MÀU ĐỎ TƯƠI		

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 13888:2002, CG2WA. Cỡ hạt <0,2 mm

Cỡ hạt	0,0-0,2 mm	Cường độ chịu nén (Điều kiện bình thường)	31,0 N/mm ²	
		Cường độ chịu uốn (Điều kiện bình thường)	6,5 N/mm ²	
Lượng nước yêu cầu	1,5 kg/bao 5 kg	Cường độ chịu nén (Điều kiện kết đông-xả đông)	25,0 N/mm ²	
Khối lượng thể tích khô rời	1.500 kg/m ³	Cường độ chịu uốn (Điều kiện kết đông-xả đông)	5,5 N/mm ²	
Lượng sử dụng thông thường (Tham khảo bảng tương ứng)	0,4-0,8 kg/m ²	Độ hút nước	sau 30 phút	1,5 g
Tuổi thọ sử dụng khi ở bên trong thùng (23°C)	90 phút		sau 240 phút	2,7 g
Sức kháng kiềm	Tuyệt vời	Co ngót	1,1 mm/m	
Sức kháng dung môi	Tuyệt vời			
Sức kháng mài mòn	900 mm ³			

06

Keo chà ron



COLORFILL EPOXY PRO

Keo chà ron có 2 thành phần nhựa (2-12 mm) với 6 màu để lựa chọn *



06

Keo chà ron

COLORFILL EPOXY PRO là keo chà ron epoxy có 2 thành phần, chống nấm, kháng khuẩn, chống nước và đặc biệt là chống vết bẩn với hệ thống cơ khí và hóa chất cao. Có thể sử dụng cho tất cả các loại gạch men và đá tự nhiên. Nên sử dụng với vật liệu chét mạch gạch hoặc các hạt bề bới, sỏi tằm tự nhiên, ngành công nghiệp sản phẩm hóa chất, công nghiệp thực phẩm và đồ uống, các lò giặt mỡ, các ngành công nghiệp sản phẩm sữa, ngành công nghiệp sản xuất pin và nạp điện, các cơ sở quản lý chất thải, các bếp ăn chuyên nghiệp, phòng thí nghiệm hóa học, bệnh viện và phòng khám, hiệu giặt đồ, v.v... Thích hợp cho mục đích sử dụng trên sàn nhà hoặc trên tường trong nhà và ngoài trời. Thích hợp cho chiều dày vữa 2-12 mm. Cũng được sử dụng kết dính gạch, đá tự nhiên, bê tông, sắt, gỗ, v.v...

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Phù hợp với RG tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 13888.
- Thích hợp để sử dụng ở những nơi tiếp xúc trực tiếp với nước uống theo tiêu chuẩn EN 12873-1.
- Mang lại những đặc tính hóa học rất tốt và khả năng chống chịu tốt với axit, bazơ nước muối, nước khử trùng bằng clo và tác nhân hóa học gây ôxy hóa.
- Mang lại cường độ chịu nén và cường độ chịu uốn cao, cũng như độ kết dính tốt
- Mang lại cường độ cơ khí cao vượt trên các yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Rất dễ sử dụng và vệ sinh.

SỬ DỤNG

- Vữa phải sạch, khô, không có dầu mỡ hoặc tạp chất
- Trít mạch sàn nhà nên được thực hiện sau khi lát gạch 24 giờ bằng cách sử dụng keo và trít mạch tường có thể được thực hiện sau 8-10 giờ. Thời gian để cập ở trên dành cho các keo kết dính có thời gian ninh kết thông thường.
- Thành phần A (nhựa) và B (chất làm cứng) trong xô được thiết lập theo tỷ lệ cố định cần phải tuân thủ. Việc trộn các thành phần được thực hiện một cách lý tưởng trong một xô sạch với toàn bộ thành phần A được trộn với toàn bộ thành phần B. Nếu ví dụ chỉ cần nửa lượng vữa đó, thì trộn nửa lượng A với nửa lượng B, v.v... Trộn từ từ và cẩn thận sử dụng công cụ bằng tay ví như chiếc bay sạch hay sử dụng máy trộn điện ở tốc độ rất chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Thời gian trộn không vượt quá 3-5 phút.
- Sử dụng bay dẻo để trít mạch và luôn di chuyển nghiêng với gạch.
- Những tạp chất trên bề mặt phải được lau sạch bằng miếng bọt biển ướt trong vòng 2 giờ. (Thời gian tùy

thuộc vào nhiệt độ môi trường). Việc làm sạch bề mặt cuối cùng phải được thực hiện sau khi keo chà ron đông cứng sử dụng miếng bọt biển mềm và ướt. Pha thêm chút ước ẩm hoặc một lượng nhỏ cồn giúp việc làm sạch bề mặt cuối cùng nhanh hơn.

- Bề mặt sau khi chít mạch phải được bảo vệ khỏi nhiệt độ cao, băng đá, bụi bẩn, v.v... trong 12 giờ đầu tiên.
- Do là keo nhựa epoxy, nên sử dụng bay có răng của 3-5 mm để trít mạch theo chiều dọc và chiều ngang của bề mặt.
- Trong khi thi công thì nhiệt độ nên trong phạm vi từ +7 °C tới +35 °C.

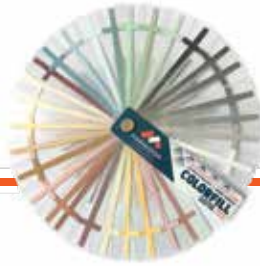
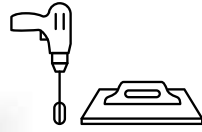
LƯỢNG SỬ DỤNG

Lượng sử dụng phụ thuộc vào kích thước gạch và chiều dày lớp vữa. Các ví dụ về đặc tính cụ thể được nêu trong bảng sau:

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 5 kg & 3 kg và trong hộp 10 kg khi có yêu cầu.
- Bảo quản trong các thùng chụamở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





Lượng sử dụng keo chà ron (gr/m ²)				
Kích thước gạch (cm)	Chiều dày mạch nối (mm)			
	2	3	4	5
20x20x0,8	350	500	700	900
20x20x1	400	650	850	1000
30x30x0,8	250	350	450	500
40x40x1	150	250	350	400
12,5x12,5x0,8	400	600	800	1000
12,5x25x1	500	700	900	1100
Tessera 2,5x2,5x0,3	950	1100	-	-

EPOXY PRO JOINT GROUT 2-12 mm	
MÃ SỐ	TÊN
EW	EPOXY TRẮNG
EG1	EPOXY NÂU NHẠT
EG2	EPOXY NÂU
EG5	EPOXY ĐEN
EBO	EPOXY BE NHẠT
EY1	EPOXY VÀNG NHẠT

* Sản phẩm màu, theo yêu cầu đối với bất kỳ mã màu nào của COLORFILL PLATINUM.

06

Keo chà ron

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 13888:2002, CG2WA. Cỡ hạt <0,2 mm

MÔ TẢ	GIÁ TRỊ	TIÊU CHUẨN
Chống ma sát	165 mm ³	EN 12808-2 ≤ 1.000 mm ³
Cường độ chịu uốn	32 N/mm ³	EN 12808-3 ≥ 30 N/mm ²
Cường độ chịu nén	54 N/mm ³	EN 12808-3 ≥ 45 N/mm ²
Độ hút nước	<0,1 gr	EN 12808-5 sau 240 phút ≤ 0,1gr
Chống axit	Rất tốt	Rất tốt
Chống nhiệt	-40 °C - +80 °C (chiếu sáng liên tục)	
Thời gian bảo quản (23 °C, 50% độ ẩm)	~2 h	
Nhiệt độ	+7 °C – 35 °C	
Quy cách kỹ thuật	Thành phần A: bột nhào 1,70 kg/lít Thành phần B: bột nhào 1,30 kg/lít A+B: 1,60 kg/lít	
	Cat A/j < 250g/lít	Chỉ thị 2004/42/EC Cat A/j ≤ 500g/lít



COLORFILL CLEAN

Chất làm sạch đá tự nhiên
và keo chà ron



COLORFILL CLEAN là chất làm sạch vữa thừa, đặc biệt, có tính axit, được sử dụng cho gạch, đá tự nhiên và đá cẩm thạch chưa đánh bóng.

06

Keo chà ron

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Chất làm sạch làm dư lượng xi măng muối, amiăng và xi măng có axit.

SỬ DỤNG

- COLORFILL CLEAN được sử dụng luôn hoặc pha với nước theo tỷ lệ 1:1.
- Phun chất làm sạch trên bề mặt và chờ trong 2-3 phút.
- Rồi sử dụng bàn chải cứng để chà sạch và dùng nhiều nước để rửa sạch.
- **CHÚ Ý.** Phải sử dụng găng tay nhựa để thực hiện tất cả các công đoạn.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Khoảng 150-200 gr/m², phụ thuộc vào mục đích sử dụng.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 1 kg.
- Bảo quản trong các thùng chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá và ánh nắng mặt trời trực tiếp, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

LƯU Ý

- Sản phẩm được xếp vào loại chất ăn mòn.
- Luôn tham khảo hướng dẫn sử dụng an toàn.
- Đảm bảo không gian kín được thoáng khí khi sử dụng sản phẩm.
- Bề mặt được sơn bóng rất nhạy cảm với chất tẩy rửa có tính axit. Chúng nên được làm sạch một cách rất nhanh chóng và cần được rửa rất kỹ và nhanh chóng.
- Không nên dùng các thùng kim loại để đựng và trung chuyển sản phẩm.
- Hãy thử sản phẩm lên bề mặt nhỏ trước mỗi lần làm sạch.
- Nó gây bỏng. Bảo quản an toàn tránh xa trẻ em.
- Trong trường hợp gặp sự cố hoặc nếu bạn cảm thấy không khỏe, đến gặp bác sĩ ngay để được tư vấn (đưa ra nhãn nếu có thể).
- Không được hít khói.
- Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa sạch ngay với nước và đến cơ sở y tế để kiểm tra.
- Trong trường hợp tiếp xúc với da, rửa sạch ngay với nước.
- Mặc quần áo và găng tay bảo hộ thích hợp cũng như thiết bị bảo vệ mặt và mắt.
- SỐ ĐIỆN THOẠI CỦA TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC:
2107793777

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Quy cách kỹ thuật	Dung dịch trong suốt
pH	~0,5
Trọng lượng riêng	1,1 kg/lít





Sản phẩm chống nước

Vật liệu xử lý bề mặt trát

CORRO PROTECT (1 kg)	121
Bảo vệ chống ăn mòn bê tông cốt thép	
REFIXCEM (25 kg)	122
Vữa sửa chữa cường độ cao, sợi gia cường	
Sợi thủy tinh PVC 160 gr/m ²	
MARMOSEAL FABRIC (100 m ²)	
Vải địa kỹ thuật gia cường	
MARMOFLEX PRIMER (5 kg, 1 kg)	92
Lớp lót dẻo khuếch tán polyurethane	

A) Sản phẩm chống nước dẻo

MARMOFLEX ACRYL (15 kg, 5 kg, 1 kg).....	93
Chất trát trét dẻo có tính đàn hồi	

B) Sản phẩm chống nước Polyurethane

MARMOFLEX PU W (13 kg, 4 kg)	94
Chất trát trét polyurethane trong nước	

C) Sản phẩm chống nước tổng hợp

MARMOFLEX HYBRID (13 kg, 4 kg).....	96
Chất trát kín đàn hồi tổng hợp	

D) Sản phẩm chống nước kết dính

MARMOCEM (25 kg)	97
Chất trát trét thấm thấu một thành phần, có thể cọ rửa	

MARMOCEM LAST	98
---------------------	----

Chất trát trét thấm thấu hai thành phần, có thể cọ rửa:

Thành phần A: Vữa thấm thấu

MARMOCEM LAST (25 kg, 5 kg)

Thành phần thứ hai: Hỗn hợp lỏng

LAST (6,5 kg, 1,3 kg)

MARMOCEM ELASTIK	100
------------------------	-----

Chất trát trét siêu dẻo hai thành phần, có thể cọ rửa:

Thành phần A: Vữa siêu dẻo

MARMOCEM ELASTIK (25 kg)

Thành phần thứ hai: Hỗn hợp lỏng

ELASTIK (7,5 kg)

LƯU Ý

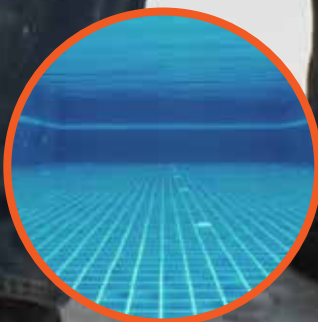
Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.

Sản phẩm chống nước

Kết cấu xây, bồn chứa, bể bơi, giếng, tầng hầm và sân thượng.

Marmodom cung cấp giải pháp toàn diện cho mọi thách thức.

Với tính ứng dụng dễ dàng, và một kết quả được đảm bảo, trong môi trường hợp thời trang....và khô sạch!



MARMOFLEX PRIMER

Lớp lót kết dính MARMOFLEX ACRYL / PU W / HYBRID



MARMOFLEX PRIMER là chất khuếch tán polymer trong nước sau khi sử dụng trên bề mặt thích hợp mang lại độ bám dính tốt nhất cho MARMOFLEX.

Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Dung dịch khuếch tán chất dẻo trong nước.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và khô ráo.
- Sản phẩm được trộn đều và lăn lên bề mặt bằng con lăn sơn, cọ sơn hay máy phun.
- Nhiệt độ sử dụng trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 200gr/m², tùy thuộc vào độ hút nước của bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 5 kg và 1 kg.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

07

Các giải pháp chống nước
Vật liệu xử lý bề mặt trát

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Màu sắc	Màu trắng
Độ nhớt	100 mPa.s
Trọng lượng riêng	1,0 kg/lt
pH	8-9





MARMOFLEX ACRYL

Chất trám trét dẻo có tính đàn hồi

MARMOFLEX ACRYL là chất trám trét có tính đàn hồi và có thể cọ rửa để dùng trên sàn thượng. Sau khi sử dụng, nó tạo thành một lớp màng chắn mang lại khả năng chống thấm hoàn toàn và thoáng khí, độ bám dính tuyệt vời với các bề mặt như bê tông, kim loại, gỗ và khả năng chống chịu tuyệt vời với những thay đổi thời tiết (độ ẩm, ánh sáng mặt trời, băng đá). Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp nhựa acrylic có tính đàn hồi cao, bột đá cẩm thạch siêu mịn và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2:2008 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và khô ráo.
- Mép gỗ và kim loại phải được cắt sâu vào khoảng 3 cm rồi sau đó được phủ bằng cách sử dụng vữa sửa chữa sợi gia cường REFIXCEM. REFIXCEM cũng được sử dụng để trám trét các lỗ hổng trong bê tông.
- Tại những vị trí tiếp giáp giữa sàn nhà và tường, nên tạo ra một rãnh cong khoảng rộng 10 cm sử dụng REFIXCEM.
- Nên sử dụng REFIXCEM để trám trét các vết nứt bề mặt. Sau khi lớp REFIXCEM đã cứng lại, phủ cục bộ một lớp MARMOFLEX ACTYL và trong khi lớp này còn ướt, đặt một sợi thủy tinh hoặc vải polyester có diện tích 5x5 mm được cắt đúng cách vào. Cuối cùng, trát lớp thứ hai MARMOFLEX ACRYL để che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.
- Trước khi phủ MARMOFLEX ACRYL thì bề mặt phải được sơn lót bằng cách sử dụng MARMOFLEX PRIMER đặc biệt.
- Lớp thứ nhất của MARMOFLEX ACRYL được sơn bằng bàn chải sơn hay con lăn sau khi lớp lót đã khô. Lớp thứ hai được trát theo đường chéo góc và chỉ sau khi lớp thứ nhất đã khô (thường sau 24 giờ). Chiều dày mỗi lớp nên bằng ~1 mm.

- Tại các điểm nút nghiêm trọng và các mối nối hoặc khe nối, ngoài việc sử dụng sợi thủy tinh gia cường hay sợi polyester có kích thước 5x5 mm như đã đề cập, nên sử dụng gia cường trên toàn bộ bề mặt. Lắp đặt gia cường ngay sau khi trát lớp MARMOFLEX ACRYL, khi nó vẫn còn ướt.

- Độ dày lớp phủ gia cường phải vào khoảng 10 cm. Lớp trát thứ hai phải che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.

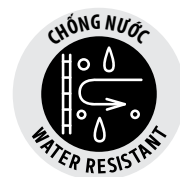
- Nhiệt độ sử dụng trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,5 kg/m²/ lớp có chiều dày 1 mm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 15 kg, 5 kg, và 1 kg.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



07

Các giải pháp chống nước
Sản phẩm chống nước dẻo

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2:2008 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông

Quy cách kỹ thuật	Nhào màu trắng
Độ nhớt	6500 mPa.s
Trọng lượng riêng	1,45 kg/lít
Lượng sử dụng	1,5 kg/m ²
Độ giãn đứt (DIN 53504:2009)	>300 %
Cường độ kéo (DIN 53504:2009)	>1 MPa



MARMOFLEX PU W

Màng trám trét polyurethane dạng nước



MARMOFLEX PU W là chất trám trét trên sàn thượng, gốc polyurethane/dạng nước có thể cọ rửa. Sau khi sử dụng, nó tạo thành một lớp màng chắn mang lại khả năng chống thấm hoàn toàn, độ bám dính tuyệt vời với các bề mặt như bê tông, kim loại, gỗ và khả năng chống chịu tuyệt vời với những thay đổi thời tiết (độ ẩm, ánh sáng mặt trời, băng đá) và biến dạng cơ học (mái che phủ). Thích hợp để sử dụng trên sàn thượng bê tông, tấm kết cấu xi măng, khảm hoặc vữa xi măng. Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

07

Các giải pháp chống nước
Sản phẩm chống nước Polyurethane

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp phân tách polyurethane có tính đàn hồi cao và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2, dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và khô ráo.
- Mép gỗ và kim loại phải được cắt sâu vào khoảng 3 cm rồi sau đó được phủ bằng cách sử dụng vữa sửa chữa REFIXCEM. REFIXCEM cũng được sử dụng để trám trét các lỗ hổng trong bê tông.
- Tại những vị trí tiếp giáp giữa sàn nhà và tường, nên tạo ra một rãnh cong khoảng rộng 10 cm sử dụng REFIXCEM.
- Nên sử dụng REFIXCEM để trám trét các vết nứt bề mặt. Một khi lớp REFIXCEM đã cứng lại, phủ cục bộ một lớp MARMOFLEX PU W và trong khi lớp này còn ướt, đặt một sợi thủy tinh hoặc vải polyester có diện tích 5x5 mm được cắt đúng cách vào. Cuối cùng, trát lớp thứ hai MARMOFLEX PU W để che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.
- Trước khi phủ MARMOFLEX ACRYL thì bề mặt phải được sơn lót bằng cách sử dụng MARMOFLEX PRIMER đặc biệt.
- Lớp thứ nhất của MARMOFLEX PU W được sơn bằng cọ sơn hay con lăn sau khi lớp lót đã khô.
- Lớp thứ nhất được phủ bằng hỗn hợp pha loãng với 5% nước. Lớp thứ hai được phủ bằng hỗn hợp không pha loãng, được trát theo đường chéo góc và chỉ sau khi lớp thứ nhất đã khô (thường sau 24 giờ). Chiều dày mỗi lớp nên bằng ~1 mm.
- Tại các điểm nứt nghiêm trọng và các mối nối hoặc khe nối, ngoài việc sử dụng sợi thủy tinh gia cường hay sợi polyester có kích thước 5x5 mm như đã đề cập, nên sử dụng gia cường trên toàn bộ bề mặt. Lắp đặt gia cường được thực hiện ngay sau khi trát lớp MARMOFLEX PU W, khi nó vẫn còn ướt.

- Độ dày lớp phủ gia cường phải vào khoảng 10 cm. Lớp trát thứ hai phải che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.
- Nhiệt độ sử dụng trong phạm vi từ +10 °C tới +40 °C.

LƯU Ý

- Không được sử dụng MARMOFLEX PU W trong điều kiện ẩm ướt và có mưa hoặc dự kiến có mưa.
- Bề mặt kim loại phải có lớp bảo vệ chống ăn mòn.
- Đối với các mục đích sử dụng có yêu cầu cao hơn và nếu có các vết nứt trên sàn thượng nặng (chiều rộng vết nứt > 1,5 mm), cần sử dụng màng gia cường bằng vải polyester và phủ thêm lớp thứ ba MARMOFLEX PU W.
- Màng đạt được các thuộc tính cuối cùng của mình sau 7 ngày.
- Làm sạch tất cả các công cụ và các phụ kiện bằng nước ngay trước và sau khi sử dụng. Vật liệu đã hóa cứng hoặc đông cứng chỉ có thể được gỡ bỏ bằng máy móc.





LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,0-1,2 kg/m² cho một lớp có chiều dày 1 mm tùy thuộc vào bề mặt

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 13 kg và 4 kg.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông

Quy cách kỹ thuật	Nhũ màu trắng
Độ nhớt	~6500 mPa.s
Trọng lượng riêng	~1,36 kg/lít
Lượng sử dụng	1,0-1,2 kg/m ²
Biến dạng ở Ứng suất cực đại (ASTM D 412 - 06a)	475,15 ± 33,04 %
Biến dạng ở điểm Gãy (ASTM D 412-06a)	486,57 ± 33,30 %
Sức kháng kéo (ASTM D 412-06a)	2,28 ± 0,16 MPa
Biến dạng ở Ứng suất cực đại (ASTM D 412-06a)	34,95 ± 2,15 N
Độ co giãn (ASTM D 412-06a)	1,83 ± 0,10 MPa
Độ bám dính (EN 1542:2001)	2,54 N/mm ²
Độ cứng Shore A (ASTM D2240)	68
Nhiệt độ vận hành	Giữa -15 °C - +80 °C
Hệ số hút nước (EN 1062-3:2008)	0,00 kg/m ² min ^{0.5}
Độ thấm thấu CO ₂ (EN 1062- 6:2002 Method A)	1,7 g/(m ² d)
Hệ số kháng μ (EN 1062 -6:2002 Method A)	14536
Hệ số Sd (EN 1062 -6:2002 Method A)	154,08 m
Độ thấm hơi nước Λ (ISO 7783-1:1999)	0,00307 g/cm ² d ⁻¹
Hệ số kháng hao hụt m (ISO 7783-1:1999)	451,4
Hệ số Sd (ISO 7783-1:1999)	4,78

07

Các giải pháp chống nước
Sản phẩm chống nước Polyurethane



MARMOFLEX HYBRID

Màng chống nước tổng hợp có thể cọ rửa



MARMOFLEX HYBRID là chất trám trét tổng hợp dùng cho sàn thượng. Sau khi sử dụng, nó tạo thành một màng chắn chống thấm hoàn toàn, ngay cả những vùng nước đọng. Lớp màng chắn mang lại khả năng chống thấm hoàn toàn và thoáng khí, độ bám dính tuyệt vời với các bề mặt polyurethane cũ hay mới hay màng nhựa và khả năng chống chịu tuyệt vời với những thay đổi thời tiết (nước đọng, bức xạ mặt trời, băng đá) và biến dạng cơ học. Thích hợp để sử dụng trên sàn thượng bê tông, tấm kết cấu xi măng, khảm hoặc vữa xi măng, kim loại, gỗ, v.v... Là sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp phân tách polyurethane/acrylic có tính đàn hồi cao và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật: ETAG 005 / EN 1504-2 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và khô ráo.
- Mép gỗ và kim loại phải được cắt sâu vào khoảng 3 cm rồi sau đó được phủ bằng cách sử dụng vữa sửa chữa REFIXCEM. REFIXCEM cũng được sử dụng để trám trét các lỗ hổng trong bê tông.
- Tại những vị trí tiếp giáp giữa sàn nhà và tường, nên tạo ra một rãnh cong khoảng rộng 10 cm sử dụng REFIXCEM.
- Nên sử dụng REFIXCEM để trám trét các vết nứt bề mặt. Một khi lớp REFIXCEM đã cứng lại, phủ cục bộ một lớp MARMOFLEX HYBRID và trong khi lớp này còn ướt, đặt một sợi thủy tinh hoặc vải polyester có diện tích 5x5 mm được cắt thích hợp vào. Cuối cùng, trát lớp thứ hai TERRAZZA HYBRID để che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.
- Trước khi phủ MARMOFLEX HYBRID thì bề mặt phải được sơn lót bằng cách sử dụng MARMOFLEX PRIMER đặc biệt.
- Lớp thứ nhất của MARMOFLEX HYBRID được sơn bằng cọ sơn hay con lăn sau khi lớp lót đã khô. Lớp thứ hai được trát theo đường chéo góc và chỉ sau khi lớp thứ nhất đã khô (thường sau 24 giờ). Chiều dày mỗi lớp nên bằng ~1 mm.

- Tại các điểm nút nghiêm trọng và các mối nối hoặc khe nối, ngoài việc sử dụng sợi thủy tinh gia cường hay sợi polyester có kích thước 5x5 mm như đã đề cập, nên sử dụng gia cường trên toàn bộ bề mặt. Lắp đặt gia cường ngay sau khi trát lớp MARMOFLEX HYBRID, khi nó vẫn còn ướt.
- Độ dày lớp phủ gia cường phải vào khoảng 10 cm. Lớp trát thứ hai phải che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.
- Nhiệt độ sử dụng trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,5 kg/m² cho một lớp có chiều dày 1 mm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 13 kg và 4 kg.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

07

Các giải pháp chống nước
Sản phẩm chống nước tổng hợp

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2:2008 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông

Quy cách mỹ thuật	Nhào màu trắng
Trọng lượng riêng	1,15 kg/lít
Bám dính vào bê tông	3,76 MPa
Độ khít kín nước	Không rò rỉ
Độ thấm hơi nước (sd)	0,16 m
Cường độ chịu kéo	102 N/50mm





MARMOCEM

Vữa chống thấm có thể cọ rửa với tính năng thẩm thấu

MARMOCEM là vữa chống thấm có thể cọ rửa với tính năng thẩm thấu. Phản ứng với các thành phần của xi măng và tạo thành muối rắn và không hòa tan, trám trét các lỗ và khe bê tông bằng phương pháp thẩm thấu. Nó phù hợp cho việc chống thấm bên ngoài và bên trong móng nhà, tầng hầm, phòng truyền thống hoặc nghịch đảo, bể bơi và bất kỳ công trình xây dựng nào cần chống thấm bề mặt. Mang lại sự chống thấm hoàn toàn và bảo vệ khỏi ẩm mốc, độ bám dính tuyệt vời vào bê tông, sức chống chịu cao với áp suất âm, cường độ chịu nén và chịu uốn cao cũng như khả năng chống chịu tốt với thay đổi về nhiệt độ, trong khi cung cấp đầy đủ độ thoáng khí cho các bộ phận kết cấu. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2:2008 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông. Cỡ hạt <0,7 mm.
- Phù hợp cho các bể chứa nước sạch di động phù hợp với các quy định của tiêu chuẩn W-347 và W 270 (EBETAM / số giấy chứng nhận 3743).

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, ướt tới độ bão hòa trước khi thi công.
- Mép gỗ và kim loại phải được cắt sâu vào khoảng 3 cm rồi sau đó được phủ bằng cách sử dụng vữa sửa chữa REFIXCEM. REFIXCEM cũng được sử dụng để trám trét các lỗ hổng trong bê tông.
- Tại những vị trí tiếp giáp giữa sàn nhà và tường, nên tạo ra một rãnh cong khoảng rộng 10 cm sử dụng REFIXCEM.
- Nên sử dụng REFIXCEM để trám trét các vết nứt trên bề mặt. Một khi lớp REFIXCEM đã cứng lại, phủ cục bộ một lớp MARMOFLEX PU W và trong khi lớp này còn ướt, đặt một mảnh gia cường (sợi thủy tinh hoặc vải polyester) được cắt đúng cách vào dọc theo đường nứt. Cuối cùng, trát lớp thứ hai MARMOFLEX để che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.
- Tại các điểm nứt nghiêm trọng và các mối nối hoặc khe nối, ngoài việc sử dụng sợi thủy tinh gia cường như đã đề cập, nên sử dụng gia cường trên toàn bộ bề mặt. Lắp đặt gia cường được thực hiện ngay sau khi trát lớp MARMOFLEX đầu tiên, khi nó vẫn còn ướt.
- Độ dày lớp phủ gia cường phải vào khoảng 10 cm. Lớp trát thứ hai phải che kín hoàn toàn kết cấu gia cường (phủ thêm lớp thứ ba nếu cần).

- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm trong bao, sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm hoặc máy trộn xi măng thông thường cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất (bột) sẵn sàng để phun.
- Trát MARMOCEM theo hai lớp theo đường chéo góc, sử dụng cọ hay con lăn, trát lớp thứ hai khi lớp thứ nhất vẫn còn ướt. Nếu lớp đầu tiên đã cứng, trước hết phải thực hiện tưới nước dưỡng ẩm.
- Độ dày của mỗi lớp không được vượt quá 1 mm, để tránh các vết nứt có thể xảy ra.
- Bề mặt lớp mới phủ phải được bảo vệ tránh mưa, ánh nắng mặt trời trực tiếp, bụi, v.v...
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,5 kg/m² cho một lớp có chiều dày 1 mm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



07

Các giải pháp chống nước
Sản phẩm chống nước kết dính

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2:2008 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông, cỡ hạt <0,7 mm.

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Độ bám dính	>1,0 N/mm ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.700 kg/m ³	Độ thấm hơi nước (s _a)	<5 m (loại I)
Lượng sử dụng	1,5 kg/m ² /mm	Khả năng chống áp lực nước	3 atm
Tuổi thọ sử dụng khi ở bên trong thùng	1 giờ		



MARMOCEM LAST

Vữa chống thấm 2 thành phần, có thể cọ rửa với tính năng thấm thấu và độ đàn hồi cao



MARMOCEM LAST là vữa chống thấm 2 thành phần, có thể cọ rửa với tính năng thấm thấu và độ đàn hồi cao. Phản ứng với các thành phần của xi măng và tạo thành muối rắn và không hòa tan, trám trét các lỗ và khe bê tông bằng phương pháp thấm thấu. Vữa này phù hợp cho việc chống thấm bên ngoài và bên trong móng nhà, tầng hầm, phòng truyền thống hoặc nghịch đảo, bể bơi, bể chứa nước, bể mặt bị nứt nẻ và bất kỳ công trình xây dựng nào cần chống thấm bề mặt.

Nhờ tính đồng nhất, đàn hồi và kết dính tốt của MARMOCEM LAST, vữa mang lại sự chống thấm hoàn toàn và bảo vệ khỏi ẩm mốc, độ bám dính tuyệt vời vào bề mặt, sức chống chịu cao với áp suất âm, cường độ chịu nén và chịu uốn cao cũng như khả năng chống chịu tốt với thay đổi về nhiệt độ, trong khi cung cấp đầy đủ độ thoáng khí cho các bộ phận kết cấu.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

07

Các giải pháp chống nước
Sản phẩm chống nước kết dính

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- **Thành phần A:** Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối với kích thước hạt được chọn và keo đặc biệt.
- **Thành phần B:** Chất khuếch tán dẻo có tính đàn hồi cao.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2:2008 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông. Cỡ hạt <0,7 mm.
- Phù hợp cho các bể chứa nước sạch di động phù hợp với các quy định của tiêu chuẩn W-347 và W 270 (EBETAM / số giấy chứng nhận 3743).

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, ướt tới độ bão hòa trước khi thi công.
- Mép gỗ và kim loại phải được cắt sâu vào khoảng 3 cm rồi sau đó được phủ bằng cách sử dụng vữa sửa chữa REFIXCEM. REFIXCEM cũng được sử dụng để trám trét các lỗ hổng trong bê tông.
- Tại những vị trí tiếp giáp giữa sàn nhà và tường, nên tạo ra một rãnh cong khoảng rộng 10 cm sử dụng REFIXCEM.
- Nên sử dụng REFIXCEM để trám trét các vết nứt trên bề mặt. Sau khi lớp REFIXCEM đã cứng lại, phủ cục bộ một lớp MARMOCEM LAST và trong khi lớp này còn ướt, đặt một mảnh gia cường được cắt đúng cách (sợi thủy tinh/vải địa polyester) vào dọc theo đường nứt. Cuối cùng, trát lớp thứ hai MARMOCEM LAST để che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.

- Tại các điểm nút nghiêm trọng và các mối nối hoặc khe nối, ngoài việc sử dụng sợi thủy tinh gia cường như đã đề cập, nên sử dụng gia cường trên toàn bộ bề mặt. Lắp đặt gia cường được thực hiện ngay sau khi trát lớp MARMOCEM LAST đầu tiên, khi nó vẫn còn ướt. • Độ dày lớp phủ gia cường phải vào khoảng 10 cm. Lớp trát thứ hai phải che kín hoàn toàn kết cấu gia cường (phủ thêm lớp thứ ba nếu cần).
- Từ từ thêm thành phần A (vữa 25 kg) vào trong xô đang trộn thành phần B (nhựa latex 6,5 kg) sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm hoặc máy trộn xi măng truyền thống cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất (bột) sẵn sàng để phun.
- Trát MARMOCEM LAST theo hai lớp theo đường chéo góc, sử dụng cọ hay con lăn, trát lớp thứ hai khi lớp thứ nhất vẫn còn ướt. Nếu lớp đầu tiên đã cứng, trước hết phải thực hiện tưới nước dưỡng ẩm.
- Độ dày của mỗi lớp không được vượt quá 1 mm, để tránh các vết nứt có thể xảy ra.
- Bề mặt lớp mới phủ phải được bảo vệ tránh mưa, ánh nắng mặt trời trực tiếp, bụi, v.v...
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.





LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,5 kg/m² cho một lớp có chiều dày 1 mm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Đóng gói 31,5 kg (25 kg vữa + 6.5 kg dung dịch) và 6,3 kg (5 kg vữa + 1,3 kg dung dịch) trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2:2008 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông. Cỡ hạt <0,7 mm.

	THÀNH PHẦN A	THÀNH PHẦN B
Quy cách mỹ thuật	Vữa màu xám	Nhựa màu trắng
Trọng lượng riêng	1.500 kg/m ³	1,1 kg/lít
SẢN PHẨM CUỐI CÙNG		
Cỡ hạt		0,0-0,7 mm
Khối lượng thể tích khô rời		1.700 kg/m ³
Lượng sử dụng		1,5 kg/m ² /mm
Thời gian bảo quản		60 phút
Độ bám dính		>1,0 N/mm ²
Độ thấm hơi nước (s _a)		<5 m (loại I)
Khả năng chống cường độ áp lực nước		>3 atm

07

Các giải pháp chống nước
Sản phẩm chống nước kết dính



MARMOCEM ELASTIK

**Chất trám trét siêu dẻo, 2 thành phần,
có thể cọ rửa**



MARMOCEM LAST là vữa chống thấm dẻo, 2 thành phần, có thể cọ rửa với tính năng thẩm thấu và độ đàn hồi cao. Rất lý tưởng cho việc chống thấm trên sàn thượng, ban công và bất kỳ công trình xây dựng cần tăng độ đàn hồi. Nhờ tính đồng nhất, đàn hồi và kết dính tốt, vữa này mang lại sự chống thấm hoàn toàn, độ bám dính tuyệt vời vào bề mặt, khả năng chống chịu tốt với thay đổi về nhiệt độ, trong khi cung cấp đầy đủ độ thoáng khí cho các bộ phận kết cấu. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

07

Các giải pháp chống nước
Sản phẩm chống nước kết dính

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- **Thành phần A:** Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đã cấp phối với kích thước hạt được chọn và keo đặc biệt.
- **Thành phần B:** Chất khuếch tán dẻo có tính đàn hồi cao.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2:2008 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông, cỡ hạt <1,3 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, và phải tưới nước trước khi thi công.
- Mép gỗ và kim loại phải được cắt sâu vào khoảng 3 cm rồi sau đó được phủ bằng cách sử dụng vữa sửa chữa REFIXCEM. REFIXCEM cũng được sử dụng để trám trét các lỗ hổng trong bê tông.
- Tại những vị trí tiếp giáp giữa sàn nhà và tường, nên tạo ra một rãnh cong khoảng rộng 10 cm sử dụng REFIXCEM.
- Nên sử dụng REFIXCEM để trám trét các vết nứt trên bề mặt. Sau khi lớp REFIXCEM đã cứng lại, phủ cục bộ một lớp MARMOFLEX ELASTIC và trong khi lớp này còn ướt, đặt một mảnh gia cường được cắt đúng cách (sợi thủy tinh/vải địa polyester) vào dọc theo đường nứt. Cuối cùng, trát lớp thứ hai MARMOFLEX ELASTIC để che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.
- Tại các điểm nứt nghiêm trọng và các mối nối hoặc khe nối, ngoài việc sử dụng sợi thủy tinh gia cường như đã đề cập, nên sử dụng gia cường trên toàn bộ bề mặt. Lắp đặt gia cường ngay sau khi trát lớp MARMOCEM ELASTIC, khi nó vẫn còn ướt.
- Độ dày lớp phủ gia cường phải vào khoảng 10 cm. Sau khi lớp thứ nhất đã khô, trát lớp thứ hai để che kín hoàn toàn kết cấu gia cường.
- Từ từ thêm thành phần A (vữa 25 kg) vào trong xô đang trộn thành phần B (nhựa latex 7,5 kg) sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm hoặc máy trộn xi măng truyền thống cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất (bột) sẵn sàng để phun.

- Sử dụng cọ hay con lăn sơn hay chiếc bay để trát MARMOCEM ELASTIC theo hai lớp theo đường chéo góc.
- Chỉ lăn lớp mới sau khi lớp trước đây đã khô hoàn toàn. Độ dày của mỗi lớp không được vượt quá 1 mm, để tránh các vết nứt có thể xảy ra.
- Bề mặt lớp mới phủ phải được bảo vệ tránh mưa, ánh nắng mặt trời trực tiếp, bụi, v.v...
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,7 kg/m² cho một lớp có chiều dày 1 mm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Đóng gói 32,5 kg (25 kg vữa + 7,5 kg dung dịch) trên tám kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.





TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2:2008 dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông, cỡ hạt <1,3 mm.

	THÀNH PHẦN A	THÀNH PHẦN B
Quy cách mỹ thuật	Vữa màu trắng	Nhựa màu trắng
Trọng lượng riêng	1.500 kg/m ³	1,1 kg/lít
SẢN PHẨM CUỐI CÙNG		
Cỡ hạt		0,0-1,3 mm
Khối lượng thể tích khô rời		1.700 kg/m ³
Lượng sử dụng		1,7 kg/m ² /mm
Thời gian bảo quản		60 phút
Độ bám dính		>1,0 N/mm ²
Khả năng chống cường độ áp lực nước		>3 atm

07

Các giải pháp chống nước
Sản phẩm chống nước kết dính



Nền sàn - Sàn nhà

A) Nền sàn

TS 1 (40 kg)..... 104

Láng phẳng sàn nhà

MARMOFLOOR SL (25 kg)..... 105

Xi măng tự láng phẳng nền sàn

B) Sàn công nghiệp

QF 100 INDUSTRIAL (25 kg) 106

Chất làm cứng bề mặt sàn công nghiệp

C) Thẩm thấu / véc ni

PROTECTOR SHIELD ACRYL (5 kg, 1 kg)..... 107

Chất khuếch tán nhựa trong suốt mang tính chất bảo vệ

PROTECTOR SHIELD GLOSS (5 kg, 1 kg) 108

Lớp phủ 2 thành phần polyurethane trong suốt

PROTECTOR SHIELD MATT (5,2 kg / 1 kg) 109

Lớp phủ 2 thành phần polyurethane trong suốt

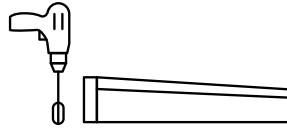
LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.



TS 1

Láng phẳng sàn nhà



Sử dụng như vữa làm phẳng và trám trét bề mặt bê tông trước khi đặt gạch tự nhiên hoặc vật liệu nhân tạo (như sàn gỗ, sàn vải sơn, v.v...). Phù hợp với các mục đích sử dụng bên trong và bên ngoài ngôi nhà. Đảm bảo độ kết dính rất tốt và cường độ chịu nén và chịu uốn cao đối với các ứng dụng thông dụng. Không gây tác hại cho các kết cấu kim loại. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nhuyển với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 13813:2003 / C5-F2, cỡ hạt < 2,4 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao (khoảng 6,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất.
- Chiều dày của lớp trát dao động trong khoảng 3 cm và 10 cm. Nếu cần thì trát lớp thứ hai sau khi ít nhất 2-4 ngày sau khi trát lớp thứ nhất.
- Việc trát phủ bề mặt TS 1 phải được thực hiện sau khoảng thời gian 4 tuần, do đó vữa có thể đã khô hẳn (giai đoạn này phụ thuộc vào độ dày lớp phủ, điều kiện thời tiết và loại bề mặt). Trong mọi trường hợp, độ ẩm bề mặt phải nhỏ hơn 2% trước khi trát phủ.
- Phải cung cấp vữa bản rộng cho các bề mặt lớn.
- Nên tránh điều kiện thời tiết khắc nghiệt như gió lớn, mưa, v.v... trong quá trình sử dụng và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 14 kg/m² cho lớp trát có chiều dày 1 cm, phụ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 40 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

08

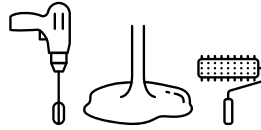
Nền sàn - Sàn nhà

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 13813:2003 / C5-F2, cỡ hạt < 2,4 mm

Cỡ hạt	0,0-2,4 mm	Lượng sử dụng	~14,0 kg/m ²
Khối lượng thể tích khô rời	~1.760 kg/m ³	Cường độ chịu nén	≥5,0 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	~0,9 kg/m ² . min ^{0.5}	Cường độ chịu uốn	≥2,0 N/mm ²





MARMOFLOOR SL

Tự láng phẳng nền sàn

MARMOFLOOR SL là vữa xi măng tự láng phẳng làm cho sàn nhà trở nên bóng mượt. Phủ theo độ dày lên đến 10 mm giúp mang lại bề mặt nhẵn bóng và cứng.

Sử dụng như vữa làm phẳng và trám trét bề mặt bê tông trước khi đặt gạch hoặc vật liệu (tự nhiên hoặc nhân tạo) như sàn gỗ, sàn vải sơn, thảm, v.v...

Đảm bảo độ phẳng tuyệt vời và tính chất cơ học rất cao. Không gây tác hại cho các kết cấu kim loại. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cát thạch nghiến với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 13813 và được xếp vào loại sản phẩm CT-C40-F10.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và khô ráo.
- Trước khi trát hỗn hợp MARMOFLOOR SL, thì bề mặt phải được trát lót bằng cách sử dụng MARMOLATEX. Chỉ trát sau khi lớp lót đã khô (sau một vài giờ).
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm MARMOFLOOR SL đóng trong bao (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Sau đó, hỗn hợp này được đổ lên bề mặt và cán rộng bằng cách sử dụng bay kim loại hoặc thiết bị rải vữa. Khi vật liệu phẳng hoàn toàn, bề mặt được xử lý bằng con lăn có mấu nhọn đặc biệt, để làm thoát không khí. Giai đoạn xử lý này là rất quan trọng, bởi vì sau khi không khí thoát ra, sản phẩm sẽ đặc hơn sau khi cứng và tránh được vết nứt trên bề mặt.

- Việc phủ bề mặt MARMOFLOOR SL phải được thực hiện sau khoảng thời gian 4 tuần, do đó vữa có thể đã khô hẳn (giai đoạn này phụ thuộc vào độ dày lớp phủ, điều kiện thời tiết và loại bề mặt). Trong mọi trường hợp, độ ẩm bề mặt phải nhỏ hơn 2% trước khi trát phủ.
- Phải cung cấp vữa bản rộng cho các bề mặt lớn.
- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt như gió lớn, mưa, v.v... trong quá trình sử dụng MARMOFLOOR SL và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,5 kg/m²/mm phụ thuộc vào loại bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

08

Nền sàn - Sàn nhà

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

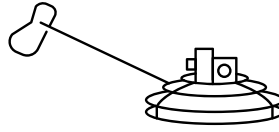
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 13813 / được xếp vào loại sản phẩm CT-C40-F10.

Quy cách mỹ thuật	Vữa kết dính màu xám	Thời gian Bảo quản	~45 phút
Cỡ hạt	0,0-0,8 mm	Lượng sử dụng	~1,5 kg/m ² /mm
Khối lượng thể tích khô rời	~1980 kg/m ³	Cường độ chịu nén	≥40,0 N/mm ²
Khối lượng thể tích	~2.100 kg/m ³	Cường độ chịu uốn	≥10,0 N/mm ²



QF 100 INDUSTRIAL

Chất làm cứng bề mặt sàn công nghiệp



QF 100 INDUSTRIAL là vữa xi măng được sử dụng như chất làm cứng bề mặt trên sàn công nghiệp mới. Sau khi sử dụng, nó mang lại thuộc tính chống chịu rất cao đối với ứng suất cơ học đối với sàn công nghiệp. Thích hợp cho sàn công nghiệp, không gian kho chứa, tầng hầm, v.v...

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiến với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 13813 và được xếp vào loại sản phẩm CT-C40-F10-A9.

SỬ DỤNG

- Các vật liệu được khuếch tán nhờ phun bột lên bề mặt ướt (hoặc vữa xi măng) khi nó đã bắt đầu cứng (có nghĩa là khi bề mặt đã bắt đầu ninh kết).
- Sau khi vật liệu được khuếch tán, nó ngấm vào bề mặt của bê tông rồi được láng mịn bằng cách sử dụng "máy đầm rung".
- Nếu cần thiết do điều kiện môi trường - đặc biệt trong những tháng mùa hè - bề mặt cần được tưới nước dưỡng ẩm đều đặn (cả trước và sau quá trình phun).

- Nên tránh các điều kiện thời tiết khắc nghiệt như gió lớn, mưa, v.v... trong quá trình sử dụng QF 100 INDUSTRIAL và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 4 kg/m² cho lớp trát có chiều dày 3 mm.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tám kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

08

Nền sàn - Sàn nhà

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 13813 / được xếp vào loại sản phẩm CT-C40-F10-A9.

Quy cách kỹ thuật	Vữa kết dính màu xám	Lượng sử dụng	~4,0 kg/m ² /mm
Cỡ hạt	0,0-2,0 mm		
Khối lượng thể tích khô rời	~2.040 kg/m ³	Cường độ chịu nén	≥40,0 N/mm ²
Khối lượng thể tích	~2.100 kg/m ³	Cường độ chịu uốn	≥10,0 N/mm ²





PROTECTOR SHIELD ACRYL

Véc ni dẻo bảo vệ trong nước

PROTECTOR SHIELD ACRYL được sử dụng như một lớp bảo vệ trên cùng trên các bề mặt xi măng (làm sáng bóng bề mặt, sàn tự láng phẳng, bê tông, v.v...). Nó giúp chống nước cho bề mặt đồng thời tăng độ bền cơ học cũng như chống vết bẩn.

Rất lý tưởng cho mục đích làm sáng bóng bề mặt, như một lớp trung gian trước khi sử dụng vec ni polyurethane, để bảo vệ sắc độ màu tự nhiên của bề mặt kết dính.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Chất khuếch tán nước của nhựa dẻo.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...).
- Nên trộn với PROTECTOR SHIELD ACRYL để tránh tạo bong bóng. Trát sản phẩm bằng con lăn sơn hoặc cọ lên một hoặc hai lớp, tùy thuộc vào độ hút nước của bề mặt và kết quả mong muốn.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng 100-200 gr/m², cho một lớp phụ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 5 kg và 1 kg.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



08

Nền sàn - Sàn nhà
Thẩm thấu

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Kết cấu	Màu trắng, nửa trong suốt
Độ nhớt	100 mPa.s
Trọng lượng riêng	1,0 kg/lít
pH	8-9



PROTECTOR SHIELD GLOSS

Lớp polyurethane hai thành phần trong suốt (2-C)



PROTECTOR SHIELD GLOSS là một lớp phủ hai thành phần có thể cọ rửa, gốc acrylic/aliphatic polyurethane, được sử dụng như một lớp ngoài cùng (hoàn thiện) trong các ứng dụng trên sàn nhà và tường (bề mặt sáng bóng, bê tông, sàn công nghiệp, đá, v.v...), sơn bề mặt kim loại cũng như công trình xây dựng gần các vùng biển. Cũng phù hợp cho bề bơi như một lớp bảo vệ cho lớp sơn epoxy. Nó giúp chống nước cho bề mặt đồng thời tăng cường độ bền cơ học cao hơn - Đặc biệt liên quan đến chống ma sát và chấn động - cũng như chống vết bẩn. Cuối cùng, nó mang lại khả năng chống bức xạ tia cực tím tuyệt vời và không bị ố vàng. Lớp này polymer hóa với độ ẩm của không khí, lớp nền dưới và không khí tạo ra bề mặt nhẵn bóng. Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



08

Nền sàn - Sàn nhà
Véc ni

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...). Phải loại bỏ lớp phủ cũ, bụi bẩn, dầu mỡ, mảng bám thực vật sạch sẽ bằng cách sử dụng máy mài. Phải chú ý và làm phẳng toàn bộ các chỗ gồ ghề trên bề mặt. Bất kỳ hạt nhỏ hoặc bụi được tạo qua mài mòn phải được loại bỏ. Chú ý: Không cọ rửa bề mặt bằng nước trước khi thi công.
- Trong trường hợp là bê tông ướt, cần khoảng thời gian tối thiểu là 28 ngày trước khi sử dụng vật liệu.
- Độ ẩm bề mặt không được vượt quá 4%.
- PROTECTOR SHIELD GLOSS sẵn sàng để sử dụng sau khi pha trộn hai thành phần (khoảng 3 phút) và sau khi chờ lắng xuống 5 phút. Sơn hai lớp bằng con lăn.
- Thời gian gia công trong khoảng 2 giờ (25 °C).
- Thời gian chờ giữa hai lớp phủ là 24 giờ (25 °C).
- Thời gian có thể dẫm chân vào là sau 24 giờ (25 °C).
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +12 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng 125 gr/m² cho một lớp phủ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong hộp kim loại 5 kg (thành phần A + B) và 1 kg (thành phần A + B).
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong vòng 2 năm đối với (thành phần A) và 12 tháng đối với (thành phần B) kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

ĐẶC TÍNH	KẾT QUẢ
Lượng sử dụng	125 gr/m ²
Nhiệt độ	12–35 °C
Độ bóng 60°	90
Tỷ lệ trộn	3,6 A : 1,4 B
POE (Nhóm AiD)	< 498 gr/lit (Giới hạn: <500 gr/lit)
Thời gian polimer hóa cuối cùng	7 ngày ở 25 °C



PROTECTOR SHIELD MATT



Lớp polyurethane hai thành phần trong suốt (2-C)

PROTECTOR SHIELD MATT là một lớp phủ hai thành phần có thể cọ rửa, gốc acrylic/aliphatic polyurethane, được sử dụng như một lớp ngoài cùng (hoàn thiện) trong các ứng dụng trên sàn nhà và tường (bề mặt sáng bóng, bê tông, sàn công nghiệp, đá, v.v...). Sơn bề mặt kim loại cũng như công trình xây dựng gần các vùng biển. Cũng phù hợp cho bề bơi như một lớp bảo vệ cho lớp sơn epoxy.

Nó giúp chống nước cho bề mặt đồng thời tăng cường độ bền cơ học cao hơn - Đặc biệt liên quan đến chống ma sát và chấn động - cũng như chống vết bẩn. Cuối cùng, nó mang lại khả năng chống bức xạ tia cực tím tuyệt vời và không bị ố vàng.

Lớp này polymer hóa với độ ẩm của không khí, lớp nền dưới và không khí tạo ra bề mặt bóng mờ.

Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



08

Nền sàn - Sàn nhà
Véc ni

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...). Phải loại bỏ lớp phủ cũ, bụi bẩn, dầu mỡ, màng bám thực vật sạch sẽ bằng cách sử dụng máy mài. Phải chú ý và làm phẳng toàn bộ các chỗ gồ ghề trên bề mặt. Bất kỳ hạt nhỏ hoặc bụi được tạo qua mài mòn phải được loại bỏ. **Chú ý: Không cọ rửa bề mặt bằng nước trước khi thi công.**
- Trong trường hợp là bê tông ướt, cần khoảng thời gian tối thiểu là 28 ngày trước khi sử dụng vật liệu.
- Độ ẩm bề mặt không được vượt quá 4%.
- PROTECTOR SHIELD MATT sẵn sàng để sử dụng sau khi pha trộn hai thành phần (khoảng 3 phút) và sau khi chờ lắng xuống 5 phút. Sơn hai lớp bằng con lăn.
- Thời gian gia công trong khoảng 2 giờ (25 °C).
- Thời gian chờ giữa hai lớp phủ là 24 giờ (25 °C).
- Thời gian có thể dẫm chân vào là sau 24 giờ (25 °C).
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +12 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

125 gr/m² cho một lớp phụ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong hộp kim loại 5,2 kg (thành phần A + B) và 1 kg (thành phần A + B).
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong vòng 2 năm đối với (thành phần A) và 12 tháng đối với (thành phần B) kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

ĐẶC TÍNH	KẾT QUẢ
Lượng sử dụng	125 gr/m ²
Nhiệt độ	12-35 °C
Độ bóng 60°	30
Tỷ lệ trộn	3,8 A : 1,4 B
POE (Nhóm AID)	< 498 gr/lít (Giới hạn: <500 gr/lít)
Thời gian polymer hóa cuối cùng	7 ngày ở 25 °C



SẢN PHẨM LÀM SÁNG BÓNG BỀ MẶT
MARMOFINISH®
BETON CIRE SYSTEM

09

CÁC SẢN PHẨM

Chuẩn bị bề mặt trát

PS PRIMER (20 kg, 5 kg, 1 kg).....	140
Lớp lót dẻo chống nước	

Lớp dưới cùng

MARMOFINISH FW (25 kg)	114
Vữa làm sáng bóng bề mặt có sợi gia cường	
Sợi thủy tinh 160 gr/m ²	

Lớp trên cùng

MARMOFINISH FW FINAL (25 kg)	116
Lớp phủ mịn ngoài cùng làm sáng bóng bề mặt	
MARMOFINISH FW EXTRA FINE (25 kg)	117
Lớp phủ siêu mịn ngoài cùng làm sáng bóng bề mặt	
MARMOFINISH FW PASTE (25 kg)	118
Bột nhào làm sáng bóng bề mặt	

Véc ni bảo vệ

PROTECTOR SHIELD ACRYL (5 kg, 1 kg).....	107
Chất khuếch tán nhựa trong suốt mang tính chất bảo vệ	
PROTECTOR SHIELD GLOSS (5 kg, 1 kg)	108
Véc ni 2 thành phần polyurethane trong suốt	
PROTECTOR SHIELD MATT (5,2 kg, 1 kg)	109
Véc ni 2 thành phần polyurethane trong suốt	

LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.



CÁCH SỬ DỤNG
MARMOFINISH®
BETON CIRE SYSTEM

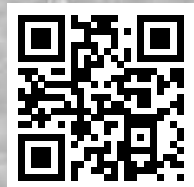
09

Phiên bản hiện đại của truyền thống!

Các đường nét sắc sảo cùng với sự giao thoa trong sắc độ màu được tạo ra bởi bề mặt sáng bóng mang lại độ thẩm mỹ độc đáo đối với sàn nhà và tường trong nhà và ngoài trời. Một giải pháp lý tưởng cho các cải tiến nhanh và dễ dàng, đặc biệt tại bất cứ nơi nào cần độ dày thấp và cho các tòa nhà mới. Với khả năng kháng ma sát và lão hóa cũng như chống thấm làm đây là sản phẩm lý tưởng cho bồn tắm liền tường, đồ nội thất và nhà bếp, đặc biệt là liên quan đến không gian chuyên nghiệp, do khả năng gia tăng tốc độ thi công và dễ làm sạch.



Xem video hướng dẫn sử dụng
trên trang web của chúng tôi hay trên Youtube





MARMOFINISH FW

Vữa làm sáng bóng bề mặt có sợi gia cường



09

Vật liệu làm sáng bóng bề mặt
MARMOFINISH - Lớp thứ nhất

MARMOFINISH FW là vữa xi măng có sợi gia cường, được sử dụng trên khu vực trong nhà và ngoài trời như vữa đánh bóng sàn nhà và tường, mà còn cho các công trình đặc biệt, chẳng hạn như giường gắn sẵn, bàn, chậu rửa, cầu thang cũng như các mục đích sử dụng kết cấu mang tính truyền thống hoặc hiện đại khác.

Đảm bảo tốt cho các tính chất cơ học, đồng thời mang lại kiểu cách tuyệt vời.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

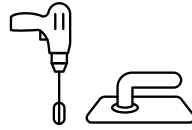
- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 1504-2/MC-IR và EN 1504-3/R2, như một loại vữa bảo vệ bề mặt và sửa chữa bê tông.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên trát lót bằng cách sử dụng vữa lót chống nước có cát thạch anh PS PRIMER.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm đóng trong bao hoặc vào trong chất tạo màu đã tan (khoảng 5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Nên sử dụng bay có răng cưa (6-10 mm) để trát MARMOFINISH FW. Sau đó, khi lớp vữa vẫn còn ướt, đặt tấm gia cường lưới sợi thủy tinh trên toàn bề mặt, để các dải chéo che nhau ít nhất 10 cm. Sau đó sử dụng bay phẳng phủ lớp gia cường và láng mịn bề mặt đồng thời nhấn xuống để tránh tạo bong bóng bên trong lớp vật liệu.
- Sau 2-3 giờ (tùy thuộc vào điều kiện môi trường) và khi bề mặt vữa đã bắt đầu cứng, tiến hành phủ lớp MARMOFINISH FW thứ hai bằng cách sử dụng bay kim loại nhẵn để cho bề mặt nhẵn bóng hoàn toàn để phủ lớp ngoài cùng dễ dàng hơn.

- Sau ít nhất 24 giờ, lớp MARMOFINISH FW FINAL trên cùng hay lớp MARMOFINISH FW EXTRA FINE hay thậm chí lớp MARMOFINISH FW PASTE, được phủ, bay kim loại nhẵn "nhấn" dọc theo bề mặt. Điều quan trọng là phải di chuyển bay trên toàn bộ bề mặt.
- Trong giai đoạn thi công lớp ngoài cùng, có thể thêm chất tạo màu vào hỗn hợp, sử dụng kỹ thuật thích hợp, sẽ tạo vân trên các tông màu khác nhau trên bề mặt hoàn thiện, mang lại kết quả thật sự độc đáo.
- Sau 2-3 ngày, véc ni PROTECTOR SHIELD polyurethane (bóng hoặc mờ) được thấm thấu trên toàn bộ bề mặt lớp phủ ngoài cùng, giúp tăng cường độ chống bám nước, tăng tính chất cơ học, độ ổn định và chống vết bẩn.
- Việc sử dụng véc ni polyurethane thường hay thay đổi màu sắc của bề mặt. Nếu không muốn hiện tượng trên, nên dùng một lớp trung gian PROTECTOR SHIELD ACRYL.
- Phải cung cấp vữa bản rộng cho các bề mặt lớn.
- Nên tránh điều kiện thời tiết khắc nghiệt như gió lớn, mưa, v.v... trong quá trình sử dụng và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.





LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1-2 kg/m² cho lớp trát có chiều dày 1 cm, phụ thuộc vào loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2, EN 1504-3

Cỡ hạt	0,0-1,0 mm	Lượng sử dụng	1-2 kg/m ² /mm
Khối lượng thể tích khô rời	1.600 kg/m ³	Cường độ chịu nén	>25,6 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	<0,3 kg/m ² . h ^{0.5}	Cường độ chịu uốn	>6,8 N/mm ²
Bám dính trên bê tông	>1,5 N/mm ²	Phản ứng với lửa	Euroclass A1

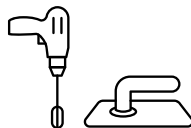
09

Vật liệu làm sáng bóng bề mặt
MARMOFINISH - Lớp thứ nhất



MARMOFINISH FW KẾT QUẢ CUỐI CÙNG

Lớp phủ ngoài cùng làm sáng bóng bề mặt cho sàn nhà và tường



MARMOFINISH FW FINAL là vữa xi măng, được sử dụng trên các khu vực trong nhà và ngoài trời như lớp phủ làm sáng bóng bề mặt ngoài cùng của MARMOFINISH FW.

Đảm bảo tốt cho các tính chất cơ học, đồng thời mang lại kiểu cách tuyệt vời.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cầm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 1504-2/MC-IR và EN 1504-3/R2, như một loại vữa bảo vệ bề mặt và sửa chữa bê tông.

SỬ DỤNG

- Bề mặt (MARMOFINISH FW) phải khô ráo, sạch sẽ và cứng.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm MARMOFINISH FW FINAL đóng trong bao hoặc vào trong chất tạo màu đã tan (khoảng 5,0 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng. Sau đó sử dụng bay phẳng phủ lớp MARMOFINISH FW FINAL và láng mịn bề mặt đồng thời nhấn xuống để tránh tạo bong bóng bên trong lớp vật liệu. Điều quan trọng phải dùng bay để trát phủ kín toàn bộ bề mặt, trét kín vào toàn bộ các khe tiếp xúc.
- Trong khi thi công lớp MARMOFINISH FW FINAL, có thể thêm chất tạo màu vào hỗn hợp, sử dụng kỹ thuật thích hợp, sẽ tạo vân trên các tông màu khác nhau trên bề mặt hoàn thiện, mang lại kết quả thật sự độc đáo.
- Sau 2-3 ngày, véc ni PROTECTOR SHIELD polyurethane (bóng hoặc mờ) được thẩm thấu trên toàn bộ bề mặt lớp phủ ngoài cùng, giúp tăng cường độ chống bám nước, tăng tính chất cơ học, độ ổn định và chống vết bẩn.

- Việc sử dụng véc ni polyurethane thường hay thay đổi màu sắc của bề mặt. Nếu không muốn hiện tượng trên, nên dùng một lớp trung gian PROTECTOR SHIELD ACRYL.
- Phải cung cấp vữa bản rộng cho các bề mặt lớn.
- Nên tránh điều kiện thời tiết khắc nghiệt như gió lớn, mưa, v.v... trong quá trình sử dụng và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1-2 kg/m² cho lớp trát có chiều dày 1 mm.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tám kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2, EN 1504-3

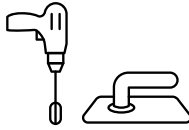
Cỡ hạt	0,0-0,5 mm	Lượng sử dụng	1-2 kg/m ² /mm
Khối lượng thể tích khô rời	1.600 kg/m ³	Cường độ chịu nén	>28,0 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	<0,5 kg/m ² . h ^{0.5}	Cường độ chịu uốn	>7,0 N/mm ²
Bám dính trên bê tông	>2,5 N/mm ²	Phản ứng với lửa	Euroclass A1



09

Vật liệu làm sáng bóng bề mặt
MARMOFINISH - Lớp ngoài cùng





MARMOFINISH FW EXTRA FINE

**Lớp phủ ngoài cùng làm sáng bóng
bề mặt cho sàn nhà và tường**

MARMOFINISH FW EXTRA FINE là vữa xi măng, được sử dụng trên các khu vực trong nhà và ngoài trời như lớp phủ làm sáng bóng bề mặt ngoài cùng của MARMOFINISH FW.

Đảm bảo tốt cho các tính chất cơ học, đồng thời mang lại kiểu cách tuyệt vời.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cỡ hạt nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật EN 1504-2/MC-IR và EN 1504-3/R2, như một loại vữa bảo vệ bề mặt và sửa chữa bê tông.

SỬ DỤNG

- Bề mặt (MARMOFINISH FW) phải khô ráo, sạch sẽ và cứng.
- Từ từ thêm nước sạch vào sản phẩm MARMOFINISH FW EXTRA FINE đóng trong bao hoặc vào trong chất tạo màu đã tan (khoảng 5,0-5,5 lít/bao) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp được phép chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Sau đó sử dụng bay phẳng phủ lớp MARMOFINISH FW EXTRA FINE và láng mịn bề mặt đồng thời nhấn xuống để tránh tạo bong bóng bên trong lớp vật liệu. Điều quan trọng phải dùng bay để trát phủ kín toàn bộ bề mặt, trét kín vào toàn bộ các khe tiếp xúc.
- Trong khi thi công lớp MARMOFINISH FW FINAL EXTRA FINE, có thể thêm chất tạo màu vào hỗn hợp, sử dụng kỹ thuật thích hợp, sẽ tạo vân và bóng đổ trên các tông màu khác nhau trên bề mặt hoàn thiện, mang lại kết quả thật sự độc đáo.

- Sau 2-3 ngày, véc ni PROTECTOR SHIELD polyurethane (bóng hoặc mờ) được thấm thấu trên toàn bộ bề mặt lớp phủ ngoài cùng, giúp tăng cường độ chống bám nước, tăng tính chất cơ học, độ ổn định và chống vết bẩn.
- Việc sử dụng véc ni polyurethane thường hay thay đổi màu sắc của bề mặt. Nếu không muốn hiện tượng trên, nên dùng một lớp trung gian PROTECTOR SHIELD ACRYL.
- Phải cung cấp vữa bản rộng cho các bề mặt lớn.
- Nên tránh điều kiện thời tiết khắc nghiệt như gió lớn, mưa, v.v... trong quá trình sử dụng và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,5 kg/m² cho chiều dày 1 mm.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



09

Vật liệu làm sáng bóng bề mặt
MARMOFINISH - Lớp ngoài cùng

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2, EN 1504-3

Cỡ hạt	0,0-0,1 mm	Lượng sử dụng	1,5 kg/m ² /mm
Khối lượng thể tích khô rời	1.500 kg/m ³	Cường độ chịu nén	>20,0 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	<0,5 kg/m ² . h ^{0.5}	Cường độ chịu uốn	>5,0 N/mm ²
Bám dính trên bê tông	>2,5 N/mm ²	Phản ứng với lửa	Euroclass A1



MARMOFINISH FW PASTE

Chất phủ ép nhào
dùng cho sàn và tường



09

Vật liệu làm sáng bóng bề mặt
MARMOFINISH - Lớp ngoài cùng

MARMOFINISH FW PASTE là chất phủ dẻo có thể sơn màu phù hợp để sử dụng cho sàn nhà và tường với bề mặt sáng bóng. Được sử dụng trên các khu vực trong nhà và ngoài trời như lớp phủ sáng bóng bề mặt. Phù hợp để sử dụng chà nhám cho sàn nhà và tường, và cho các công trình đặc biệt, chẳng hạn như giường gắn sẵn, chậu rửa, cầu thang cũng như các mục đích sử dụng mang tính truyền thống hoặc hiện đại khác.

Đảm bảo tốt cho các tính chất cơ học, độ dẻo và khả năng chống chịu tốt với co giãn, đồng thời mang lại kiểu cách tuyệt vời.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp chất phân tách nhựa dẻo, đá cấp phối cầm thạch nghiền với kích cỡ hạt được chọn, và keo đặc biệt.
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2, dành cho các hệ thống/sản phẩm bảo vệ bề mặt bê tông.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, không nứt nẻ, bằng phẳng, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...). Bề mặt thô với lớp phủ 2-3 mm, nên làm phẳng bằng vữa xi măng có sợi gia cường MARMOFINISH FW thông qua tấm lưới sợi thủy tinh.
- Nên sử dụng SUPER BOND hay BIOPRIMER để lót cho bề mặt có độ hút nước cao, tùy thuộc vào độ nhám. Nên sử dụng PS PRIMER để lót cho bề mặt cần chống nước đặc biệt. Chỉ được phủ bột nhào khi các lớp lót đã khô.
- Sử dụng bay kim loại phẳng để trộn đều và vào hai lớp vừa mỏng (mỗi lớp < 0,5 mm). • Chỉ trát lớp thứ hai sau khi lớp thứ nhất khô hoàn toàn.
- Liên tục nhấn bay để tạo bóng và "vân". Nên sử dụng bay loại nhỏ, cạnh tròn, hình chữ nhật để "nhấn".
- Sau khi lớp bên ngoài đã khô, nên sử dụng véc ni PROTECTOR SHIELD bóng hoặc mờ để gia cường và bảo vệ.

- Nên tránh điều kiện thời tiết khắc nghiệt như gió lớn, mưa, v.v... trong quá trình sử dụng và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

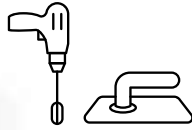
LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,5 kg/m² cho chiều dày 1 mm.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 25 kg trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các thùng chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

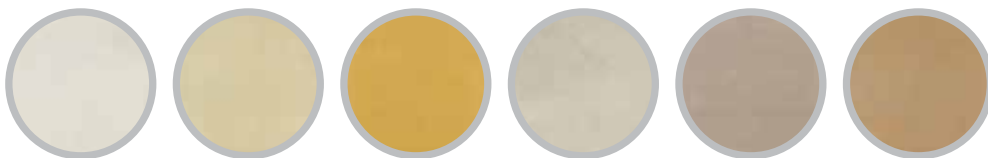




TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-2

Quy cách mỹ thuật	Vữa nhào	Lượng sử dụng	~1,5 kg/m ² /mm
Cỡ hạt	<0,5 mm	Độ kháng mài mòn	AR0.5
Khối lượng thể tích khô rời	1650 kg/m ³	Chống va đập	IR1.7
Độ hút nước mao dẫn	<0,1 kg/m ² ·h ^{0.5}	Độ cứng Shore D	80
Bám dính trên bê tông	>2,5 N/mm ²	Phản ứng với lửa	Euroclass F



Y1 Màu vàng be Y2 Màu vàng nhạt Y3 Màu vàng son B1 Màu nâu trắng đục B2 Màu nâu nhạt B3 Màu nâu Cacao



G Màu xám đậm GB Màu xám xanh S Màu cam đất S1 Màu hồng nhạt R1 Màu đỏ tươi

09

Vật liệu làm sáng bóng bề mặt
MARMOFINISH - Lớp ngoài cùng



Thi công - Sửa chữa

A) Sửa chữa – Phục hồi

CORRO PROTECT (1 kg)	121
Bảo vệ chống ăn mòn bê tông cốt thép	
REFIXCEM (25 kg, 5 kg)	122
Vữa sửa chữa cường độ cao, sợi gia cường	
REFIXFLOW (25 kg).....	123
Vữa sửa chữa cường độ cao, đổ khuôn	

B) Cấp phối xây dựng

MD 10 (25 kg).....	124
Vữa xây gạch	
POROBOND 50 (25 kg).....	125
Vữa kết dính bê tông xốp	

C) Vữa đá cẩm thạch - Lắp nóc

STONEFIX 20 (25 kg).....	126
Vữa dành cho đá tự nhiên	
ROOF CEM (20 kg).....	127
Vữa lợp mái	

LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.

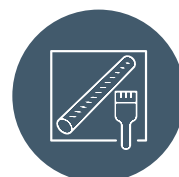


CORRO PROTECT

Bảo vệ chống ăn mòn bê tông cốt thép (màu đỏ)

CORRO PROTECT được sử dụng như một loại vữa bảo vệ bê tông cốt thép khỏi bị ăn mòn, cũng như giúp bê tông cốt thép chống chịu được với điều kiện độ ẩm cao. Mang lại sự bảo vệ chống ăn mòn mạnh mẽ và lâu dài ngay cả trong môi trường ôxy hóa mạnh. Phù hợp kết dính xi măng cũ và mới. Nó có khả năng chịu đựng tốt với tiếp xúc lâu dài với các điều kiện bên ngoài, bức xạ ánh sáng mặt trời và mang lại hiệu suất cao.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

• Vữa chống ăn mòn, đã cấp phối với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.

SỬ DỤNG

- Cốt thép phải sạch sẽ, không có bụi bẩn, dầu mỡ, rỉ sét, v.v...
- Pha 1 kg CORRO PROTECT với 350 gr nước sạch và trộn đều.
- Trộn đều trong khoảng 3 phút sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp phải chờ trong 5 phút và sau đó được khuấy lại một lần nữa trước khi sử dụng.
- Chỉ trát lớp thứ hai sau khi lớp thứ nhất đã khô hoàn toàn.
- Nhiệt độ phải trên +5 °C.

LƯU Ý

- Thời gian khô của sản phẩm là trên 7 ngày.
- Sử dụng nhiều xà phòng với nước để làm sạch. Các vật liệu đã đông cứng được loại bỏ bằng máy móc.

LƯỢNG SỬ DỤNG

- 50-70 gr/m dài của cốt thép cho 2 lớp có tổng chiều dày 1 mm
- Sử dụng 1,3-1,5 kg/m² kết dính xi măng cũ và mới.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 1 kg.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

10

Sửa chữa – Phục hồi

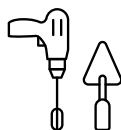
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Hình thức	Vữa
Lượng nước sử dụng	35 %
Tỷ trọng (EN ISO 2811-1: 12011)	1,54 kg/lít
Lượng sử dụng	250-350 gr/m ²
Thời gian bảo quản	60 phút (35°C)
Điều kiện nhiệt độ thủy tinh Tg (EN 12614:2004)	318, 0 °K
Độ bám dính (EN 24624:2003)	>0,5 MPa



REFIXCEM

Vữa sửa chữa cường độ cao,
sợi gia cường



REFIXCEM được sử dụng như một loại vữa sửa chữa cho các công trình có cường độ rất cao, chẳng hạn như sửa chữa kết cấu bê tông hoặc thành phần kết cấu neo.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nhuyển với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-3 / R3, cỡ hạt < 2,4 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, cần tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 4,0 lít/bao) vào sản phẩm trong bao, sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm hoặc máy trộn xi măng thông thường cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất.
- Hỗn hợp vẫn có thể gia công trong khoảng 1 giờ (tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường). Sử dụng bay hoặc bàn xoa và nếu sử dụng vữa thông thường thì có chiều dày lên đến 6 cm theo 3 lớp liên tiếp có chiều dày < 3 cm.

- Trong khi thi công thì nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 19 kg/m², cho lớp trát có chiều dày 1,0 cm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg & 5 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

10

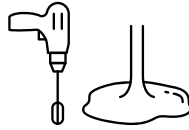
Sửa chữa – Phục hồi

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-3 / R3. Cỡ hạt < 2,4 mm

Cỡ hạt	0,0-2,4 mm	Độ hút nước mao dẫn (C _m)	0,11 kg/m ² .h ^{0.5}
Khối lượng thể tích khô rời	1.700 kg/m ³	Bám dính trên bê tông	≥ 4,0 N/mm ²
Lượng sử dụng	19 kg/m ²	Cường độ chịu nén	≥ 45 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	1 giờ	Cường độ chịu uốn	≥ 10 N/mm ²





REFIFLOW

Vữa sửa chữa cường độ cao,
đổ khuôn

REFIFLOW được sử dụng như một loại vữa sửa chữa cho các công trình có cường độ rất cao, chẳng hạn như sửa chữa kết cấu bê tông hoặc thành phần kết cấu neo.

Trạng thái lỏng khiến nó trở nên lý tưởng cho việc lấp đầy khuôn hoặc những khe hở tại các công trình.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch ngiên với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 1504-3 / R4. Cỡ hạt <5,0 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, cần tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 3,5 lít/bao) vào sản phẩm đóng trong bao (25kg) và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất.
- Hỗn hợp được tạo ra có trạng thái lỏng hơn, do đó nó có thể được đổ vào khuôn. Đổ vào khuôn cần được thực hiện một cách cẩn thận để tránh cản đường thoát không khí.
- Chiều dày tối thiểu là 1 cm.
- Chiều dày tối đa phải trong khoảng 6-8 cm.

- Hỗn hợp vẫn có thể gia công trong khoảng 1 giờ (tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường).
- Trong khi thi công thì nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 20-22 kg/m², cho lớp trát có chiều lớp 1 cm, tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

10

Sửa chữa – Phục hồi

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

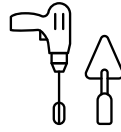
Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-3 / R4. Cỡ hạt <5.0mm

Cỡ hạt	0,0-5,0 mm	Độ hút nước mao dẫn (C _m)	≤0,5 kg/m ² .h ^{0,5}
Khối lượng thể tích khô rời	2.200 kg/m ³	Bám dính vào bê tông	≥2,0 N/mm ²
Lượng sử dụng	20-22 kg/m ²	Cường độ chịu nén	≥65 N/mm ²
Thời gian bảo quản (20°C)	1 giờ	Cường độ chịu uốn	≥9,0 N/mm ²



MD 10

Vữa xây



MD 10 được sử dụng để xây dựng nề bao gồm gạch đất sét thông thường, gạch xi măng, gạch trang trí của bất kỳ loại và kích cỡ nào. Cũng có thể sử dụng cho các công việc sửa chữa nhỏ.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng màu xám chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiến với cỡ hạt được chọn và keo đặc biệt.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EEN 998-2:2010, M2,5, W2. Cỡ hạt <2,4 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, cần tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 5,5 - 6,0 lít/bao) vào sản phẩm trong bao, sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm hoặc máy trộn truyền thống cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp vẫn có thể gia công trong khoảng 3 tới 4 giờ (tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường). Phải trộn lại liên tục, mà không cần thêm nước. Sử dụng bay phẳng hay bay có răng cưa để trát hỗn hợp.
- Việc sử dụng bột và đặt các yếu tố kết cấu vào vị trí cuối cùng nên được hoàn tất trong vòng tối đa là 10-12 phút.

- Bề mặt cuối cùng phải được bảo vệ khỏi sự mất nước nhanh và các điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Nếu cần thiết, tưới thêm bề mặt bằng nước sạch.
- Trong khi thi công thì nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 13-15 kg/m² phụ thuộc vào cỡ gạch.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

10

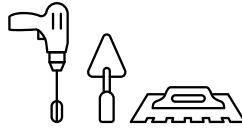
Thi công - Sửa chữa
Cấp phối xây dựng

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998-2:2010, M10, W2. Cỡ hạt <2,4mm

Cỡ hạt	0,0-2,4 mm	Lượng sử dụng	13,0-15,0 kg/m ²
Khối lượng thể tích vữa khô rời	1.600 kg/m ³	Cường độ chịu nén	4,0 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	0,06 kg/m ² . min ^{0,5}	Cường độ chịu uốn	1,4 N/mm ²





POROBOND 50

Vữa dành cho các cấu kiện bê tông xốp

POROBOND 50 được sử dụng như vữa kết dính trong quá trình thi công nề sử dụng các cấu kiện bê tông rỗng cũng như bất kỳ loại vật liệu xây dựng rỗng nào khác. Cũng được sử dụng để trám trét và chà nhám bề mặt. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp vữa với xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiêng với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 998-2:2003, M10, W2. Cỡ hạt <0,7 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và khô ráo.
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 5,5 - 6,0 lít/bao) vào sản phẩm trong bao, sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm hoặc máy trộn truyền thống cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp vẫn có thể gia công trong khoảng 3 tới 4 giờ (tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường). Phải trộn lại liên tục, mà không cần thêm nước. Sử dụng bay phẳng hay bay có răng cưa để trát hỗn hợp.
- Việc sử dụng POROBOND 50 và đặt các yếu tố kết cấu vào vị trí cuối cùng nên được hoàn tất trong vòng tối đa là 10-12 phút.

- Bề mặt cuối cùng phải được bảo vệ khỏi sự mất nước nhanh và điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Nếu cần thiết, tưới thêm bề mặt bằng nước sạch.
- Trong khi thi công thì nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

5,0- Sử dụng 8,0 kg/m², phụ thuộc vào chủng loại và kích thước yếu tố kết cấu.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

10

Thi công - Sửa chữa
Cấp phối xây dựng

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

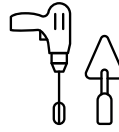
Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998-2:2003, M10, W2. Cỡ hạt <0,7 mm

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Lượng sử dụng	2,5-4,0 kg/m ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.500 kg/m ³	Cường độ chịu nén	≥ 28,6 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	0,2 kg/m ² . min ^{0.5}	Cường độ chịu uốn	≥ 5,4 N/mm ²



STONEFIX 20

Vữa dành cho đá tự nhiên



STONEFIX 20 được sử dụng để lắp đặt tấm đá cẩm thạch và các loại đá tự nhiên khác nhau vào các bãi / nhà xây bằng phương pháp truyền thống, v.v...nhà ở bằng đá đẽo và làm vữa trám trét cho các vật liệu xây dựng nêu trên. Có thể được sử dụng cho các bề mặt thông thường của bê tông hoặc bê tông nhẹ, lớp phủ kết dính, v.v...

Mang lại độ kết dính tốt, cường độ chịu nén và chịu uốn cao, cũng như khả năng chống chịu với sự thay đổi về nhiệt độ.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp vữa với xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cẩm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.
- Tuân theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: EN 998-2:2010.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và khô ráo.
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 4,0-5,0 lít/bao) vào sản phẩm trong bao, sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm hoặc máy trộn truyền thống hoặc máy trộn vữa tự động thông thường cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất. Sau đó, hỗn hợp đã sẵn sàng để sử dụng.
- Nếu bề mặt được trát một lớp phủ, độ ẩm của nó phải nhỏ hơn 2,5% trước khi trát vữa STONEFIX 20.
- Nên tránh điều kiện thời tiết khắc nghiệt (như gió lớn, mưa, bụi, ánh nắng mặt trời trực tiếp, v.v...) trong quá trình sử dụng vữa (và trong cả vài giờ sau đó và nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Lắp đặt tấm đá: Sử dụng khoảng 10 kg/m² cho lớp có độ dày 1 cm, phụ thuộc vào loại bề mặt và chủng loại và kích thước đá tự nhiên.

Xây: Sử dụng khoảng 12-16 kg trên mỗi m² xây, phụ thuộc vào chủng loại và kích thước đá tự nhiên.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

10

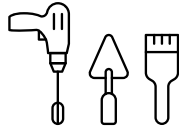
Thi công - Sửa chữa
Vữa dành cho đá cẩm thạch

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998-2:2010

Cỡ hạt	0,0-2,4 mm	Lượng sử dụng		10-16 kg/m ²
		Trít mạch (20°C)	Sàn nhà	1-2 ngày
Khối lượng thể tích khô rời	1.600 kg/m ³	Độ bám dính		2,8 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	<0,5 kg/m ² · min ^{0.5}	Cường độ chịu nén		4,2 N/mm ²
Hệ số truyền hơi nước (μ)	15/35	Cường độ chịu uốn		1,9 N/mm ²





ROOF CEM

Vữa bắt nóc có
sợi gia cường

ROOF CEM được sử dụng như vữa sửa chữa mái, như bắt nóc, cố định tấm trang trí, v.v... Cường độ kết dính mạnh của nó làm cho nó phù hợp với nhiều loại công trình sửa chữa khác nhau. Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiến với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo đặc biệt.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-3 / R2 như là một loại vữa sửa chữa. Cỡ hạt <2,4 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt kết dính hoặc dán gạch phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 4,5-5,0 lít/bao) vào sản phẩm trong bao, sử dụng máy trộn điện ở tốc độ chậm hoặc máy trộn truyền thống cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất.
- Hỗn hợp vẫn có thể gia công trong khoảng 2 giờ (tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường). Thi công bằng bay và các mạch nối được làm sạch và phẳng bằng cách sử dụng một cọ sơn hơi ướt.

- Trong khi thi công thì nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 15 kg/m², cho một lớp có chiều dày 1,0 cm tùy thuộc vào mục đích sử dụng.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 25 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

10

Thi công - Sửa chữa
Lắp nóc

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 1504-3 / R2. Cỡ hạt <2,4 mm

Cỡ hạt	<2,4 mm	Độ hút nước mao dẫn (C _m)	<0,5 kg/m ² .h ^{0,5}
Khối lượng thể tích khô rời	1.700 kg/m ³	Bám dính trên bê tông	≥2,0 N/mm ²
Lượng sử dụng	15 kg/m ²	Cường độ chịu nén	≥15 N/mm ²
Thời gian bảo quản	1 giờ	Cường độ chịu uốn	≥6 N/mm ²



11

Vữa Stucco

Vữa nhựa kết dính stucco

SPATULA 100 (20 kg)	130
SPATULA 300 (20 kg)	131

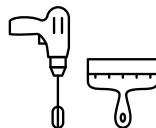
LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.



SPATULA 100

Vữa nhựa kết dính stucco



SPATULA 100 được sử dụng để chà nhám và làm phẳng bề mặt tường trong nhà và ngoài trời. Dành cho mục đích thay thế các loại vữa thông thường để khôi phục hoặc sửa chữa bề mặt trát cũ. Cũng được khuyến nghị sử dụng cho việc sửa chữa quy mô nhỏ và xử lý các vết nứt nhỏ trên bề mặt đã trát. Bề mặt hoàn thiện có thể được sơn một cách dễ dàng.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp vữa với xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cấm thạch nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu: EN998-1:2010 & EN1504-3:2006 / CSIV, W2 & R2, cỡ hạt <0,1 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Trên bề mặt vữa trát, nên sử dụng SP 100 sau ít nhất bảy ngày (thời gian chờ đợi thay đổi tùy theo điều kiện thời tiết).
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 6,0-6,4 lít/bao) vào sản phẩm đóng trong bao và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất.
- Sử dụng bay hoặc thước cán phẳng để trát hỗn hợp có chiều dày 1-2 mm một hoặc hai lớp, tùy thuộc vào bề mặt. Chỉ trát lớp thứ hai sau khi lớp thứ nhất ninh kết hoàn toàn. Không cần phải xử lý bề mặt thêm. Nếu cần thiết, có thể làm phẳng thêm bề mặt bằng bàn xoa một ngày sau.

- Để có kết quả tuyệt vời, tăng tốc độ thi công và tiết kiệm chi phí, nên sử dụng bàn xoa kim loại cho lớp đầu tiên và sử dụng bay cho lớp thứ hai.
- Trong khi thi công thì nhiệt độ trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,0 -1,2 kg/m² cho một lớp có chiều dày 1 mm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

11

Vữa Stucco

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

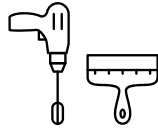
Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998-1:2010 & EN1504-3:2006 / CSIV, W2 & R2. Cỡ hạt <0,1 mm

Cỡ hạt	0,0-0,1 mm	Lượng sử dụng	1,0-1,2 kg/m ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.600 kg/m ³	Độ bám dính	≥2,0 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	<0,01 kg/m ² . min ^{0.5}	Cường độ chịu nén	≥ 11,8 N/mm ²
		Cường độ chịu uốn	≥ 3,4 N/mm ²

⚠ CHÚ Ý: Vữa SPATULA 100 không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trên tường thạch cao hoặc vữa thạch cao, trừ khi đã trát trước một lớp lót dẻo.





SPATULA 300

Vữa nhựa kết dính stucco

SPATULA 300 được sử dụng để chà nhám và làm phẳng bề mặt tường trong nhà. Dành cho mục đích thay thế các loại vữa thông thường để khôi phục hoặc sửa chữa bề mặt trát cũ. Cũng được khuyến nghị sử dụng cho việc sửa chữa quy mô nhỏ và xử lý các vết nứt nhỏ trên bề mặt đã trát. Bề mặt hoàn thiện có thể được sơn một cách dễ dàng.

Sản phẩm công nghiệp trộn sẵn với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp vữa với xi măng trắng chất lượng cao, đá cấp phối cỡ hạt nghiền với cỡ hạt được chọn, thêm chất dẻo và keo.
- Tuân theo tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu: EN998-1:2010 & EN1504-3:2006 / CSIII, W2 & R1, cỡ hạt <0,7 mm.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ và ổn định, nên tưới nước trước khi thi công.
- Trên bề mặt vữa trát, nên sử dụng SP 300 sau ít nhất bảy ngày (thời gian chờ đợi thay đổi tùy theo điều kiện thời tiết).
- Từ từ thêm nước sạch (khoảng 5,6-6,0 lít/bao) vào sản phẩm đóng trong bao và trộn đều bằng máy trộn điện ở tốc độ chậm cho đến khi tạo ra hỗn hợp đồng nhất.
- Sử dụng bay hoặc thước cân phẳng để trát hỗn hợp có chiều dày 2-3 mm một hoặc hai lớp, tùy thuộc vào bề mặt. Chỉ trát lớp thứ hai sau khi lớp thứ nhất ninh kết hoàn toàn. Không cần phải xử lý bề mặt thêm. Nếu cần thiết, có thể làm phẳng thêm bề mặt bằng bàn xoa một ngày sau.

- Để có kết quả tuyệt vời, tăng tốc độ thi công và tiết kiệm chi phí, nên sử dụng bàn xoa kim loại cho lớp đầu tiên và sử dụng bay cho lớp thứ hai.
- Trong khi thi công thì nhiệt độ trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1,0 -1,5 kg/m² cho một lớp có chiều dày 1 mm tùy thuộc vào bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong bao 20 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong các bao chưa mở ở nơi khô ráo, không có sương giá, trong vòng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

11

Vữa Stucco

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn kỹ thuật: EN 998-1:2010 & EN 1504-3:2006 / CSIII, W2 & R1. Cỡ hạt <0,7 mm

Cỡ hạt	0,0-0,7 mm	Lượng sử dụng	1,0-1,5 kg/m ²
Khối lượng thể tích khô rời	1.360 kg/m ³	Độ bám dính	≥1,7 N/mm ²
Độ hút nước mao dẫn (C _m)	<0,01 kg/m ² . tối thiểu ^{0.5}	Cường độ chịu nén	≥ 5,0 N/mm ²
		Cường độ chịu uốn	≥ 1,5 N/mm ²

⊗ CHÚ Ý: Vữa SPATULA 300 không được sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- Trên tường thạch cao hoặc vữa thạch cao, trừ khi đã trát trước một lớp lót dẻo.



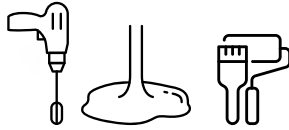
12

Chất lỏng – Keo

MARMO LATEX (18 kg, 5 kg, 1 kg)	133
Nhựa xây dựng	
MARMO PLUS (18 kg, 5 kg, 1 kg)	134
Nhựa kết dính	
MARMO FLOW (18 kg, 5 kg, 1 kg).....	135
Thay thế amiăng	

LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.

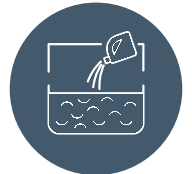


MARMO LATEX

Nhựa xây dựng

MARMO LATEX là một chất khuếch tán các thành phần polymer trong nước khi được thêm vào vữa truyền thống, vữa, vữa xây dựng, vữa kết dính tấm cách nhiệt, v.v... cung cấp độ kết dính và đàn hồi cao, dễ thi công, chống nước và khả năng chống ma sát, co ngót và loại bỏ nguy cơ bị nứt. Phù hợp để sử dụng làm lớp vữa lót kết dính trên lớp vữa kết dính.

Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN

- Dung dịch khuếch tán chất dẻo trong nước.

SỬ DỤNG

- MARMO LATEX được khuấy đều và sau khi loãng với nước thì được thêm vào máy trộn trước khi thêm xi măng và cốt liệu để tránh bị vón cục.
- Nhiệt độ sử dụng trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 18 kg, 5 kg và 1 kg trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

CÁC VÍ DỤ VỀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Vữa dẻo chống nước

Vữa khô được trộn với MARMO LATEX loãng bằng cách thêm nước theo tỷ lệ (MARMO LATEX/nước) là từ 1:2 tới 1:4

- **Vữa xi măng dẻo chống nước**

Vữa khô được trộn với MARMO LATEX loãng bằng cách thêm nước theo tỷ lệ (MARMO LATEX/nước) là 1:3

- **Vữa kết dính tấm cách nhiệt**

Vữa khô được trộn với MARMO LATEX loãng bằng cách thêm nước theo tỷ lệ (MARMO LATEX/nước) là 1:2

- **Vữa sửa chữa**

Vữa khô được trộn với MARMO LATEX loãng bằng cách thêm nước theo tỷ lệ (MARMO LATEX/nước) là 1:3

12

chất lỏng – Keo

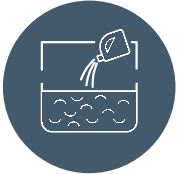
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Màu sắc	Màu trắng
Độ nhớt	900 mPa.s
Trọng lượng riêng	1,1 kg/lít
pH	8-9



MARMO PLUS

Nhựa gia cường



MARMO PLUS là chất khuếch tán các thành phần polymer trong nước khi được thêm vào keo dán gạch và keo chà ron, giúp mang lại độ kết dính và đàn hồi cao, chống nước và khả năng chống ma sát, co ngót và loại bỏ nguy cơ bị hóa chất ăn mòn.

Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN

- Dung dịch khuếch tán chất dẻo trong nước.

SỬ DỤNG

- MARMO PLUS thay thế lên tới 30% lượng nước cần để trộn vữa.
- Trong khi thi công thì nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 18 kg, 5 kg và 1 kg trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

12

chất lỏng – Keo

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Màu sắc	Màu trắng
Độ nhớt	100 mPa.s
Trọng lượng riêng	1,0 kg/lt
pH	8-9

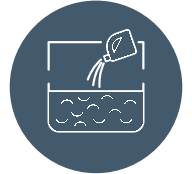




MARMO FLOW

Thay thế amiăng

MARMO FLOW là hỗn hợp vữa xi măng lỏng thay thế amiăng hoàn toàn trong khi tăng độ kết dính, dễ thi công hơn, đồng thời loại bỏ các vấn đề xình ra do việc sử dụng amiăng chất lượng thấp (sâu bướm). Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN

- Dung dịch dẻo với keo đặc biệt. Không chứa các thành phần ăn mòn.

SỬ DỤNG

- MARMO FLOW được thêm vào máy trộn sau khi thêm nước theo tỷ lệ sau:
- Đối với vữa trát: 75 ml MARMO FLOW / 25 kg xi măng
- Đối với vữa xây: 50 ml MARMO FLOW / 25 kg xi măng.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 18 kg, 5 kg và 1 kg trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



12

chất lỏng – Keo

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Màu sắc	Màu nâu/ trắng
Độ nhớt	50 mPa.s
Trọng lượng riêng	1,0 kg/lít
pH	8-9



13

Lớp phủ

A) Lớp lót không có lớp đệm

Lớp lót SUPER BOND (20 kg, 5 kg, 1 kg)	137
Cường độ cao	
BOARD PRIMER (18 kg, 5 kg).....	138
Vữa lót thấm thấu sâu, ổn định chống nước	

B) Lớp lót đệm cát thạch anh

BIOPRIMER (17 kg, 4 kg)	139
Vữa nhào kết dính	
PS PRIMER (20 kg, 5 kg, 1 kg).....	140
Chống nước cường độ cao	
MARMOCONTACT (20 kg, 5 kg, 1 kg).....	141
Vữa kết dính	

LƯU Ý

Mặc dù các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nêu trong tài liệu này đã được biên soạn dựa trên khả năng, kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của chúng tôi, tuy nhiên chúng chỉ nên được coi như những kết quả mang tính biểu thị và cần được xác minh sau nhiều lần sử dụng. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra tính phù hợp của sản phẩm đối mục đích sử dụng dự kiến. Người sử dụng cuối cùng là người chịu trách nhiệm duy nhất cho việc sử dụng sản phẩm.



SUPER BOND PRIMER

Lớp lót kết dính
cường độ cao (màu đỏ)

SUPER BOND PRIMER được sử dụng như một lớp lót để tăng cường độ bám dính. Thích hợp cho các bề mặt trong nhà và ngoài trời.

Lý tưởng như một lớp lót cho việc khôi phục bề mặt với lớp gạch hiện có, cũng như đối với bất kỳ loại bề mặt nào mà trên đó đã trát lớp làm phẳng kết dính (keo dán gạch, vữa xi măng, vữa lỏng tự làm phẳng sàn, v.v...) và những vị trí cần độ bám dính cao.

Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN

- Dung dịch khuếch tán các thành phần polymer trong nước, bổ sung keo đặc biệt.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...)
- Keo trong thùng nhựa phải được khuấy đều trước khi sử dụng.
- Trong trường hợp bề mặt có độ hút nước lớn thì nên sử dụng dung dịch SUPER BOND PRIMER pha loãng với nước theo tỷ lệ không vượt quá 1:2 (1 phần NƯỚC: 2 phần SUPER BOND PRIMER).
- Phủ bằng con lăn hay cọ sơn.
- Bề mặt đã trát chỉ sẵn sàng để sử dụng sau khi đã khô từ 1-2 giờ, tùy thuộc vào điều kiện thời tiết và loại bề mặt.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 1100-150 gr/m² phụ thuộc vào loại bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 20 kg, 5 kg và 1 kg trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

13

Lớp lót- không có lớp đệm

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Kết cấu	Dung dịch dày
Trọng lượng riêng	1,05 kg/lít
Độ hút nước	$W < 0,1 \text{ kg/m}^2 \cdot \text{h}^{0,5} \text{ (W3)}$
Độ thẩm hơi nước	$S_d < 0,14 \text{ m (V1)}$
pH	8-9
Bám dính vào bê tông	$> 4,0 \text{ MPa}$



BOARD PRIMER

Lớp lót kết dính dẻo thấm thấu sâu



BOARD PRIMER được sử dụng như lớp lót của tấm thạch cao hay tấm xi măng trên các kết cấu xây đã cũ cũng như trên các bề mặt có độ hút nước cao (bê tông xốp, v.v..) hay các bề mặt giòn. Mang lại độ chống nước, thấm thấu sâu vào bề mặt đồng thời làm tăng tính ổn định. Nhờ đó, tạo điều kiện lý tưởng cho các ứng dụng trên bề mặt lớp vữa ngoài cùng, keo dán gạch, màu sắc, v.v... Nó phù hợp để làm vữa trang trí, nhiều màu hay màu trắng cũng như các bề mặt đã xử lý được chà nhám bằng bay.

Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.

THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Hỗn hợp khuếch tán acrylic và polymer với kích thước trên quy mô nanomet có chứa silic.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và khô ráo.
- BOARD PRIMER được trộn đều trước khi sử dụng và có thể sử dụng mà không cần pha thêm gì.
- Pha với nước sạch theo tỷ lệ 1:1 tới 1:4 tùy thuộc vào độ hút nước của bề mặt và tình trạng bề mặt.
- Sử dụng con lăn sơn, cọ sơn hoặc thiết bị phun để phủ hỗn hợp bằng một hoặc hai dụng cụ.
- Bề mặt đã trát chỉ sẵn sàng để sử dụng sau khi lớp BOARD PRIMER đã khô hoàn toàn (tùy thuộc vào điều kiện thời tiết và loại bề mặt).
- Trong khi thi công thì nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 100 gr/m² phụ thuộc vào độ lỗng và loại bề mặt trát.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 18 kg, 5 kg và 1 kg trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

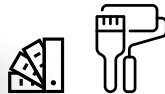
13

Lớp lót- không có lớp đệm

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Màu sắc	Màu trắng, nửa trong suốt
Độ nhớt	100 mPa.s
Trọng lượng riêng	1,0 kg/lt
pH	8-9





BIOPRIMER

Lớp lót kết dính có vữa đệm cát thạch anh và sơn được nhiều màu

BIOPRIMER được sử dụng như một lớp lót để tăng cường độ bám dính cho bề mặt nền có độ hút nước thấp (bê tông nhẵn, bề mặt kim loại, v.v...) cũng như các bề mặt rất hút nước và mỏng (tấm thạch cao, tường đã trát cũ, v.v...). Thích hợp cho các bề mặt trong nhà và ngoài trời. BIOPRIMER kết hợp sự thấm sâu vào bề mặt với việc tạo ra một lớp màng. Có thể được sơn theo sắc độ màu của lớp vữa phủ bên ngoài để đảm bảo khô đồng đều. Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN & ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Dung dịch khuếch tán nhựa trong nước, bổ sung cát thạch anh với các cỡ hạt được lựa chọn và keo đặc biệt.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải sạch sẽ, ổn định và khô ráo.
- Keo trong thùng nhựa phải được khuấy đều trước khi sử dụng. Có thể pha loãng lên tới 20% nước. Nếu đã pha loãng, thì hỗn hợp nên được sử dụng trong vòng 2-3 ngày. Sự phân tách giữa các giai đoạn trong giới hạn thời gian này, sau khi pha loãng, không ảnh hưởng đến các thuộc tính của sản phẩm. Nên trộn đều trong trường hợp này.
- Sử dụng con lăn, cọ hay thiết bị phun đặc biệt tự động để phun lên bề mặt.
- Bề mặt đã trát chỉ sẵn sàng để sử dụng sau khi đã khô từ 4-8 giờ, tùy thuộc vào điều kiện thời tiết và loại bề mặt.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 250-350 gr/m² phụ thuộc vào độ dày lớp trát, độ loãng và loại bề mặt.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 17 kg và 4 kg, trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

13

Lớp lót đệm cát thạch anh

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Kết cấu	Bột nhão
Cỡ hạt	0,0-0,7 mm
Trọng lượng riêng	1,40 kg/lít
Lượng sử dụng	250-350 gr/m ²
pH (ISO 787-9)	8-9
Độ bám dính (EN 24624:2003)	>0,5 MPa
Độ hút nước (EN 1062-3:2001)	0,47 kg/m ² .min ^{0,5}
Độ thấm hơi nước (EN ISO 7783-2:2001)	<13 gr/(m.d) → S _d <0,16



PS PRIMER

Lớp lót kết dính cường độ cao, chống nước, có vữa đệm cát thạch anh (màu nâu)



PS PRIMER được sử dụng như một lớp lót để tăng cường độ bám dính và chống thấm nước bề mặt. Thích hợp cho các bề mặt trong nhà và ngoài trời.

Sau khi sử dụng, một lớp bám dính tối ưu được hình thành, mang lại độ bền cơ học cao và chống thấm nước hoàn toàn. Lý tưởng như một lớp lót trên bề mặt cần chống thấm nước, sáng bóng bề mặt, v.v...

Mang lại khả năng chống ẩm lâu dài một cách tuyệt vời, vẫn duy trì sự tiếp xúc với môi trường bên ngoài mà không bị hư hỏng do mưa.

Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN

Dung dịch khuếch tán nhựa trong nước, bổ sung cát thạch anh với các cỡ hạt được lựa chọn và keo đặc biệt.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...).
- Keo trong thùng nhựa phải được khuấy đều trước khi sử dụng. Không nên sử dụng thêm nước để làm loãng dung dịch.
- Sử dụng con lăn, cọ hay thiết bị phun đặc biệt tự động để phun lên bề mặt.
- Bề mặt đã trát chỉ sẵn sàng để sử dụng sau khi đã khô từ 4-6 giờ, tùy thuộc vào điều kiện thời tiết và loại bề mặt.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 200-300 gr/m², tùy thuộc vào chiều dày của lớp.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 20 kg, 5 kg và 1 kg trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

13

Lớp lót đệm cát thạch anh

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Kết cấu	Chất lỏng nhớt
Cỡ hạt	0,0-0,5 mm
Trọng lượng riêng	1,35 kg/lít
Độ hút nước	$W < 0,1 \text{ kg/m}^2 \cdot \text{h}^{0,5} \text{ (W}^3\text{)}$
Độ thấm hơi nước	$S_d < 0,14 \text{ m (V1)}$
pH	7-8
Bám dính vào bê tông	$> 3,0 \text{ MPa}$





MARMOCONTACT

Lớp lót kết dính có vữa đệm cát thạch anh (màu đỏ)

MARMOCONTACT được sử dụng như một lớp sơn lót để tăng cường độ bám dính cho bề mặt nền có độ hút nước thấp (bê tông nền, bề mặt kim loại, lớp trát cũ, v.v...). Thích hợp cho các bề mặt trong nhà và ngoài trời. Sản phẩm công nghiệp sẵn sàng để sử dụng với chất lượng cao đồng nhất. Đảm bảo tính dễ thi công hợp lý, gia tăng tốc độ thi công, tiết kiệm chi phí với kết quả tuyệt vời.



THÀNH PHẦN

- Dung dịch khuếch tán nước, bổ sung cát thạch anh với các cỡ hạt được lựa chọn và keo đặc biệt.

SỬ DỤNG

- Bề mặt phải ổn định, khô ráo, sạch sẽ, không có tạp chất (vữa, bụi, sơn, dầu, v.v...)
- Keo trong thùng nhựa phải được khuấy đều trước khi sử dụng. Không nên sử dụng thêm nước để làm loãng dung dịch.
- Sử dụng con lăn, cọ hay thiết bị phun đặc biệt tự động để phun lên bề mặt.
- Bề mặt đã trát chỉ sẵn sàng để sử dụng sau khi đã khô từ 4-6 giờ, tùy thuộc vào điều kiện thời tiết và loại bề mặt.
- Nhiệt độ phải trong phạm vi từ +5 °C tới +35 °C.

LƯỢNG SỬ DỤNG

Sử dụng khoảng 250-350 gr/m², tùy thuộc vào chiều dày của lớp.

ĐÓNG GÓI & BẢO QUẢN

- Trong thùng 20 kg, 5 kg và 1 kg trên tấm kê hàng.
- Bảo quản trong thùng kín ở nơi khô ráo, được che chắn khỏi sương giá và ánh nắng mặt trời trong 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

13

Lớp lót đệm cát thạch anh

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Kết cấu	Bột nhào màu đỏ nhạt
Cỡ hạt	0,0-0,7 mm
Trọng lượng riêng	1,45 kg/lít
Lượng sử dụng	250-350 gr/m ²
pH (ISO 787-9)	8-9
Độ bám dính (EN 24624:2003)	>0,5 MPa
Độ hút nước (EN 1062-3:2001)	0,47 kg/m ² .min ^{0,5}
Độ thấm hơi nước (EN ISO 7783-2:2001)	<12 gr/(m.d)



Những giải pháp 5 sao!

Du lịch được coi là ngành "công nghiệp nặng" của Hy Lạp. Hàng triệu khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới đến thăm mọi góc ngách của đất nước Hy Lạp trong suốt cả năm.

Họ đến với đất nước Hy Lạp để chiêm ngưỡng mặt trời, biển, văn hóa bản địa và họ luôn có những kỷ niệm tuyệt vời.

MARMODOM cung cấp một loạt sản phẩm vật liệu xây dựng tuyệt vời có phạm vi ứng dụng rộng rãi và EAGLE S.A. có thể đảm bảo quy cách kỹ thuật có tính thẩm mỹ cao bằng cách cung cấp sự lựa chọn lớn đối với đá cẩm thạch và đá granite cho tất cả các loại hình khách sạn.

Chúng tôi cung cấp các giải pháp chuyên dụng và được chứng nhận cho toàn bộ công việc xây dựng hoặc trùng tu khách sạn.

Kiến trúc kỹ thuật chuyên sâu và kinh nghiệm rộng lâu năm của chúng tôi tạo thành nền tảng của các mối quan hệ đáng tin cậy, chúng tôi đã xây dựng kể từ khi gia nhập thị trường.

Và đó là bởi vì hình ảnh khách sạn của bạn luôn tuyệt vời nhất ở mọi góc trong phòng.

Vì sự lựa chọn tốt nhất cho khách hàng của bạn, MARMODOM luôn là giải pháp lý tưởng của bạn!





14

Phụ kiện

Polystyrene mở rộng EPS
Graphite polystyrene mở rộng EPS
Polystyrene đùn EPS
Bông cách nhiệt WOOL
Tấm lưới sợi thủy tinh PVC 160 gr/m²
Neo PVC có đinh
Nẹp viền góc PVC có lưới
Ống PVC đục lỗ
Dụng cụ bắt vít và tường tráng kẽm
Nẹp viền góc tráng kẽm
Tấm thạch cao (thông thường/chống nước)
Tấm sợi gỗ ép
Tấm xi măng
Vải địa kỹ thuật



Công ty chúng tôi sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm gì về các sai sót trong in ấn. EAGLE/MARMODOM không ngừng phát triển các sản phẩm của mình và do đó duy trì quyền thay đổi thiết kế và đặc tính của các sản phẩm mà không cần thông báo trước.



MARMODOM – TRỤ SỞ CHÍNH

Prosotsani Industrial Park
Prosotsani, Drama, 66200
Điện thoại: 2522021100
Fax: 25221021110
info@marmodom.eu

MARMODOM - ATHENS

Markopoulo Attica,
Loutsas Location 0,
Mã bưu chính 19003, Athens
Điện thoại: 2299023360
Fax: 2299023320
athens@marmodom.eu

MARMODOM – THESSALONIKI

KYRIAKIDES & CO INDUSTRIAL AND COMMERCIAL SA MARBLE-
CONSTRUCTION MATERIALS
2nd km. of Diavata– Oraiokastro
Thessaloniki (Đại lộ Egnatia),
Mã bưu chính 57008, Thessaloniki
T. +30 2310 778994
F. +30 2310 781662
thessaloniki@marmodom.eu